

TỦ SÁCH TINH HOA VĂN HỌC



V. M. GARSHIN



BÔNG HOA ĐỎ

Trần Thị Phương Phương dịch



NXB Hội Nhà văn



Thông tin sách

Tên sách: **Bông hoa đỏ**

Tác giả: **V.M. Garshin**

Dịch giả: **Trần Thị Phương Phương**

Công ty phát hành: **Phương Nam**

Nhà xuất bản: **NXB Hội Nhà Văn**

Trọng lượng vận chuyển: **200 grams**

Kích thước: **12x18.5x1.3cm**

Số trang: **213**

Ngày xuất bản: **08/2011**

Giá bìa: **55.000 đ**

Thể loại: **Truyện ngắn**

Thông tin ebook

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Type+Làm ebook: **thanhbt**

Ngày hoàn thành: **17/06/2014**

Dự án ebook #26 thuộc Tủ sách BOOKBT



Ebook này được thực hiện nhằm chia sẻ cho những bạn không có điều kiện mua sách!

Còn nếu bạn có khả năng hãy mua sách ủng hộ nha!

Giới thiệu sách

Vsevolod Mikhailovich Garshin (1855 - 1888) bước vào lịch sử văn học Nga với tư cách một bậc thầy truyện ngắn. Di sản văn học của Garshin không lớn, hoạt động sáng tác của ông kéo dài chỉ khoảng mười năm. Tuy nhiên, dấu ấn của con người tài năng độc đáo này để lại cho văn học Nga là rất quan trọng. Ông được xem là một trong những người đi tiên phong trong tiến trình phát triển truyện ngắn Nga, thậm chí trước cả A.P.Chekhov.

Garshin đã dồn nhiều tâm huyết để viết truyện ngắn nổi tiếng nhất của mình, **Bông hoa đỏ** (1883). Đó là một tác phẩm đậm đặc cảm xúc, ý nghĩa triết lý và đầy kịch tính. Tri giác quả kịch liệt về cái ác của thế giới nơi nhân vật đã khiến cả những hiện tượng đời thường, như những bông hoa anh túc đỏ, cũng biến thành những hình ảnh biểu tượng.

Mỗi truyện ngắn trong Bông hoa đỏ được tác giả Vsevolod Mikhailovich Garshin đầu tư như một “đề tài nghiên cứu” thực sự. Cách ông viết hết như cách đặt lý thuyết phổ quát cho một hiện trạng, để rồi bắt mũi khoan tư tưởng đi sâu vào tận lõi sự việc. Đó là một thao tác văn chương rất chuyên nghiệp, rất hiện đại của một văn tài đáng ngưỡng mộ. Xuyên suốt cuốn sách, độc giả bắt gặp những trần trở, những cuộc đối thoại, độc thoại của Vsevolod Mikhailovich Garshin về hàng loạt những mâu thuẫn cuộc sống chòng chẹo: Giá trị nghệ thuật đích thực là gì nếu người nghệ sĩ chỉ biết đi tìm những cái đẹp trong cuộc sống mà không đoái hoài tới những hình ảnh xấu xí của mặt trái sự sống? Nghệ thuật là gì và người làm nghệ thuật phải làm gì? Thế nào là xấu và thế nào là tốt?...

Mục lục

V.M. GARSHIN - MỘT BẬC THẦY TRUYỆN NGẮN NGÀ

Bốn ngày

Sự cố

I

II

III

IV

Một cuộc tình rất chóng vánh

Một cuộc gặp gỡ

Kẻ hèn nhất

Những người hoạ sĩ

I

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

Attalea Princeps

Bông hoa đỏ

I

II

III

IV

V

VI

Tín hiệu

Con ếch du hành

V.M. GARSHIN - MỘT BẠC THẦY TRUYỆN NGẮN NGA



Vsevolod Mikhailovich Garshin (1855-1888) bước vào lịch sử văn học Nga với tư cách một bậc thầy truyện ngắn. Di sản văn học của Garshin không lớn, hoạt động sáng tác của ông kéo dài chỉ khoảng mười năm. Tuy nhiên, dấu ấn của con người tài năng độc đáo này để lại cho văn học Nga là rất quan trọng. Ông được xem là một trong những người đi tiên phong trong tiến trình phát triển truyện ngắn Nga, thậm chí trước cả A.P. Chekhov.

Garshin sinh ngày 02 tháng 02 năm 1855 (tức 14 tháng 2 theo lịch hiện hành) tại điền trang Priatnaya Dolina thuộc huyện Bakhmutsky, tỉnh

Ekaterinoslavnaya (nay thuộc Ukraina) trong một gia đình quý tộc lâu đời. Cha là một sĩ quan từng tham gia chiến tranh Krym 1853 - 1856, mẹ là một kiểu phụ nữ tiêu biểu của những năm 1860 rất quan tâm đến văn học và chính trị.

Thuở ấu thơ, Garshin là đứa trẻ hết sức nhạy cảm, dễ bị kích động, có trí tuệ phát triển rất sớm. Người thầy đầu tiên của cậu bé Garshin, nhà cách mạng P.V.Zavadsky, đã dạy cậu học chữ qua những trang *Người đương thời* - mà vào đầu những năm 1860 đang là tờ tạp chí dân chủ cách mạng có tầm ảnh hưởng xã hội lớn nhất của Nga. Garshin đã đọc tiểu thuyết *Làm gì?* của nhà văn N.G. Chernyshevsky khi mới lên tám tuổi, tập viết văn theo hình mẫu của *Iliad* lúc đang ở trung học.

Ở tuổi lên năm, một bi kịch gia đình đã ảnh hưởng rất nhiều đến tính cách của nhà văn tương lai: mẹ nhà văn đem lòng yêu người gia sư Zavadsky. Khi ông này bị bắt (do sự tố cáo của người cha) và bị đày đi Petrozavodsk với cáo buộc hoạt động chính trị, bà chuyển đến sống ở Petersburg để có thể thăm nuôi người tù. Garshin sống với cha cho tới năm 1864 tại điền trang gần thành phố Starobelska thuộc tỉnh Kharkov, sau đó về với mẹ ở Petersburg.

Năm 1874, chàng trai trẻ vào học Đại học Mỏ Petersburg nhưng không tốt nghiệp. Năm 1876, Garshin bắt đầu xuất hiện trên văn đàn với tác phẩm bút ký châm biếm *Câu chuyện có thực về hội đồng tự quản huyện Ensk*, trong đó ghi lại những hồi ức của nhà văn về cuộc sống tỉnh lẻ. Thời sinh viên, Garshin gần gũi với các *peredvizhniki* - những họa sĩ lưu động vẽ theo khuynh hướng hiện thực và chống lại hội họa hàn lâm của Nga những năm 1870. Nhà văn xuất hiện khá nhiều trên báo chí với những bài phê bình nghệ thuật.

Tháng 4 năm 1877, cuộc chiến tranh Nga - Thổ bùng nổ. Garshin tình nguyện gia nhập quân đội, không phải vì lòng yêu nước, cũng không vì muốn phiêu lưu, mà đơn giản tin rằng nếu như nhân dân chịu đau khổ ngoài

chiến trận, thì bản thân ông cũng phải có trách nhiệm cùng chịu đựng những đau khổ đó. Garshin đã chiến đấu dũng cảm, nhưng bốn tháng sau, ông bị thương trong một trận đánh ở một ngôi làng nhỏ Bulgaria mang tên Ayaslar. Những ấn tượng của lần bị thương này trở thành chất liệu cho truyện ngắn *Bốn ngày* đã khiến tên tuổi Garshin nổi tiếng khắp nước Nga.

Garshin trở về Petersburg nghỉ phép dưỡng thương, rồi sau đó xuất ngũ với cấp bậc sĩ quan. Trong giới văn nghệ thủ đô, ông đặc biệt được nhóm các nhà văn mang tinh thần dân chủ của tờ tạp chí Bút ký tổ quốc như M.E. Saltykov-Shchedrin, G.I. Uspensky, v.v. nồng nhiệt đón chào.

Chiến tranh đã để lại dấu ấn sâu sắc trong đời sống tâm lý cũng như trong sáng tác của Garshin. Những truyện ngắn với cốt truyện và cấu trúc giản dị đã hấp dẫn độc giả, bởi mở ra trước mắt họ là thế giới cảm xúc đầy phức tạp của các nhân vật. Garshin thường kể chuyện từ ngôi thứ nhất, sử dụng hình thức ghi chép cá nhân, nhật ký, quan tâm sâu sắc đến những trạng thái tinh thần đau đớn, đầy thương tật của các nhân vật. Điều này tạo ấn tượng về sự đồng nhất giữa tác giả và nhân vật. Các nhà phê bình đương thời thường dùng cụm từ: “Garshin đã viết bằng máu” để nói về truyện ngắn Garshin. Trong các tác phẩm của ông có thể thấy sự kết hợp những thái cực của cảm xúc con người: tinh thần quả cảm, anh hùng, sẵn sàng xả thân hy sinh đi cùng với thái độ ghê tởm chiến tranh (*Bốn ngày*, 1877), cảm nhận về trách nhiệm khi có chiến tranh đồng hành với mong muốn né tránh nó và sự bất lực không thể thoát khỏi nó (*Kẻ hèn nhất*, 1879). Sự hèn yếu của con người trước cái ác, những kết cục bi kịch của nó - đó không chỉ là đề tài trong các truyện ngắn viết về chiến tranh. Như truyện ngắn *Sự cố* (1878) - một cảnh đường phố, một câu chuyện về người phụ nữ sa ngã, nhưng đằng sau là bộ mặt đạo đức giả của xã hội và sự tàn bạo của đám đông. Trong truyện ngắn *Một cuộc gặp gỡ* (1879), những lý tưởng đẹp đẽ của một ông giáo trẻ đã vấp phải sự đê hèn, tầm thường, tội lỗi ngay trong ngày đầu nhận nhiệm sở.

Thậm chí cả trong thế giới những nghệ sĩ, những người tạo ra cái đẹp, Garshin cũng không tìm thấy được câu trả lời cho những kiếm tìm tinh thần

đầy trần trở của mình. Trong *Những người họa sĩ* (1879), nhà văn đặt ra vấn đề về vai trò của nghệ thuật trong xã hội, vấn đề “nghệ thuật vị nhân sinh” trong sự đối lập với “nghệ thuật vị nghệ thuật”, suy tư về sự không cần thiết của nghệ thuật đương thời. Nhân vật trong truyện, họa sĩ trẻ tài năng Ryabinin, đã từ bỏ hội họa để về nông thôn dạy học.

Biểu tượng là một cách thể hiện cảm quan thế giới của nhà văn. *Attalea princeps* (1880) là một ví dụ. Cây cọ yêu tự do khao khát thoát khỏi ngục tù đã vươn cao, phá vỡ mái nhà kính và chết. Tiếp cận cuộc sống một cách lãng mạn, Garshin cố gắng tháo gỡ những vấn đề cuộc sống, nhưng trạng thái tinh thần bệnh tật và tính cách phức tạp đã đưa nhà văn trở lại sự tuyệt vọng không lối thoát.

Trạng thái đó càng trở nên trầm trọng hơn bởi những sự kiện diễn ra đầu những năm 1880. Tháng hai năm 1880, nhà cách mạng theo xu hướng khủng bố là I.O. Mlodetsky đã mưu sát bá tước M.T. Loris-Melikov, người đứng đầu Hội đồng trật tự tối cao (một cơ quan đặc biệt của chính phủ Nga hoàng được thành lập sau vụ khủng bố Cung điện Mùa Đông do nhóm dân túy “Ý dân” tiến hành ngày 05 tháng 02 năm 1880). Garshin, với tư cách là nhà văn nổi tiếng, đã xin được gặp bá tước Loris, cầu xin vị đại thần này ân xá cho kẻ phạm tội. Nhà văn cố gắng thuyết phục ông ta, rằng tử hình kẻ khủng bố chỉ làm tăng thêm số người bị chết trong cuộc chiến giữa chính phủ với những người cách mạng. Tuy nhiên, án tử hình vẫn được thực thi. Sau sự cố đó, các dấu hiệu rối loạn tâm thần, vốn xuất hiện từ đầu những năm 1870, càng trở nên rõ rệt nơi Garshin. Các chuyến du lịch không làm bệnh thuyên giảm, nhà văn được đưa vào các cơ sở điều trị tâm thần ở Oriol, Kharkov và sau đó là Petersburg.

Sau hai năm điều trị, mặc dù tạm thời khỏi bệnh, nhưng một thời gian khá lâu Garshin không trở lại sáng tác. Năm 1882, tập truyện của ông được xuất bản gây nên những tranh luận gay gắt trong giới phê bình. Người ta phê phán Garshin do giọng điệu u ám và bi quan trong truyện của ông. Các nhà

dân túy đem truyện của ông làm ví dụ về sự đau khổ dằn vặt lương tri của giới trí thức đương thời.

Mùa đông năm 1883, nhà văn kết hôn với một nữ bác sĩ và vào làm thư ký trong văn phòng Hội đồng đại diện ngành đường sắt. Thời gian này, Garshin đã dồn nhiều tâm huyết để viết truyện ngắn nổi tiếng nhất của mình, *Bông hoa đỏ* (1883). Đó là một tác phẩm đậm đặc cảm xúc, ý nghĩa triết lý và đầy kịch tính. Tri giác quá kịch liệt về cái ác của thế giới nơi nhân vật đã khiến cả những hiện tượng đời thường, như những bông hoa anh túc đỏ, cũng biến thành những hình ảnh biểu tượng.

Dưới ảnh hưởng của L.N. Tolstoy, Garshin có xu hướng đơn giản hóa phong cách tự sự. Xuất hiện những truyện ngắn viết theo kiểu Tolstoy, mà *Tín hiệu*, hay truyện đồng thoại *Con ếch du hành* là những ví dụ tiêu biểu, cả hai đều được viết trong năm 1887, năm sáng tác cuối cùng của nhà văn.

Những cơn trầm cảm trở lại, ngày càng thường xuyên và nặng nề hơn. Garshin buộc phải rời bỏ công việc, cộng thêm vào đó là những xung đột trong gia đình giữa mẹ và vợ nhà văn. Tất cả những điều này đã dẫn đến kết cục bi thảm: ngày 19 tháng 3 năm 1888, sau một đêm mất ngủ vật vã, nhà văn đã nhảy từ tầng lầu phía dưới căn hộ của ông ở Petersburg, bị chấn thương nặng và qua đời năm ngày sau đó, khi mới ở tuổi 33.

Cái chết của Garshin gây một tiếng vang lớn trong giới độc giả Nga thuộc nhiều tầng lớp khác nhau. Danh họa I.E. Repin trong niềm thương tiếc đã xúc động vẽ bức chân dung cuối cùng của nhà văn khi nằm giữa những bông hoa đỏ trước khi về với đất. Hai tập sách được ấn hành để tưởng niệm nhà văn, trong đó bên cạnh những hồi ức của bạn bè và người thân, còn có những truyện ngắn và những bức họa của các nhà văn và các họa sĩ nổi tiếng đương thời, được gợi cảm hứng từ con người và tác phẩm của Garshin.

Trong cuộc đời sáng tác ngắn ngủi của mình, Garshin hết sức tận tâm với

thể loại truyện ngắn. “... Những truyện rất ngắn đôi khi chỉ có vài trang nhỏ của ông đã khai thác triệt để toàn bộ nội dung cuộc sống của chúng ta” - nhà văn G.I. Uspensky đã viết như thế. Ảnh hưởng của Garshin có thể tìm thấy trong truyện ngắn của các nhà văn cùng thời hay về sau, như A.P. Chekhov, V.G. Korolenko, Maxim Gorky.

Người dịch

Bốn ngày

TÔI NHỚ CHÚNG TÔI ĐÃ chạy băng qua rừng, đạn rít bên tai, những cành cây gãy đổ, chúng tôi chui qua những bụi táo gai. Đạn bắn rất hơn. Ngoài bìa rừng thấp thoáng cái gì đó màu đỏ. Sidorov, cậu binh nhì trẻ măng (“không biết sao hắn lại rơi vào đội của bọn ta?” - tôi thoáng nghĩ), đột nhiên ngồi bệt xuống đất và lặng nhìn tôi với đôi mắt mở to kinh hãi. Một dòng máu chảy ra từ miệng cậu ta. Phải, tôi nhớ rất rõ cảnh đó. Tôi còn nhớ gần như ngay ở bìa rừng, trong những bụi cây rậm rạp, tôi trông thấy...*hắn*. Hắn là một tên Thổ to lớn, nhưng tôi lao thẳng vào hắn, mặc dù tôi ốm yếu và gầy nhom. Cái gì đó đỏ phịch xuống, một cái gì đó, tôi cảm thấy thế, rất to lớn bay ngang qua, rít lên trong tai. “Đó là hắn vừa bắn mình” - tôi nghĩ. Còn *hắn* ta rú lên kinh hãi, tựa lưng vào bụi táo gai. Có thể đi vòng quanh bụi táo, nhưng vì sợ quá nên *hắn* chẳng nhớ gì cả, cứ lao thẳng vào những cành cây đầy gai. Chỉ một phát tôi tước được súng của *hắn*, phát tiếp theo lưỡi lê của tôi đâm thọc vào một cái gì đó. Một âm thanh không ra tiếng rống, cũng chẳng phải tiếng rên. Tôi bỏ chạy tiếp. Quân ta reo lên: “U ra!”, ngã xuống, nổ súng.

Tôi nhớ mình cũng bắn vài phát, và đã ra tới khoảng trống ngoài bìa rừng. Bỗng nhiên tiếng “U ra” vang lên to hơn, và chúng tôi lập tức vượt lên phía trước. Nghĩa là không phải chúng tôi, mà là quân ta, bởi vì tôi thì ở lại. Tôi cảm thấy rất lạ. Lạ hơn nữa là bỗng nhiên mọi thứ biến mất hết; mọi tiếng la hét và tiếng súng nổ bỗng câm lặng. Tôi không nghe thấy gì hết, mà chỉ thấy một cái gì đó xanh xanh, có lẽ là bầu trời. Rồi sau đó cả nó cũng biến mất.

Tôi chưa bao giờ rơi vào tình trạng kỳ lạ như vậy. Hình như tôi đang nằm sấp và chỉ nhìn thấy ở phía trước một mô đất bé tí. Một vài ngọn cỏ, một con kiến chúi đầu bò ra từ một ngọn cỏ, mấy mẩu rác từ đám cỏ năm ngoái

- đó là toàn bộ thế giới của tôi. Và tôi nhìn thấy nó chỉ bằng một con mắt, bởi con kia bị cái gì đó cứng cứng, chắc là cành cây mà đầu tôi đang tựa vào, che bịt mắt. Tư thế của tôi thật hết sức bất tiện, tôi rất muốn, nhưng hoàn toàn không hiểu tại sao mà mình không thể nhúc nhích được. Cứ thế thời gian trôi qua. Tôi nghe thấy tiếng dế gáy, tiếng ong bay rù rì. Ngoài ra chẳng có gì cả. Cuối cùng tôi gắng hết sức giải phóng tay phải bị đè dưới thân mình, rồi thì hai tay xuống đất định quỳ gối ngồi dậy.

Một cái gì đó sắc và nhanh như tia chớp đâm xuyên vào toàn thân tôi từ đầu gối qua ngực đến đỉnh đầu, và tôi lại ngã xuống. Lại bóng đêm bao phủ, lại chẳng thấy gì hết.

Tôi tỉnh dậy. Tại sao tôi lại nhìn thấy những vì sao chiếu rất sáng trên bầu trời Bulgaria đen thẫm? Chẳng lẽ tôi không nằm trong lán trại? Tại sao tôi lại ra khỏi đó? Tôi ngọ nguậy và thấy đau ghê gớm ở hai chân.

Phải rồi, vậy là tôi đã bị thương trong trận đánh. Có nguy hiểm hay không nhỉ? Tôi nắm lấy chân mình, nơi mà tay tôi chạm tới được, thì thấy đau nhiều hơn. Con đau, giống như đau răng vậy, thường xuyên, buốt tận óc. Trong tai kêu ong ong, đầu trĩu nặng. Tôi mù mờ hiểu rằng mình bị thương cả hai chân. Chuyện gì xảy ra vậy? Tại sao người ta không nhắc tôi lên? Chẳng lẽ bọn Thổ đã đánh tan quân ta? Tôi bắt đầu nhớ lại chuyện xảy ra với mình, đầu tiên còn lơ mờ, nhưng sau đó rõ ràng hơn, và đi đến kết luận là chúng tôi hoàn toàn không bị đánh tan. Vì sao tôi ngã xuống (tuy nhiên điều này tôi không nhớ, nhưng tôi nhớ mọi người chạy lên phía trước như thế nào, còn tôi không chạy được, mà chỉ thấy cái gì đó xanh xanh ở trước mắt), và tôi ngã xuống ở khoảng trống ngoài bìa rừng phía trên ngọn đồi. Anh chỉ huy tiểu đoàn vóc người nhỏ bé đã chỉ cho chúng tôi khoảng trống đó. “Anh em ơi, chúng ta sẽ ra đó!” - anh ta hét lên lanh lảnh. Và chúng tôi đã ở đó, nghĩa là chúng tôi không bị đánh tan... Vậy thì tại sao mọi người không mang tôi đi? Ở đây thoáng rộng thế này, có thể thấy rõ mọi thứ. Có lẽ tôi không nằm đây một mình. Họ bắn đạn rất thế cơ mà. Cần phải quay đầu ngó xem mới được. Bây giờ làm việc đó dễ hơn, bởi lúc tôi tỉnh dậy

nhìn thấy cọng cỏ và con kiến bò dưới đầu, tôi đã gượng nhồm dậy rồi ngã xuống nhưng không theo tư thế cũ nữa, mà nằm ngửa ra. Bởi vậy nên tôi mới nhìn thấy những vì sao. Tôi nhồm lên và ngồi dậy. Điều này rất khó khăn, khi cả hai chân đều bị gãy. Mấy lần tuyệt vọng, cuối cùng, trào nước mắt vì đau đớn, tôi cũng ngồi dậy được.

Trên đầu tôi là một khoảng trời xanh thẫm, trên đó cháy lên một ngôi sao lớn và vài ngôi sao nhỏ, xung quanh là cái gì đó tối đen và cao. Đó là những bụi cây. Vậy ra tôi ở giữa bụi cây, và mọi người không tìm thấy tôi!

Tôi cảm thấy những chân tóc trên đầu cựa quậy.

Tuy nhiên làm sao mà tôi lại ở trong bụi cây, trong khi chúng bắn tôi ở ngoài bãi trống? Chắc là lúc bị thương tôi đã bò tới đây, nhưng đau quá nên chẳng nhớ gì. Chỉ lạ rằng bây giờ tôi không thể cử động được, mà sao lúc đó lại có thể lê đến tận những bụi cây này. Có thể lúc đó tôi mới bị một vết thương, còn viên đạn thứ hai trúng tôi khi tôi đã ở đây.

Những đám màu hồng nhạt vẫy xung quanh tôi. Ngôi sao lớn nhạt đi, một vài ngôi sao nhỏ biến mất. Đó là mặt trăng vừa lên. Nếu được ở nhà thì tuyệt biết bao!...

Những âm thanh kỳ lạ nào đó vọng tới chỗ tôi... Dường như có ai đó đang rên. Phải, đó là tiếng rên. Có ai đó cũng bị bỏ quên với đôi chân gãy hay vết đạn trên bụng đang nằm gần chỗ tôi không nhỉ? Không, những tiếng rên rất gần, mà cạnh tôi hình như chẳng có ai... Ôi Chúa ơi, hóa ra đó chính là tôi! Những tiếng rên khe khẽ, ai oán; chẳng lẽ tôi thực sự đau đớn đến thế? Có lẽ là vậy. Chỉ có điều tôi không hiểu cái đau này, bởi trong đầu tôi là đám sương mù, là viên đạn chì. Tốt hơn là nằm xuống và thiếp đi, ngủ, ngủ... Chỉ không biết có lúc nào tỉnh lại được hay không? Thôi mặc kệ.

Vào giây phút tôi chuẩn bị nằm xuống, thì một vầng ánh trăng lớn nhạt nhạt chiếu rõ chỗ tôi, và tôi nhìn thấy một cái gì đó tối tối, to thù lù cách tôi

chùng năm bước chân. Trên nó có những vết sáng do ánh trăng chiếu vào. Đó là những chiếc khuy áo hay đồ quân nhu. Một cái xác, hoặc một người bị thương.

Mặc kệ, tôi nằm xuống...

Không, không thể thế được! Quân ta chưa đi khỏi. Họ vẫn còn ở đây, họ đánh tan bọn Thổ và đóng quân tại vị trí này. Thế tại sao lại không một tiếng người nói, không có tiếng củi lửa cháy? Chắc tại tôi yếu quá nên không nghe thấy gì. Chắc là họ đang ở đây.

“Giúp tôi với!.. Giúp tôi với!”

Những tiếng kêu khàn khàn hoang dại bật ra từ lồng ngực tôi, nhưng không tiếng đáp lại. Những tiếng kêu lan to trong không trung. Mọi thứ còn lại đều câm lặng. Chỉ những con dế vẫn rí rả không ngừng như trước. Mặt trăng tròn vạnh nhìn tôi u sầu.

Nếu như *hắn* bị thương, chắc *hắn* sẽ tỉnh dậy vì tiếng kêu như thế. Đó là cái xác. Của ta hay của quân Thổ? Ôi Chúa ơi! Cũng như nhau mà thôi! Và con buồn ngủ kéo xuống đôi mắt sung húp của tôi.

Tôi nằm nhắm mắt, mặc dù đã thức giấc từ lâu. Tôi không muốn mở mắt vì cảm thấy tia nắng xuyên qua hàng mi khép kín: nếu như tôi mở mắt, nó sẽ xé mắt tôi. Tốt hơn là không nhúc nhích... Hôm qua (hình như đó là hôm qua) tôi bị thương; một ngày đêm đã trôi qua, những ngày khác cũng sẽ trôi qua, tôi sẽ chết. Mặc kệ. Tốt hơn là đừng nhúc nhích. Hãy để thân thể bất động. Giá mà dừng cả hoạt động của não lại được! Nhưng không gì ngăn nó lại được. Những ý nghĩ, những hồi tưởng đầy trong đầu. Tuy nhiên, chỉ không lâu nữa đâu, sắp kết thúc rồi. Trên các tờ báo sẽ chỉ đăng vài dòng, rằng con số thương vong của quân ta không đáng kể, bị thương chừng này người, và binh nhì Ivanov trong đội tình nguyện quân đã hy sinh. Không, họ

sẽ không ghi họ tên, đơn giản chỉ nói: một người hy sinh. Một anh binh nhì, như con chó con kia...

Một bức tranh hiện ra rõ rệt trong trí tưởng tượng của tôi. Chuyện xảy ra lâu lắm rồi, tuy nhiên, tất cả cuộc đời tôi, cuộc đời lúc tôi còn chưa nằm đây với đôi chân gãy, đều thành lâu lắm rồi... Tôi đang đi trên phố thì vấp phải một đám đông. Đám đông đó lặng lẽ ngắm nhìn một cái gì đó trắng trắng, đẫm máu, đang rít lên sâu não. Đó là một con chó con xinh xắn. Một cỗ xe ngựa chạy trên đường sắt đã nghiền qua nó. Nó đang hấp hối, giống như tôi bây giờ. Một người lao công nào đó rẽ đám đông, xách cổ nó và mang đi. Đám đông giải tán.

Có ai đó sẽ mang tôi đi không? Không, cứ nằm mà chết đi. Mà cuộc đời thì đẹp làm sao!... Vào ngày hôm đó (cái hôm xảy ra chuyện bất hạnh với con chó), tôi đang rất hạnh phúc. Tôi bước đi trong tâm trạng đê mê, vì có lý do nào đó. Thôi, những kỷ niệm kia ơi đừng giày vò ta nữa, hãy để ta yên! Hạnh phúc ngày xưa, những đau đớn bây giờ... hãy để lại chỉ những đòn đau, đừng để ký ức giày vò, những ký ức vô tình khiến ta phải so sánh. Ôi chao, nỗi buồn, nỗi buồn. Mà còn tệ hơn những vết thương.

Tuy nhiên trời trở nên nóng bức. Mặt trời thiêu đốt. Tôi mở mắt, vẫn thấy những bụi cây ấy, bầu trời ấy, chỉ khác là dưới ánh sáng mặt trời. Và kia là hàng xóm của tôi. Phải, đó là tên Thổ, một cái xác. Sao mà to lớn thế! Tôi nhận ra hấn, chính cái tên mà...

Nằm phía trước tôi là con người mà tôi đã giết chết. Tại sao tôi lại giết hấn ta?

Hấn nằm đây, chết cứng, đẫm máu. Tại sao số phận lại xua đuổi hấn tới đây? Hấn là ai? Có lẽ, hấn cũng như tôi, có một bà mẹ già. Bà cũng sẽ mỗi buổi chiều ngồi rất lâu bên cửa túp lều nghèo nàn và ngóng nhìn về phía bắc xa xôi: thằng con trai yêu dấu của bà, lao động chính và người phụng dưỡng bà không biết có trở về không?...

Còn tôi thì sao? Cả tôi cũng thế... Thậm chí giá tôi đổi chỗ cho hắn được. Hắn sung sướng làm sao: hắn chẳng nghe thấy gì, chẳng đau đớn vì vết thương, chẳng cảm thấy nỗi buồn chết người, chẳng thấy cơn khát... Lưỡi lê đâm thẳng vào tim hắn... Trên áo hắn một lỗ thủng lớn đen ngòm thế kia, xung quanh đẫm máu. *Đó là tôi đã làm ra thế.*

Tôi không muốn điều đó. Tôi chẳng muốn làm điều ác với ai khi ra trận. Ý tưởng rằng mình sẽ phải giết người dường như đã không có trong tôi. Tôi chỉ hình dung mình sẽ giơ ngực *của mình* dưới làn đạn như thế nào mà thôi. Và tôi đã ra trận và giơ ngực ra.

Nhưng rồi sao nào? Đồ ngốc, đồ ngốc! Còn cái anh chàng bất hạnh này (trên mình hắn là chiếc áo của quân Ai Cập) hắn còn ít có lỗi hơn. Trước khi bị người ta nhét lên tàu, như nhét lũ cá trích vào thùng, và đưa đến Constantinople, hắn chưa từng nghe đến cả nước Nga lẫn Bulgaria. Người ta ra lệnh cho hắn đi thì hắn đi. Nếu như hắn không đi, người ta có lẽ sẽ đánh hắn bằng gậy, hoặc có thể một pasha[1] nào đó sẽ cho hắn một viên đạn súng lục. Hắn phải trải qua một cuộc hành quân dài, gian khổ từ Istantbul đến Rushuk. Chúng ta tấn công, hắn tự vệ. Nhưng rõ ràng rằng chúng ta là những kẻ đáng sợ, những kẻ chẳng ngán gì khẩu súng trường Anh nhãn hiệu Peatbody & Martini Patent của hắn, cứ xông tới, xông tới phía trước. Hắn kinh hoàng. Khi hắn định bỏ chạy, thì một thằng người bé choắt nào đó, mà hắn chỉ cần nắm bàn tay đen thui của mình lại đâm một cú cũng đủ giết chết, bỗng nhiên nhảy ra và đâm lưỡi lê vào trúng tim hắn.

[1] Pasha: một tước vị cao trong hệ thống chính trị của đế chế Ottoman, tương đương như tỉnh trưởng, tướng lĩnh (ND).

Và cả tôi cũng nào có lỗi gì, mặc dù tôi đã giết hắn? Tôi có lỗi gì? Vì sao mà tôi phải bị cơn khát giày vò? Khát! Ai biết được từ đó có nghĩa gì! Thậm chí khi chúng tôi đi qua Romania, hành quân năm mươi dặm trong

cái nóng bốn mươi độ khủng khiếp, khi đó tôi cũng không cảm thấy điều tôi đang cảm nhận bây giờ. Ôi, giá có ai đó đến đây!

Chúa ơi! Có lẽ trong cái bi đông to tướng kia của hắn có nước! Nhưng phải lết được tới chỗ hắn. Sẽ phải trả một giá đắt như thế nào! Nhưng kệ, tôi sẽ tới được.

Tôi bò tới. Hai chân kéo lết, đôi tay yếu ớt khó nhọc đẩy tấm thân bất động. Đến chỗ cái xác chỉ khoảng hai xagien[2], nhưng với tôi còn xa hơn, không phải xa hơn mà là tồi tệ hơn mười dặm. Nhưng vẫn phải bò. Cuối cùng thì nó đây. Cái bi đông... bên trong có nước, rất nhiều nước! Có lẽ còn đến hơn nửa bình. Ôi! Tôi có đủ nước để dùng lâu... đến tận lúc chết!

[2] Xagien: đơn vị đo chiều dài của Nga, bằng 2,134 mét (ND).

Hắn có lỗi gì nào?

Anh đã cứu tôi, nạn nhân của tôi ơi!... Tôi bắt đầu mở bi đông, tựa mình vào một khuỷu tay, và bỗng nhiên mất thăng bằng, ngã sấp mặt vào ngực vị cứu tinh của mình. Từ mình anh ta bốc mùi tử khí.

Tôi uống no. Nước ấm nhưng chưa bị thối, hơn nữa lại còn rất nhiều. Tôi sẽ sống thêm được vài ngày. Chợt nhớ trong cuốn “Sinh lý học cuộc sống hàng ngày” có nói rằng con người có thể sống thiếu thức ăn hơn một tuần, miễn là có nước. Phải, ở đó còn kể câu chuyện của người tự tử bằng cách tuyệt thực. Ông ta sống rất lâu vì vẫn uống nước.

Thì sao nào? Nếu như tôi sống thêm năm sáu ngày nữa, thì sẽ ra sao? Quân ta đã đi rồi, quân Bulgaria chạy tán mát cả. Không có con đường nào gần đây. Cuối cùng rồi cũng chết. Chỉ có thay vì ba ngày đau đớn, tôi sẽ chịu cả tuần. Kết thúc luôn chẳng tốt hơn sao? Cạnh người hàng xóm của tôi là khẩu súng của hắn, một tuyệt tác của người Anh. Chỉ cần với tay ra, sau đó - một giây, và kết thúc. Những băng đạn lăn lóc cả đống. Hắn chưa kịp bắn hết.

Sẽ kết liễu mình như vậy hay là chịu đựng? Để làm gì? Đợi giải thoát ư? Cái chết ư? Hay đợi bọn Thổ tới và bắt đầu lóc da khỏi đôi chân bị thương của tôi? Tốt hơn là tự mình...

Không, không được nhụt chí, tôi sẽ chiến đấu đến tận cùng, đến khi sức tàn lực kiệt. Nếu người ta tìm thấy tôi, tôi sẽ được cứu sống. Có khi xương chưa bị sao, người ta sẽ chữa khỏi cho tôi. Tôi sẽ thấy lại quê hương, gặp lại mẹ, gặp Masha...

Trời ơi, đừng để họ biết toàn bộ sự thật! Cứ để họ nghĩ rằng tôi bị giết chết ngay tức thì. Họ sẽ ra sao nếu biết rằng tôi phải vật vã hai, ba, bốn ngày!

Đầu tôi quay cuồng; hành trình lết đến anh bạn hàng xóm làm tôi hoàn toàn kiệt sức. Lại còn cái mùi khủng khiếp này nữa. Sao hắn ta thâm đen lại thế... rồi ngày mai hay ngày kia còn như thế nào? Và tôi bây giờ nằm đây chỉ bởi vì không còn sức để lết đi nữa. Tôi sẽ nghỉ một lúc và sẽ bò lại chỗ cũ; hơn nữa gió thổi hương từ đây và đưa mùi thối xa khỏi tôi.

Tôi nằm hoàn toàn bất động. Mặt trời thiêu đốt mặt và tay tôi. Không có gì để che cả. Chỉ mong đêm mau tới, có lẽ sẽ là đêm thứ hai.

Ý nghĩ trở nên lộn xộn, và tôi mê đi.

Tôi ngủ rất lâu, bởi vì khi thức dậy, đêm đã xuống. Mọi thứ vẫn như cũ: các vết thương đau nhức, anh hàng xóm vẫn nằm bên, vẫn to lớn và bất động như thế.

Tôi không thể không nghĩ về hắn. Chẳng lẽ tôi vứt bỏ tất cả những gì yêu thương, quý giá nhất để hành quân hàng ngàn dặm đến đây, chịu đói, chịu lạnh, bị cái nóng hành hạ, chẳng lẽ cuối cùng tôi nằm đây với những đản vật đau khổ - tất cả chỉ để chấm dứt cuộc sống của con người bất hạnh kia? Lẽ nào tôi đã làm được cái gì đó có ích cho những mục đích quân sự ngoài việc giết người kia?

Giết người, kẻ giết người... Đó là ai? Là tôi!

Lúc tôi trù tính đi đánh nhau, mẹ và Masha can ngăn, khóc lóc cho tôi. Mù mắt vì lý tưởng, tôi không nhìn thấy những giọt nước mắt đó. Tôi không hiểu (nhưng bây giờ đã hiểu), rằng mình đã làm gì với những con người thân yêu của mình.

Nhớ lại mà làm gì? Chẳng thể nào quay lại quá khứ được.

Còn thái độ kỳ lạ nơi nhiều người quen đối với hành động của tôi nữa chứ! “Đồ mất trí! Đâm đầu vào mà chẳng biết gì cả!” Sao họ lại có thể nói như vậy? Những lời nói của họ có liên quan thế nào với quan niệm *của họ* về sự anh hùng, về tình yêu tổ quốc và những thứ khác kiểu như vậy? Bởi trong mắt *của họ*, tôi là đại diện của tất cả những phẩm chất tốt đẹp đó. Nhưng đồng thời, tôi là “kẻ mất trí”.

Thế là tôi đi Kishinev, người ta bắt tôi thò chiếc ba lô cùng đủ mọi thứ quân trang. Và tôi đi cùng với hàng ngàn người, trong đó chỉ một số giống như tôi, tình nguyện ra đi. Những người khác sẽ ở nhà nếu người ta cho phép. Tuy nhiên, họ cũng đi như chúng tôi, “tự giác”, vượt qua hàng ngàn dặm và đánh nhau cũng giống chúng tôi, thậm chí còn giỏi hơn. Họ hoàn thành nhiệm vụ của mình, dù cho có thể sẵn sàng rút bỏ và trở về nhà - nếu như được phép.

Ngọn gió lạnh sớm mai thổi tới. Bụi cây lao xao, con chim nhỏ ngái ngủ vụt bay lên. Những ngôi sao đã tắt. Bầu trời xanh thẫm xám lại, đùn lên những đám mây bông mềm, bóng tối nhá nhem cất lên khỏi mặt đất. Bắt đầu ngày thứ ba của... Gọi nó như thế nào nhỉ? Của sự sống? Hay của đón đầu?

Ngày thứ ba... Sẽ còn bao nhiêu ngày nữa? Dù thế nào thì cũng không nhiều... Tôi rất yếu, có lẽ không thể nhích ra khỏi cái xác được nữa. Tôi sắp thành giống anh ta và chúng tôi không còn khó chịu với nhau nữa.

Cần phải uống đủ nước. Tôi sẽ uống ba lần một ngày: sáng, trưa và tối.

Mặt trời đã lên. Bóng to lớn của nó bị chia cắt bởi những cành cây, đỏ lừ như máu. Hôm nay chắc là sẽ nóng. Anh hàng xóm của tôi ơi, chuyện gì xảy ra với anh vậy? Trông anh bây giờ cũng rất đáng sợ.

Phải, hẳn ta trông rất đáng sợ. Tóc bắt đầu rụng. Da hẳn vốn bản chất màu đen, giờ tái nhợt và chuyển thành màu vàng, khuôn mặt sưng phồng kéo căng lớp da đến độ nó bị rách ở phía sau tai. Chỗ đó lúc nhúc giòi. Đôi chân giấu trong giày cũng phồng lên và giữa các khóa giày lòi ra những mụn rộp lớn. Và toàn thân hẳn ta trương lên như quả núi. Mặt trời hôm nay sẽ còn làm gì hẳn nữa đây?

Nằm gằn sát hẳn như vậy thật không thể chịu nổi. Tôi phải bò đi khỏi bằng mọi giá. Nhưng liệu tôi có bò đi được hay không? Tôi vẫn còn có thể nhấc tay lên, mở bi đông, uống nước. Nhưng làm sao xoay được cả tám thân bất động nặng nề? Nhưng thế nào tôi cũng phải nhích ra, dẫu chỉ một chút, dẫu mất cả giờ để bò được nửa bước.

Cả buổi sáng của tôi trôi qua với việc di chuyển đó. Cơn đau dữ dội, nhưng nó có là gì với tôi bây giờ? Tôi đã không còn nhớ, không thể hình dung cảm giác của một người khỏe mạnh nữa. Tôi thậm chí quen với cơn đau. Cả buổi sáng tôi đã bò được khoảng hai xagien và lại về chỗ cũ. Nhưng tôi không hưởng không khí trong lành được lâu, nếu như có không khí trong lành ở cách cái xác đang phân hủy có sáu bước. Gió lại đổi chiều và đưa cái mùi thối tới, kinh khủng đến nỗi tôi phát nôn. Dạ dày rỗng tuếch co rút lại đau đớn, mọi thứ trong bụng lộn nhào, còn cái không khí ô nhiễm bốc mùi hôi thối kia cứ bời về phía tôi. Tôi tuyệt vọng và bật khóc...

Hoàn toàn mê lử, đờ đẫn, tôi gằn như mê man. Bỗng nhiên... Không phải trí tưởng tượng hỗn loạn đánh lừa tôi chứ? Tôi thấy hình như,... không. Không, đó đúng là tiếng người. Tiếng vó ngựa, tiếng người nói. Tôi suýt kêu lên, nhưng kìm lại được. Lỡ đó là bọn Thổ thì sao? Nếu vậy thì sao? Sẽ thêm vào những đau đớn khổ sở bây giờ là những đau đớn khác nữa, còn kinh khủng hơn, chỉ nghe nói đến, dù trên báo thôi, cũng đủ dựng tóc gáy. Lóc da, nướng cháy đôi chân bị thương... Nếu chỉ có thể thôi đã tốt, nhưng

bọn chúng là những kẻ rất sáng tạo. Chẳng lẽ kết liễu cuộc đời trong tay chúng lại tốt hơn chết ở đây? Nhưng nếu như đó là quân ta thì sao? Ôi cái bụi cây quái quỷ này! Tại sao chúng mày lại mọc thành hàng rào rậm rịt quanh tao như vậy? Chẳng thể nhìn thấy gì qua đám cây, chỉ có một khoảng như ô cửa sổ nhỏ giữa các cành cây, có thể thấy chỗ trũng ở phía xa. Ở đó có lẽ có một con suối mà chúng tôi đã uống nước lúc trước trận đánh. Phải, có cả một phiến sa thạch lớn bắc ngang con suối như chiếc cầu con. Có lẽ họ đi qua cái cầu đó. Tiếng nói tắt lặng. Tôi không nghe được ngôn ngữ họ nói: cả thính giác của tôi cũng yếu rồi. Trời ơi! Nếu như đó là quân ta... Tôi sẽ hét gọi họ; họ sẽ nghe thấy tôi cả từ chỗ con suối. Thế còn hơn là mạo hiểm rơi vào tay của quân Thổ. Sao bọn họ mãi không đi thế nhỉ? Tôi khổ sở vì nôn nóng, thậm chí không còn ngửi thấy mùi xác chết, dù nó không hề giảm bớt đi tí nào.

Rồi bỗng nhiên trên chỗ cầu bắc qua dòng suối xuất hiện những người Cô đặc! Những chiếc áo khoác màu xanh, những nẹp viền màu đỏ, những cây thương. Họ có đến cả đại đội. Phía trước là một sĩ quan râu đen ngồi trên con tuấn mã. Đại đội Cô đặc vừa qua con suối, viên sĩ quan quay cả người ra sau và hét lên:

- Đi nước kiệu, bước!

- Dừng lại, dừng lại, vì Chúa! Cứu tôi với, cứu tôi, anh em ơi! - tôi kêu lên, nhưng tiếng vó những con ngựa khỏe mạnh, tiếng giáo va nhau và tiếng nói chuyện ồn ào của đám Cô đặc át tiếng thều thào của tôi. Người ta không nghe thấy tôi!

Ôi khôn nạn! Tôi kiệt lực ngã sấp mặt xuống đất và bắt đầu nức nở. Từ cái bi đông bị tôi làm đổ, dòng nước, sự sống của tôi, cứu tinh của tôi, sự trì hoãn cái chết của tôi, chảy ra. Nhưng tôi chỉ nhận ra điều đó khi nước trong bình chỉ còn không hơn nửa cốc, còn bao nhiêu đã chui xuống mặt đất khô cháy tham lam rồi.

Liệu tôi còn nhớ được cái cảm giác chết lặng bao trùm lấy tôi sau sự cố kinh hoàng đó chẳng? Tôi nằm bất động, mắt nhắm hờ. Gió đổi hướng liên tục, lúc thổi tới tôi không khí tươi mát trong lành, lúc lại phủ lên tôi mùi hôi thối nồng nặc. Anh hàng xóm hôm nay trở nên kinh khiếp không bút nào tả nổi. Một lần mở mắt ngó qua hắt, tôi thất kinh. Khuôn mặt hắt không còn nữa, trệt hết da thịt lòi cả xương. Một đám xương nhe ra nụ cười khủng khiếp, nụ cười vĩnh cửu trở nên kinh tởm, đáng sợ chưa từng thấy, mặc dù tôi không chỉ một lần từng cảm trong tay và mổ xẻ những cái đầu còn nguyên. Cái bộ xương mặc quân phục với những chiếc cúc lấp lánh khiến tôi bủn rủn. “Chiến tranh đấy, - tôi nghĩ, - hình ảnh của nó đấy.”

Mà mặt trời thì vẫn thiêu đốt như trước. Hai tay và mặt tôi bị cháy nắng từ lâu. Tôi đã uống hết số nước còn lại. Con khát hành hạ ghê gớm, đến nỗi, chỉ định uống một ngụm nhỏ, tôi ực luôn hết tất cả. Trời ơi, sao tôi lại không hét gọi những người Cô đặc khi họ ở gần tôi đến thế! Nếu như đó là bọn Thổ thì cũng vẫn tốt hơn. Chúng hành hạ chỉ một hai tiếng thôi, còn như thế này thì tôi còn không biết mình phải vật vã chịu đựng bao nhiêu thời gian nữa. Mẹ yêu quý của con ơi! Mẹ sẽ bứt những mớ tóc bạc của mình, đập đầu vào tường, nguyện rửa cái ngày mẹ sinh ra con, nguyện rửa cả thế giới đã nghĩ ra chiến tranh để con người phải khổ sở!

Nhưng mẹ và Masha chắc là sẽ không nghe về những đau đớn của con đâu. Vĩnh biệt mẹ, vĩnh biệt vợ chưa cưới của anh, tình yêu của anh! Chao ơi sao nặng nề, cay đắng quá! Cái gì đó dâng nghẹn dưới tim...

Lại con chó trắng nhỏ đó! Gã lao công không thương xót gì nó, đập đầu nó vào tường rồi vứt nó xuống hố, nơi người ta vứt rác và nước thải. Nhưng nó vẫn còn sống. Nó còn vật vã suốt ngày. Nhưng tôi bất hạnh hơn nó, bởi phải vật vã những ba ngày. Ngày mai là ngày thứ tư, rồi đến ngày thứ năm, thứ sáu... Thần Chết ơi, người ở đâu? Hãy đến đây, đến đây mang tôi đi!

Nhưng cái chết không đến, không mang tôi đi. Tôi cứ nằm dưới mặt trời

khủng khiếp đó, không còn lấy một ngụm nước để làm dịu cái cổ họng đã sưng phồng, và cái xác thì đầu độc tôi. Nó hoàn toàn thối rữa. Hằng hà sa số những con giòi rơi ra từ nó. Sao mà chúng đông hung nhúc! Khi nào hẳn bị ăn hết, chỉ còn xương, thì sẽ đến lượt tôi. Và tôi cũng sẽ như thế.

Ngày trôi qua, đêm trôi qua. Vẫn y như thế. Rồi buổi sáng tới. Cũng vẫn như thế. Rồi thêm một ngày nữa...

Bụi cây lay động và xào xạc, như đang trò chuyện khe khẽ. “Anh sẽ chết, sẽ chết, sẽ chết!” - chúng thì thào. “Anh sẽ không trông thấy, không trông thấy, không trông thấy!” đám cây phía khác đáp lại.

- Ở đây anh không trông thấy đâu! - vang lên rất to ở gần tôi.

Tôi rùng mình và lập tức bừng tỉnh. Từ trong đám cây, đôi mắt hiền từ xanh biếc của cậu binh nhất Yakolev ngó nhìn tôi.

- Đưa xẻng ra đây! - cậu ta kêu lên - Đây có hai người, một của ta, một của bọn nó.

“Không cần xẻng đâu, không cần chôn tôi, tôi còn sống!” - tôi muốn kêu lên, nhưng chỉ tiếng rên yếu ớt thoát ra từ đôi môi khô cong của tôi.

- Chúa ơi! Anh ấy còn sống sao? Công tử^[3] Ivanov! Anh em ơi! Lại đây, công tử của chúng ta còn sống! Gọi bác sĩ đi!

[3] Nguyên văn: барун (dùng để gọi những người không thuộc tầng lớp bình dân) (ND).

Nửa phút sau người ta đổ vào miệng tôi nước, rượu vốt ca hay cái gì đó nữa. Sau đó mọi thứ biến mất.

Cánh thương chuyển động, đung đưa nhịp nhàng. Sự nhịp nhàng đều đều đó

ru ngủ tôi. Lúc tôi tỉnh lại, lúc lại mê đi. Những vết thương được băng bó không còn đau đớn nữa, một cảm xúc sung sướng khôn tả tràn ngập thân thể...

- D...u...ừng lại! H...a...a xu...uống! Hộ lý đâu, đôi lần thứ tư, bước đều b...u...ước! Chăm sóc thương, nh...â...ác l...ê...ên!

Đó là Piotr Ivanych, sĩ quan quân y của chúng tôi, một anh chàng cao khều, gầy nhom và rất tốt bụng, đang hô điều khiển. Anh ta cao quá đến nỗi liếc mắt về phía anh ta, tôi luôn trông thấy mái đầu anh ta, mặc dù chiếc cánng được khiêng trên vai bốn người lính cao lớn.

- Piotr Ivanych - Tôi thì thào.

- Sao cơ, anh bạn thân mến? - Piotr Ivanych cúi xuống bên tôi.

- Piotr Ivanych, bác sĩ nói gì với anh vậy? Tôi sắp chết phải không?

- Anh nói gì vậy, Ivanov! Anh không chết đâu. Xương cốt của anh còn nguyên mà. Anh chàng may mắn làm sao! Không bị vào xương, không trúng động mạch. Mà làm sao anh sống được bốn ngày rưỡi qua như vậy? Anh ăn cái gì?

- Không ăn gì cả.

- Còn uống?

- Tôi lấy được bình nước của thằng Thổ. Piotr Ivanych, tôi không thể nói được bây giờ, để sau nhé.

- Ồ vâng, Chúa phù hộ anh, bạn thân mến, anh ngủ đi.

Lại thiếp đi, mê man...

Tôi tỉnh dậy trong lán quân y của tiểu đoàn. Các bác sĩ, y tá đứng quanh tôi, ngoài họ ra, tôi còn thấy khuôn mặt quen quen của một bác sĩ nổi tiếng ở Petersburg đang cúi xuống xem xét hai chân tôi. Tay ông ta đầm máu. Ông ta loay hoay với chân tôi không lâu, rồi quay sang nói với tôi:

- Cậu may mắn lắm đấy, chàng trai trẻ ạ! Cậu sẽ sống. Chúng tôi chỉ lấy đi một chân của cậu thôi, nhưng đó là chuyện nhỏ. Giờ cậu đã có thể nói chuyện được chưa?

Tôi đã nói được, và tôi kể cho họ tất cả những gì được ghi lại ở đây.

1877

Sự cố

I

KHÔNG BIẾT TẠI SAO MÀ TÔI, một người gần hai năm qua không hề nghĩ ngợi gì, lại bắt đầu suy nghĩ - tôi không thể nào hiểu nổi. Lẽ nào quý ông đó quả thực đã đẩy tôi đến những suy tư này. Bởi vì những quý ông như vậy tôi vẫn gặp thường xuyên đến nỗi đã quen với những thuyết giáo của họ.

Phải, trừ những người đã quá quen thuộc, hoặc những người rất thông minh, còn hầu như bất kỳ anh chàng nào cũng đều lập tức nói về những thứ chẳng cần cho anh ta, lẫn cho cả tôi. Đầu tiên là hỏi tên tôi là gì, tôi bao nhiêu tuổi, rồi sau đó đa số với vẻ mặt u sầu bắt đầu nói về việc “chẳng lẽ không cách nào thoát khỏi cuộc sống như thế này sao?”. Ban đầu tôi đau khổ vì những cật vấn đó, nhưng giờ quen rồi. Cần phải quen với nhiều thứ lắm.

Nhưng đã hai tuần rồi, cứ mỗi khi tôi không vui, nghĩa là không say mèm (bởi vì lẽ nào tôi có thể vui khi không say hay sao?), và khi tôi còn lại một mình, thì tôi bắt đầu suy nghĩ. Tôi không muốn nghĩ, nhưng không thể không nghĩ được, không cách nào dứt khỏi những ý nghĩ nặng nề đó, chỉ có một cách quên duy nhất là đi đến đâu đó đông người, nơi ý nghĩ lẫn lộn chẳng nhớ được gì... Khi đó sẽ dễ chịu hơn. Tại sao trước kia không có chuyện này, kể từ ngày tôi đã phẩy tay với mọi sự? Dù đã hơn hai năm tôi sống ở đây, trong căn phòng kính tòm này, thời gian trôi qua lúc nào cũng đơn điệu như nhau, cũng như tôi đã từng ở những El Dorado và Palais de Crystal[1] khác nhau. Lúc nào tôi cũng không vui, nếu không thì cũng đang

nghĩ về cái gì đó không vui. Nhưng còn bây giờ thì hoàn toàn, hoàn toàn khác.

[1] Tên các khách sạn ở Petersburg thế kỷ XIX (ND).

Thật là chuyện tẻ nhạt và xuẩn ngốc làm sao! Đẳng nào thì tôi cũng chẳng thoát đi đâu được, không thoát được đơn giản chỉ vì bản thân tôi không muốn thoát. Tôi đã bị kéo vào cuộc đời này, tôi biết con đường của mình. Đấy như trong tờ “Con ve” (mà một người quen của tôi rất thường xuyên và luôn nhất định phải mang tới cho tôi, khi trong đó xuất hiện cái gì đó “giật gân”), trong tờ “Con ve” đó tôi thấy một bức tranh: ở giữa là một cô bé con xinh xắn ôm con búp bê, còn bên cô bé là hai hàng người. Hàng phía trên có một nữ sinh trường trung học hoặc nội trú bé nhỏ, sau đó là một cô nương, rồi đến bà mẹ của gia đình, và cuối cùng là một bà cụ già đáng kính. Hàng còn lại, ở phía dưới, là cô bé với chiếc hộp đi ra từ một cửa hiệu, rồi đến tôi, và tôi, rồi lại tôi nữa. Tôi thứ nhất là như bây giờ, tôi thứ hai đang cầm chổi quét đường, còn tôi thứ ba - một cụ già hoàn toàn xấu xí, đê tiện. Chỉ có điều tôi không để mình rơi xuống độ đó. Tôi chỉ ở đây hai, ba năm nữa thôi, nếu còn chịu nổi cuộc sống này, rồi sau đó sẽ vào tu viện thánh Ekaterina. Với tôi thế là đủ, không có gì phải sợ.

Tuy nhiên, cái người họa sĩ này thật kỳ lạ! Tại sao nhất định là như thế, nếu như cô học sinh nội trú hay trung học, thì lại thành một cô nương khiêm tốn, rồi một người mẹ và một người bà khả kính? Còn tôi thì sao? Ông Chúa, tôi cũng có thể liến thoắng ở nơi nào đó trên đại lộ Nevsky bằng tiếng Pháp hay tiếng Đức! Còn việc vẽ mấy bông hoa, tôi nghĩ rằng mình chưa quên, và “Calipso ne pouvait se consoler du depart d’Ulysse” (Nàng Calipso không thể nguôi ngoai sau khi chàng Ulysse ra đi) tôi cũng vẫn còn nhớ. Tôi nhớ cả Pushkin lẫn Lermontov, và tất cả, tất cả: cả các kỳ thi, cả thời gian nghiệt ngã, kinh khủng khi tôi thành một con ngốc, một con ngốc bị thịt, một thân một mình giữa những người họ hàng tử tế, những kẻ cam đoan rằng họ đã “cru mang đứa trẻ mồ côi”, và những lời lẽ bóng bẩy đê tiện của tay công tử bột đó, và tôi đã vui mừng một cách ngu xuẩn thế nào,

rồi tất cả dối trá và nhơ bẩn ở đó, trong cái “xã hội thuần khiết” mà từ đó tôi đã sa xuống đây, và giờ đắm mình trong men rượu vốt ca... Phải, bây giờ tôi uống cả vốt ca. “Thật kinh khủng!” - bà chị họ Olga Nikolaevna chắc sẽ kêu lên như thế.

Mà thực sự điều đó chẳng lẽ lại không kinh khủng? Nhưng liệu chính tôi có lỗi không trong chuyện này? Giá như xuất hiện trước mắt tôi, một cô bé mười bảy tuổi, với tám năm ngồi trong bốn bức tường chỉ trông thấy toàn những cô bé giống như tôi cùng các maman[2] khác nhau, không phải một người như anh chàng chải tóc kiểu Capoule, người bạn dễ mến của tôi, mà là một con người tử tế, thì khi đó đã chẳng có chuyện xảy ra...

[2] Maman - giám thị trong các trường nữ trung học nội trú Nga trước 1917 (ND).

Nghĩ ngợi ngu ngốc làm sao! Chẳng lẽ lại có những người như thế, những người tử tế ấy. Chẳng lẽ tôi đã được gặp họ trước và sau cuộc khủng hoảng của mình? Tôi có nên nghĩ rằng có những con người tốt bụng, trong khi trong số mười người tôi biết thì chẳng có một người nào mà tôi có thể không căm thù? Và liệu tôi có thể tin rằng họ tồn tại, nếu như ở đây chỉ toàn những gã chồng của những cô vợ trẻ, những đứa trẻ (hầu như là những đứa trẻ - mới mười bốn, mười lăm tuổi) con cái “những gia đình tử tế”, và những lão già đầu hói, bại liệt, thoi thóp.

Và sau hết, chẳng lẽ tôi có thể không căm thù, không khinh bỉ, mặc dù tôi cũng là một sinh thể đáng khinh và bị coi rẻ, khi tôi sống giữa những con người, như một tay người Đức trẻ tuổi nào đó với một hình chữ kết xăm phía trên khuỷu tay? Chính hấn giải thích cho tôi rằng đó là tên người vị hôn thê của hấn. “Jetzt aber bist du, meine Hebe, allerliebstes Liebchen” (Nhưng giờ đây, em yêu quý, em là người đáng yêu nhất trong số những người anh yêu) - hấn vừa nói vừa nhìn tôi bằng đôi mắt dâm dăng, lại còn đọc thơ của Heine nữa chứ. Thậm chí hấn còn tự hào giải thích cho tôi, rằng Heine là một nhà thơ Đức, rằng người Đức họ còn có những nhà thơ lớn

hơn nữa là Goethe và Schiller, và rằng chỉ nơi dân tộc Đức thiên tài và vĩ đại mới sinh ra những nhà thơ như thế.

Tôi những muốn tạt vào cái mặt bóng nhờn trắng nhợt kinh tởm đó! Nhưng thay vì thế, tôi uống ực hết cốc rượu Portwein mà hấn rót cho tôi, và quên đi tất cả.

Tôi nghĩ ngợi về tương lai của mình để làm gì, khi tôi đã biết rất rõ về nó? Tôi nghĩ về quá khứ của để làm gì, khi chẳng có gì ở đó có thể thay thế cho cuộc sống bây giờ của tôi? Phải, sự thực là thế. Nếu như hôm nay người ta đề nghị tôi quay về nơi đó, quay về với cảnh sống phong nhã, với những con người với những áo quần, kiểu tóc và lối nói phong nhã, thì tôi cũng không quay về, thà ở lại mà chết với địa vị bây giờ còn hơn.

Phải, cả tôi cũng có địa vị của mình! Và tôi cũng là người cần thiết. Cách đây không lâu có một cậu trai trẻ đến gặp tôi, một anh chàng rất lăm mồm, đọc thuộc lòng cho tôi cả một trang sách nào đó. “Đó là triết gia của chúng ta, triết gia Nga của chúng ta” - cậu ta nói. Triết gia nói điều gì đó rất mù mờ và nịnh hót tôi, kiểu như chúng tôi là “nắp van của những dự vọng xã hội...” Những lời nói thật đáng tởm, và cả ông triết gia đó hẳn cũng là kẻ đáng tởm, và tởm hơn cả là thằng bé đó, cứ lặp đi lặp lại cái từ “nắp van”.

Tuy nhiên, gần đây cả tôi cũng có ý nghĩ đó trong đầu. Lúc tôi đến tòa án dân sự, nơi đã phạt tôi mười lăm rúp vì hành vi thiếu đứng đắn nơi công cộng.

Vào lúc ông quan tòa đọc quyết định, trong khi tất cả mọi người đứng lên, tôi đã nghĩ, rằng “Vì cái gì mà cả đám người này nhìn tôi một cách khinh bỉ? Dẫu cho tôi có làm cái việc bản thủ, ghê tởm, giữ một địa vị đáng khinh bỉ, nhưng đó cũng là một địa vị! Cái ông quan tòa này cũng giữ một địa vị. Và tôi nghĩ, rằng cả hai chúng tôi...”

Thực ra tôi chẳng nghĩ gì. Tôi chỉ cảm giác rằng mình đang uống rượu, và

chẳng nhớ được gì, lẫn lộn cả. Trong đầu tôi mọi thứ chao đảo: cả gian phòng ghê tởm này, nơi tối nay tôi sẽ nhảy múa một cách trơ trẽn, cả cái lầu đài Litovsky, cả căn buồng ghê tởm chỉ có thể ở trong đó khi say xỉn. Thái dương tôi giật giật, tai ong ong, mọi thứ trong đầu cứ nhảy nhót và trôi đi đâu đó, bản thân tôi cũng trôi đi đâu đó. Tôi những muốn dừng lại, bấu lấy cái gì đó dẫu chỉ là một cọng rơm, nhưng đến cọng rơm tôi cũng không có.

Tôi nói dối, tôi có đấy! Thậm chí không chỉ là cọng rơm, mà có lẽ còn là cái gì đó đáng hi vọng hơn, nhưng bản thân tôi không muốn hạ mình xuống đó, không muốn chìa tay ra bám lấy một “trụ cột”.

Hình như, chuyện này xảy ra vào cuối tháng tám. Tôi nhớ lúc đó gió thu rất dễ chịu. Tôi đi dạo trong Vườn Mùa Hạ và ở đó đã làm quen với một “trụ cột”. Con người này không có gì đặc biệt cả, ngoài việc nói nhiều một cách hồn hậu. Anh ta kể cho tôi nghe về hầu như tất cả các công việc và những người quen của mình. Anh ta khoảng hai lăm tuổi, tên là Ivan Ivanych. Trông không xấu, cũng không đẹp trai. Anh ta tán chuyện với tôi như với một người quen nào đó, thậm chí kể cả những chuyện tiêu lâm về ông sếp của mình và giải thích cho tôi ai trong sở của anh ta là quan trọng.

Anh ta đi khỏi và tôi quên anh ta. Tuy nhiên, một tháng sau anh ta lại xuất hiện. Xuất hiện trong vẻ u ám, buồn bã, gầy rộc. Khi anh ta bước vào, tôi thậm chí còn kinh hoàng vì bộ mặt cau có không quen biết.

- Cô nhớ tôi không?

Ngay lúc đó tôi nhận ra anh ta và bảo tôi có nhớ. Anh đỏ mặt.

- Thế mà tôi tưởng rằng cô không nhớ, bởi nhiều người thế...

Câu chuyện đưa đẩy. Chúng tôi ngồi trên đi vãng, tôi một góc, anh ta ở góc kia, như lần đầu tiên đến thăm, ngồi thẳng đứng, thậm chí còn cầm mũ trong tay. Chúng tôi ngồi khá lâu, cuối cùng anh ta đứng dậy nghiêng mình.

- Thôi tạm biệt Nadezhda Nikolaevna, - anh ta nói và thở dài.

- Làm sao anh biết tên tôi? - tôi kêu lên, đỏ bừng mặt. Tên đang dùng của tôi không phải là Nadezhda, mà là Evgenia.

Tôi hét lên với Ivan Ivanych, tức giận đến nỗi anh ta thậm chí hoảng sợ.

- Tôi không có ý xấu, Nadezhda Nikolaevna ạ... Tôi chưa làm ai... Tôi có quen với ông cảnh sát Piotr Vasilievich, ông ấy kể mọi chuyện về cô. Tôi định gọi cô là Evgenia, nhưng lưỡi tôi nó không nghe theo, và tôi gọi tên thật của cô.

- Anh nói đi, tại sao anh lại tới chỗ tôi?

Anh ta im lặng, rầu rĩ nhìn thẳng vào mắt tôi.

- Để làm gì? - tôi tiếp tục, càng lúc càng nóng nảy - Có gì hay ho nơi tôi mà anh quan tâm? Không, tốt hơn là anh đừng đến chỗ tôi, tôi sẽ không làm quen với anh đâu, bởi tôi không có người quen. Tôi biết vì sao anh tới chỗ tôi! Anh quan tâm đến câu chuyện của tay cảnh sát kia. Anh nghĩ rằng: thật hiếm có - một cô gái có học bị rơi vào cảnh sống như thế... Anh nghĩ sẽ cứu được tôi ư? Hãy rút xa khỏi tôi đi, tôi chẳng cần gì sất! Tốt hơn hãy để cho tôi được trút hơi thở một mình, còn hơn là...

Tôi quay nhìn mặt anh ta và dừng lại. Tôi trông thấy, rằng từng lời của tôi quất vào anh ta. Anh ta không nói gì, nhưng chỉ vẻ mặt anh ta đã buộc tôi phải im.

- Tạm biệt, Nadezhda Nikolaevna - anh ta nói - Tôi rất tiếc vì đã làm cô phật ý. Cả tôi cũng buồn. Tạm biệt.

Anh ta chìa tay cho tôi (tôi không thể không đưa tay tôi cho anh ta) và bước

ra với những bước chân chậm chạp. Tôi nghe thấy tiếng anh ta xuống cầu thang, và nhìn qua cửa sổ, thấy anh ta cúi đầu đi qua sân với dáng đi chậm chạp lắc lư. Đến cổng, anh ta quay lại nhìn lên cửa sổ phòng tôi, rồi khuất dạng.

Và con người ấy có thể là “trụ cột” của tôi đấy. Chỉ cần ừ một tiếng, là tôi sẽ thành một người vợ hợp pháp. Vợ hợp pháp của một con người nghèo khổ nhưng cao thượng. Thậm chí còn trở thành một bà mẹ nghèo nhưng cao thượng, nếu như Chúa trong cơn giận dữ của mình còn ban cho tôi một đứa trẻ.

II

HÔM NAY, EVSEI EVSEICH BẢO TÔI:

- Cậu nghe tôi đi, Ivan Ivanych, hãy nghe một ông già nói. Cậu đã xử sự không khôn ngoan, xem kìa, thế nào rồi cũng đến tai sếp cho mà xem!

Ông ta còn nói lâu nữa (cố gắng gần xa nói về bản chất sự việc) về trách nhiệm, về sự tuân phục cấp trên, về ông sếp của chúng tôi, về tôi và cuối cùng nói tới nỗi bất hạnh của tôi. Chúng tôi ngồi trong quán rượu, nơi Nadezhda Nikolaevna thường xuyên ghé cùng bạn bè nàng.

Evsei Evseich từ lâu đã thấy hết và từ lâu đã biết được từ tôi nhiều chi tiết. Tôi không thể tìm được cái lưỡi ngu ngốc, đã phun ra tất cả, thậm chí còn suýt khóc rống lên.

Evsei Evseich nói cái:

- Ôi chao đồ đàn bà, cậu là đồ đàn bà ủy mị! Một người trẻ tuổi, một công chức đảng hoàng, lại sa vào chuyện như vậy với cái thứ đồ bỏ ấy! Cậu phải nhỏ toẹt vào cô ta! Việc gì cậu phải dính đến cô ta? Nếu mà là con gái nhà lành thì tốt, đằng này lại là, xin lỗi...

Evsei Evseich thậm chí còn nhỏ nước bọt.

Sau lần đó, ông ta thường quay lại đối tượng đau khổ của mình (Evsei Evseich thực lòng đau khổ vì tôi), nhưng không mắng mỏ nữa, bởi nhận thấy điều đó làm tôi dễ chịu. Tuy nhiên, ông tìm lòng không lâu được, và mặc dù ban đầu thường cố nói xa nói gần, nhưng cuối cùng vẫn luôn đi đến một kết luận, rằng cần phải vứt bỏ, phải “nhỏ toẹt” - và những thứ tương tự thế.

Thực lòng, bản thân tôi cũng đồng cảm với những điều ông khẳng định với tôi mỗi ngày. Bao lần chính tôi cũng đã nghĩ như thế, rằng phải vứt bỏ và nhỏ toẹt! Phải, biết bao nhiêu lần rồi! Và bấy nhiêu lần sau những ý nghĩ đó lại ra khỏi nhà, đôi chân lại đưa tôi đến con phố đó... Rồi nàng đi tới, mặt đánh phấn hồng, đôi lông mày tô đậm, khoác áo nhung và đội chiếc mũ bằng lông sư tử biển sang trọng. Nàng thẳng tới chỗ tôi, còn tôi quay sang hướng khác để nàng không nhận ra tôi đang theo nàng. Nàng đi đến góc đường rồi quay trở lại, trang trí và kiêu hãnh nhìn những người qua đường và đôi khi trò chuyện với họ, còn tôi đi bên kia đường, theo sau nàng, cố không để mất dấu nàng, và ngắm theo bóng dáng bé nhỏ của nàng một cách vô vọng, cho đến khi... một thằng khốn nào đó đến bên nàng trò chuyện. Nàng đáp lời hắn, quay lại và đi cùng hắn... Tôi đi theo họ. Nếu như đường đi lát đầy đinh nhọn, có lẽ tôi cũng không cảm thấy đau hơn. Tôi đi mà không nghe, không nhìn thấy gì ngoài hai bóng người đó...

Tôi không nhìn xuống dưới chân hay xung quanh, mắt giương lên, va vào những người đi đường, bị họ nhận xét, mắng mỏ và va lại. Có lần tôi xô ngã cả một đứa bé...

Hai người rẽ phải rồi rẽ trái, đi qua cổng, đầu tiên là nàng, rồi đến hắn ta: hắn hầu như luôn nhường đường cho nàng với một vẻ lịch thiệp kỳ lạ. Sau đó đến tôi bước vào. Đối diện hai cái cửa sổ rất quen thuộc với tôi có một nhà kho chứa cỏ, một cái thang nhỏ bắc lên vựa cỏ, ở cuối là một cái bệ không có lan can. Tôi ngồi trên cái bệ đó và nhìn qua những tấm rèm cửa màu trắng buông xuống...

Hôm nay tôi cũng đứng ở vị trí kỳ lạ đó, mặc dù băng giá đã phủ kín khoảng sân. Tôi rét run, chân không còn cảm giác, nhưng vẫn đứng đó. Hơi nước bốc ra từ mặt tôi, râu ria đóng băng cả, hai chân bắt đầu tê cóng. Mọi người đi lại trong sân, nhưng không ai để ý đến tôi, họ đi ngang qua, trò chuyện oang oang. Từ ngoài phố vọng lại một bài ca say xỉn (con phố đó vui làm sao), tiếng một đám cãi lộn nào đó, tiếng những người lao công cào tuyết trên hè phố. Tất cả những âm thanh đó ồn ào bên tai tôi, nhưng tôi không quan tâm đến chúng, cũng như không quan tâm đến gió rét đang tấp vào mặt và đến đôi chân buốt giá. Tất cả những thứ đó: tiếng ồn, đôi chân,

gió rét - đều như ở rất xa tôi. Đôi chân đau đớn vô cùng, nhưng bên trong tôi có gì đó còn đau đớn hơn. Tôi không còn sức để đến chỗ nàng. Nàng có biết chăng, rằng có một người xem việc được ngồi chung với nàng trong một phòng, thậm chí không chạm vào tay nàng mà chỉ cần được nhìn vào mắt nàng, đã là một niềm hạnh phúc. Rằng có một người sẵn sàng nhảy vào lửa, nếu như điều đó có thể giúp nàng thoát khỏi địa ngục này, nếu như nàng muốn thoát ra? Nhưng nàng lại không muốn thoát ra... Cho đến nay tôi vẫn không biết tại sao nàng lại không muốn. Tôi không muốn tin rằng nàng đã hư hỏng đến tận não tận xương, tôi không muốn tin điều đó, bởi tôi biết là không phải như thế, bởi tôi hiểu nàng, bởi tôi yêu nàng...

Người đầy tớ lại gần Ivan Ivanych, chạm vào vai anh lúc anh đang chống khuỷu tay lên bàn và úp mặt vào tay, thỉnh thoảng lại rùng mình:

- Ngài Nikitin! Không được như vậy... Trước mặt mọi người... Ông chủ sẽ mắng. Ngài Nikitin! Ở đây không được làm như thế. Làm ơn đứng lên đi!

Ivan Ivanych ngẩng đầu nhìn anh hầu. Anh hoàn toàn không say, và anh hầu hiểu ra ngay khi vừa trông thấy khuôn mặt u sầu của anh.

- Không sao đâu Semion, cậu đưa cho tôi một bình nhỏ nào sạch sạch đi.

- Với gì ạ?

- Với gì ư? Với rượu rum. Và nhiều hơn, không phải một bình nhỏ mà lấy hẳn bình lớn. Đây cậu cầm đi, cầm thêm hai đồng nữa. Một tiếng nữa gọi xe đưa tôi về nhà. Cậu biết tôi sống ở đâu rồi chứ?

- Biết ạ... Có điều, thưa ngài, ngài làm sao thế ạ?...

Anh hầu rõ ràng đang băn khoăn: lần đầu tiên trong suốt thời gian nhiều năm làm việc anh mới thấy trường hợp thế này.

- Không, khoan đã, tốt hơn để tự tôi.

Ivan Ivanych bước ra sảnh, mặc áo khoác, ra phố, rẽ vào hiệu tạp hóa. Trong ô cửa sổ phía dưới, lấp lánh dưới ánh đèn thấp bằng ga là nhãn những chai rượu nhiều màu sắc được sắp xếp cẩn thận một cách có thẩm mỹ lên tấm đệm bằng lông thú. Một phút sau anh bước ra, tay cầm hai chai, đi về căn hộ mà anh thuê trong số những căn trang bị sẵn đồ gỗ của nhà Zuckerberg, rồi khóa trái cửa lại.

III

TÔI LẠI THIẾP ĐI RỒI LẠI THỨC DẬY. Ba tuần lễ ngày nào người cũng lác lư! Sao mà tôi chịu nổi chuyện này cơchứ! Hôm nay tôi đau hết cả đầu, xương cốt, toàn thân. Buồn rầu, chán ngán, những suy tư vô vọng và khổ sở. Giá có một ai đó đến!

Dường như đáp lại ý nghĩ của nàng, ngoài sảnh chuông vang lên. “Evgenia có nhà không?” - “Có nhà, mời vào” - giọng bàbếp đáp lại. Tiếng bước chân vội vã không đều gõ trên hành lang, cửa mở và Ivan Ivanych xuất hiện ở đó.

Trông anh ta hoàn toàn không giống con người lúng túng rụt rè từng đến đây hai tháng trước. Mũ đội lệch, cà vạt màu mè, ánh nhìn tự tin, táo bạo. Lại còn dáng đi lão đảo và mùi rượu nồng nặc.

Nadezhda Nikolaevna nhòm dậy.

- Xin chào, - anh ta bắt đầu - Anh tới thăm em đây.

Và anh ta ngồi xuống cái ghế bên cửa ra vào, không bỏ mũ và cởi áo khoác. Nàng im lặng, anh ta cũng im lặng. Giá như anh ta không say, thì nàng còn nói được điều gì đó, nhưng giờ thì nàng bối rối. Trong lúc nàng còn đang suy nghĩ xem nên làm gì, thì anh ta lại cất lời:

- Ồ... phải! Anh đã đến đây... Anh có qu...quyền! - bỗng anh ta hét lên điên dại và vươn mình đứng thẳng dậy.

Chiếc mũ rơi khỏi đầu anh ta, những sợi tóc đen lòa xòa xuống mặt, đôi mắt lóe sáng. Cả thân hình anh ta thể hiện một sự điên rồ, đến nỗi Nadezhda Nikolaevna kinh hoảng mất một phút.

Nàng thử nói một cách dịu dàng với anh ta:

- Nghe này, Ivan Ivanych, tôi rất mừng vì anh đã tới, có điều bây giờ anh đi về nhà đi. Anh uống hơi nhiều rồi. Làm ơn đi nào, bạn thân mến, về nhà đi. Hãy đến đây lúc nào anh khỏe mạnh nhé.

- Em sợ rồi! - Ivan Ivanych lầu bầu như nói với chính mình, và lại ngồi xuống ghế. - Em chịu khuất phục rồi! Sao em lại đuổi tôi? - anh ta lại rít lên một cách tuyệt vọng - Vì sao? Tôi bắt đầu uống rượu là vì em, tôi vốn tỉnh táo mà! Sao em lại lôi kéo tôi, nói tôi nghe đi?

Anh ta khóc. Những giọt nước mắt say rượu làm anh ta nghẹn ngào, chúng chảy trên mặt và chui vào cái miệng đang méo đi nức nở. Anh ta khó khăn lắm mới nói nổi.

- Người khác thì đã hạnh phúc được thoát khỏi cái địa ngục này. Tôi sẽ làm việc như trâu ngựa. Em sẽ sống cuộc sống vô tư, yên bình, đứng đắn. Nói đi, vì sao mà tôi lại bị em cầm tù?

Nadezhda Nikolaevna im lặng.

- Tại sao em im lặng? - anh ta hét lên - Nói đi! Nói đi, em muốn gì, chỉ cần nói gì đi. Tôi say - phải rồi... Nếu không say tôi đã không đến đây. Em có biết là tôi sợ em khi tôi tỉnh táo không? Em có thể trói tôi vào rọ. Nếu em bảo ăn cắp đi, tôi sẽ ăn cắp. Em bảo giết người - tôi sẽ giết. Em có biết điều đó không? Có lẽ em biết. Em thông minh, em biết hết. Nếu như em không biết... Nadia, em yêu quý của tôi, hãy thương tôi!

Và anh ta quỳ xuống sàn lết đến trước nàng. Còn nàng đứng bất động, đầu tựa vào tường, tay để sau lưng. Ánh nhìn của nàng hướng tới một điểm nào đó trong không gian. Nàng có nhìn thấy gì không, có nghe thấy gì không? Nàng cảm thấy gì trước cảnh con người kia bò xuống dưới chân nàng cầu xin tình yêu? Thương hại, khinh bỉ chăng? Nàng muốn thương hại anh ta, nhưng cảm thấy không thể thương hại. Anh ta chỉ gọi lên nơi nàng sự ghê

tỏm. Liệu anh ta có thể gọi lên được cảm xúc nào khác khi ở trong bộ dạng như thế: say bết nhè, bần thiêu, hèn hạ cầu xin?

Đã mấy ngày anh ta không đến sở làm. Ngày nào cũng uống. Tìm thấy sự an ủi trong rượu, anh ta ít nghĩ đến những khát vọng của mình, chỉ ngồi nhà và uống, thu gom sức lực để đến và thổ lộ với nàng tất cả. “Mình sẽ nói, sẽ mở lòng mình với nàng” - đó là điều thoáng qua trong cái đầu say sưa của anh. Cuối cùng, anh quyết định, đi đến và bắt đầu nói. Thậm chí qua màn sương hơi rượu anh vẫn ý thức được là mình đang nói và làm những điều hoàn toàn không gây được thiện cảm cho bản thân, nhưng vẫn cứ nói, cảm thấy rằng cứ mỗi từ nói ra anh lại rơi thấp hơn, thấp hơn xuống đâu đó, sợi thừng quanh cổ càng lúc càng siết chặt hơn.

Anh ta còn nói rất lâu và lộn xộn. Lời nói của anh ta trở nên chậm dần, rồi cuối cùng đôi mí mắt kẻ say sung húp khép lại, anh ta ngửa đầu ra lưng ghế thiếp đi.

Nadezhda Nikolaevna vẫn đứng trong tư thế cũ, nhìn vô định đâu đó lên trần nhà và gõ ngón tay lên lớp giấy bồi dán tường.

“Mình có thương hại anh ta không? Không, không thương hại. Mình có thể làm được gì cho anh ta? Lấy anh ta làm chồng ư? Chẳng lẽ mình dám thế? Và đó chẳng phải cũng là một sự mua bán hay sao? Trời ơi, không, còn tệ hơn ấy chứ!”.

Nàng không biết tại sao lại tệ hơn, nhưng cảm thấy điều đó.

“Bây giờ ít nhất mình còn được công khai. Ai cũng có thể đánh mình. Chẳng lẽ mình chịu sỉ nhục còn ít hay sao? Nhưng khi đó! Khi đó có gì hay ho hơn? Chẳng lẽ không phải vẫn sự phóng đảng đó sao, chỉ có điều không công khai thôi? Trông anh ta ngồi ngủ kia, đầu ngoẻo ra đằng sau, mồm thì há ra, mặt nhợt nhạt như người chết. Áo thì nhàu nhĩ, chắc là đã lặn lộn đâu đó... Anh ta thờ ơ nặng nề làm sao... Thậm chí thỉnh thoảng còn ngáy nữa... Nhưng điều này sẽ qua, rồi anh ta sẽ lại tử tế, khiêm nhường. Không, không phải thế! Mình cảm giác rằng con người này, nếu như mình cho anh ta lên cao, anh ta sẽ giày vò mình chỉ vì những ký ức... Và mình sẽ không chịu

nổi. Không, cứ để mình lại như bây giờ... Mà mình cũng sẽ chẳng thể này lâu nữa đâu”.

Nàng khoác chiếc khăn len lên vai và bước ra khỏi phòng, đóng sập cửa lại. Ivan Ivanych tỉnh giấc vì tiếng động, nhìn xung quanh bằng đôi mắt vô hồn, và thấy rằng ngủ trên ghế không tiện, bèn khó nhọc lết tới giường, nằm lăn ra đó và ngủ say như chết. Anh ta thức giấc lúc chiều muộn, đầu đau như búa bổ, nhưng tỉnh táo, nhận ra mình đang ở đâu bèn tức khắc bỏ chạy.

Tôi ra khỏi nhà, không biết đi đâu. Thời tiết thật kinh khủng, ngày u ám, tối tăm, tuyết ẩm rơi xuống mặt và tay. Ngồi nhà tốt hơn nhiều, nhưng chẳng lẽ bây giờ tôi có thể ngồi ở đó? Anh ta sa đọa hẳn rồi. Tôi phải làm gì để có thể đỡ anh ta dậy? Liệu tôi có thể thay đổi quan hệ của mình với anh ta được chẳng? Chao, mọi thứ trong đầu tôi, cả người tôi cháy bỏng. Chính tôi cũng không hiểu tại sao mình lại không muốn lợi dụng tình huống này để vứt bỏ cuộc sống kinh khủng này, thoát khỏi cơn ác mộng này. Nếu như tôi lấy anh ta? Một cuộc đời mới, những hy vọng mới... Chẳng lẽ cảm giác thương hại mà đôi khi tôi vẫn có được với anh ta không thể chuyển sang thành tình yêu hay sao?

Ôi không! Bây giờ anh ta sẵn sàng liếm tay tôi, nhưng tới lúc đó... lúc đó anh ta sẽ đá tôi và nói: “A, cô còn chống lại sao, đồ sâu bọ đáng khinh bỉ! Cô đã khinh thường tôi!”

Anh ta sẽ nói như thế chẳng? Tôi nghĩ là sẽ nói.

Tôi đã có một phương tiện để tự giải thoát, một phương tiện tử tế mà từ lâu tôi đã quyết định và có lẽ cuối cùng sẽ tìm tới nó, nhưng tôi cảm thấy hình như bây giờ vẫn còn sớm. Tôi còn quá trẻ, còn quá nhiều ham muốn ở cuộc đời. Tôi muốn sống. Muốn được thờ, được cảm xúc, được nghe, được thấy, muốn có thể, dẫu chỉ thi thoảng, được nhìn lên bầu trời, và ngắm dòng sông Neva.

Đường bờ sông đây rồi. Những tòa nhà lớn ở một phía, còn phía kia là là dòng Neva thăm đen. Băng sắp chuyển rồi, dòng sông sẽ trở lại màu lam.

Công viên ở bờ bên kia sẽ xanh lên. Hòn đảo cũng sẽ được phủ màu của lá. Dù là xuân Petersburg, nhưng vẫn là mùa xuân.

Bỗng nhiên tôi nhớ đến mùa xuân hạnh phúc cuối cùng. Lúc đó tôi mới là cô bé bảy tuổi, sống cùng cha mẹ ở quê, trong thảo nguyên. Mọi người ít quan tâm đến tôi, và tôi có thể chạy đến đâu mình muốn và chạy bao nhiêu cũng được. Tôi nhớ vào đầu tháng ba, những dòng nước băng tan chảy xào xạc qua những mương khe trong thảo nguyên, thảo nguyên thẫm lại, không khí trở nên kỳ diệu, ẩm ướt dễ chịu làm sao. Đầu tiên những mô đất lộ ra, cỏ xanh dần lên, rồi sau đó cả thảo nguyên chuyển màu xanh, dầu trong các khe vẫn còn ít tuyết đang thoi thóp. Nhanh chóng chỉ vài ngày sau, y như đã sẵn sàng từ ngay dưới mặt đất, những bụi mấu đơn nhú ra, vươn lên, trên đó nở rộ những chùm hoa đỏ chói lộng lẫy. Bầy sơn ca bắt đầu hát...

Chúa ơi, con đã làm gì mà bị Người ném vào địa ngục khi đang còn sống? Chẳng lẽ cái thứ mà tôi đang phải chịu đựng không tồi tệ hơn bất kỳ địa ngục nào hay sao?

Bạc thang bằng đá dẫn thẳng tới lỗ hổng trên mặt băng. Có gì đó kéo tôi tới đó và nhìn xuống nước. Nhưng vẫn còn sớm cơ mà? Dĩ nhiên, còn sớm. Tôi đợi thêm chút nữa.

Nhưng đứng bên bờ rìa trơn trượt ẩm ướt của lỗ băng đó vẫn hấp dẫn làm sao. Giá cứ thế tuột xuống. Chỉ mỗi tội rất lạnh... Một giây thôi, là mình sẽ trôi dưới lớp băng theo dòng sông, sẽ điên rồ dùng tay, chân, đầu, mặt cào cào mặt băng. Không biết dưới đó có ánh sáng mặt trời không nhỉ?

Tôi đứng bất động rất lâu bên lỗ băng, và đã đến được trạng thái khi con người không còn nghĩ gì nữa. Chân bị ướt từ lâu, nhưng tôi vẫn không rời khỏi chỗ. Gió không lạnh, nhưng đâm xuyên vào người khiến tôi rùng cả mình, nhưng vẫn đứng đó. Tôi không biết mình sẽ đứng chết trân thêm bao lâu, nếu như trên bờ không có ai đó kêu lên:

- Này, cô ơi!

Tôi không quay lại.

- Cô ơi, làm ơn lên trên hè đi!

Ai đó ở đằng sau tôi bắt đầu tụt xuống bậc thang. Ngoài tiếng bước chân lạo xạo trên các bậc thang rải cát, tôi còn nghe thấy tiếng gõ rời rạc. Tôi quay lại: một viên cảnh sát đang đi xuống, chiếc dù cui gỗ lớp cốp. Nhìn thấy mặt tôi, ông ta lập tức chuyển bộ điệu trình trọng sang thành thô lỗ, lại gần đập vào vai tôi:

- Cút khỏi đây ngay, cái đồ rác rưởi này. Lang chạ khắp nơi. Định ngu ngốc nhảy xuống hồ băng này, rồi ai chịu trách nhiệm cho bọn mày hả, cái lũ ô nhục này.

Nhìn mặt, ông ta biết tôi là ai.

IV

MỌI THỨ CỨ NHƯ THẾ VÀ NHƯ THẾ... Không phút nào được ở một mình, để cái buồn không chiếm lĩnh tâm hồn. Phải làm gì đây để có thể quên lãng?

Anushka mang cho tôi bức thư. Nó từ đâu tới? Đã lâu tôi không nhận thư từ của ai cả.

“Thưa cô nương Nadezhda Nikolaevna quý mến! Mặc dù tôi rất hiểu rằng tôi chẳng là gì đối với cô, nhưng dù sao vẫn nghĩ rằng cô là một thiếu nữ tử tế và không muốn làm tôi đau lòng. Lần đầu tiên và lần cuối cùng trong đời tôi xin cô hãy đến chỗ tôi, bởi hôm nay là ngày lễ tên thánh của tôi. Tôi hứa sẽ không nói với cô điều gì xúc phạm hay khó chịu. Hãy thương xót người tận tụy với cô, Ivan Nikitin.

Tái bút : Tôi không thể không hổ thẹn khi nhớ về hành vi gần đây của tôi trong căn hộ của cô. Hãy đến chỗ tôi hôm nay lúc sáu giờ”.

Thế này nghĩa là sao? Anh ta dám viết thư cho tôi. Có chuyện gì đó không bình thường. Anh ta muốn làm gì với tôi đây? Có nên đi hay không đây?

Việc gì mà phải nghĩ ngợi: đi hay không đi? Nếu như anh ta muốn lừa tôi vào bẫy, thì hoặc để giết tôi, hoặc là... nhưng nếu anh ta có giết đi chẳng nữa, thì cũng là sự giải thoát.

Tôi sẽ đi.

Tôi mặc đồ giản dị, khiêm nhường hơn, rửa sạch son phấn trên mặt. Anh ta

sẽ thấy thích hơn. Tôi chải kiểu tóc giản dị hơn. Tóc tôi còn ít lắm! Tôi chải tóc, mặc cái váy len màu đen, quàng khăn đen, cổ áo và găng tay trắng, rồi bước lại trước gương ngắm nghía bản thân.

Tôi suýt bật khóc khi nhìn thấy trong gương một người phụ nữ hoàn toàn không giống cô Evgenia múa “rất giỏi” những điệu trơ trên trong các ổ điếm khác nhau. Tôi cũng không thấy một con điếm vô liêm sỉ đánh phàn hồng, mặt tươi cười, tóc búi vòng ngổ ngáo, hai hàng mi tô đậm. Người phụ nữ khiếp nhược và đau khổ này xanh xao, râu rĩ đang nhìn bằng đôi mắt to đen kia trông như một con người mới lạ, không phải là tôi. Mà có khi đó chính là tôi chăng? Còn cái con Evgenia mà mọi người đều thấy và đều biết kia là một kẻ xa lạ nào đó đã nhập vào tôi, áp đảo tôi, giết chết tôi.

Tôi thực sự đã bật khóc, khóc rất nhiều, rất lâu. Nước mắt làm nhẹ lòng hơn, người ta vẫn bảo tôi thế từ khi còn bé. Nhưng điều đó không đúng với tất cả mọi người. Tôi không cảm thấy dễ chịu hơn, mà còn tồi tệ hơn. Mỗi tiếng nấc là một nỗi đau, mỗi giọt nước mắt là một giọt đắng. Ai còn có chút hi vọng nào đó được chữa lành và được bình an thì có lẽ sẽ nhẹ lòng khi khóc. Còn với tôi, hi vọng đó ở đâu?

Tôi lau nước mắt và ra đi.

Tôi tìm được nhà của bà Zukerberg không mấy khó khăn. Cô hầu người Phần Lan chỉ cho tôi cánh cửa phòng của Ivan Ivanych.

- Tôi vào được không?

Trong phòng vang lên tiếng ngăn kéo được đẩy vội.

- Cô vào đi! - Ivan Ivanych tức thì kêu lên.

Tôi bước vào. Anh ta ngồi bên bàn viết và đang dán một phong thư nào đó. Thậm chí dường như anh ta không mừng vui vì tôi đến.

- Xin chào Ivan Ivanych - tôi nói.

- Xin chào Nadezhda Nikolaevna - anh ta đáp, đứng dậy chìa tay cho tôi.

Một sự dịu dàng nào đó thoáng qua trên khuôn mặt anh ta khi tôi đưa tay ra, nhưng tức thì biến mất. Anh ta trông nghiêm nghị, thậm chí dữ dội.

- Xin đa tạ cô đã tới.

- Anh gọi tôi tới để làm gì? - tôi hỏi.

- Chúa ơi, chẳng lẽ cô không biết, rằng được nhìn thấy cô có ý nghĩa như thế nào với tôi sao? Tuy nhiên, nói chuyện này cô không thích...

Chúng tôi ngồi im lặng. Cô hầu người Phần Lan mang ấm xamôva tới. Ivan Ivanych rót trà và đường cho tôi. Sau đó anh ta đặt lên bàn mứt, bánh nướng, kẹo, nửa chai rượu vang ngọt.

- Mong cô thứ lỗi vì những món này, thưa cô Nadezhda Nikolaevna. Có lẽ cô không thoải mái, nhưng xin đừng giận. Cô làm ơn pha trà và rót trà đi. Cô ăn đi: đây là kẹo, rượu.

Tôi rót trà, còn anh ta ngồi đối diện tôi, mặt khuất trong bóng tối, và bắt đầu ngắm nhìn tôi. Tôi cảm thấy ánh mắt anh ta không ngừng chăm chú nhìn tôi, và cảm thấy tôi đỏ mặt.

Tôi ngược mắt lên trong giây lát, nhưng lập tức sụp xuống ngay, bởi anh ta vẫn đang tiếp tục nhìn thẳng vào mặt tôi một cách nghiêm nghị. Thế có nghĩa là sao? Chẳng lẽ cái hoàn cảnh này, cái váy giản dị màu đen và sự vắng bóng những khuôn mặt đều cáng, những lời lẽ tục tĩu đã tác động mạnh lên tôi đến nỗi biến tôi trở lại thành cô bé khiêm nhường bối rối của hai năm trước đây hay sao? Tôi đâm tức giận.

- Làm ơn nói tôi biết đi, sao anh lại trở mắt nhìn tôi như thế?... - tôi nói khó nhọc, nhưng dạn dĩ.

Ivan Ivanych chồm dậy và bắt đầu đi lại trong phòng.

- Nadezhda Nikolaevna! Cô đừng nói năng thô lỗ thế. Hãy như lúc cô mới tới đây, dẫu chỉ một giờ đồng hồ thôi.

- Nhưng tôi không hiểu anh gọi tôi tới để làm gì. Chẳng lẽ chỉ để im lặng và nhìn tôi hay sao?

- Phải, Nadezhda Nikolaevna ạ, chỉ để như thế thôi. Điều này không làm cô đặc biệt đau khổ cơ mà, còn với tôi thì là sự an ủi - lần cuối cùng tôi được ngắm nhìn cô. Cô thật tử tế vì đã tới, và đã mặc chiếc váy này. Tôi không mong chờ điều đó và vì thế lại mang ơn cô nhiều hơn.

- Nhưng tại sao lại là lần cuối cùng, Ivan Ivanych?

- Tôi sắp đi rồi.

- Đi đâu?

- Đi xa, Nadezhda Nikolaevna ạ. Thực ra hôm nay không phải ngày lễ tên thánh của tôi. Không biết tại sao tôi lại viết như thế. Chỉ đơn giản là tôi mong được nhìn thấy cô một lần nữa. Đầu tiên tôi định đến chỗ cô và đợi khi nào cô bước ra, thế rồi bỗng quyết mời cô đến chỗ tôi. Và cô thật là tử tế vì đã tới. Cầu Chúa phù hộ cô vạn sự tốt đẹp vì điều này.

- Có ít sự tốt đẹp ở phía trước lắm, Ivan Ivanych ạ.

- Phải, đối với cô có rất ít điều tốt đẹp. Tuy nhiên, bản thân cô biết mình

hơn tôi, hiểu rằng điều gì chờ cô ở phía trước... - Giọng Ivan Ivanych run run - bởi vậy mà tôi ra đi.

Giọng anh ta càng run rẩy hơn.

Tôi thấy thương anh ta khôn tả. Cảm giác ghê tởm chổng lại anh ta nơi tôi liệu có là công bằng hay không? Vì sao mà tôi lại xua đuổi anh ta một cách gay gắt và thô bạo như thế? Nhưng bây giờ hối tiếc thì đã muộn rồi.

Tôi đứng dậy và mặc áo. Ivan Ivanych chồm dậy như phải bồng.

- Cô đã đi hay sao? - anh ta hỏi, giọng bồn chồn.

- Vâng, tôi phải đi...

- Cô phải... Lại về nơi đó! Nadezhda Nikolaevna! Cô thử về xem sao, thà tôi giết cô ngay bây giờ còn hơn!

Anh ta nói thì thào, túm lấy tay tôi và nhìn tôi bằng đôi mắt mở to, thất thần.

- Như thế tốt hơn phải không? Nói đi!

- Nhưng Ivan Ivanych, anh sẽ bị đày đi Siberia. Tôi không muốn điều đó chút nào.

- Đi Siberia ư!.. Chẳng lẽ vì thế mà tôi không thể giết cô hay sao, rằng tôi sợ bị đi Siberia sao? Chẳng phải vì vậy... Tôi không thể giết cô bởi vì... làm sao tôi giết cô được? Làm sao tôi giết em được? - anh ta hỏn hển nói - bởi tôi...

Anh ta ôm chầm lấy tôi, bế bồng lên như bế đứa trẻ, phủ những cái hôn lên

mặt, lên môi, lên mắt, lên tóc tôi. Rồi cũng bấtngờ như lúc ôm tôi, anh ta đặt tôi xuống và nói nhanh:

- Cô đi đi, đi đi... Tha thứ cho tôi, nhưng đây là lần đầu tiên và lần cuối cùng. Cô đừng giận tôi. Hãy đi đi, Nadezhda Nikolaevna.

- Tôi không giận đâu, Ivan Ivanych ạ...

- Đi đi, cô đi đi! Cảm ơn cô vì đã tới.

Anh ta tiễn tôi ra khỏi phòng rồi tức thì khóa trái cửa. Tôi xuống cầu thang, lòng đau hơn cả trước đó.

Cứ để anh ta ra đi và sẽ quên tôi. Tôi sẽ ở lại sống nốt cuộc đời mình. Ủy mị thế là đủ rồi. Tôi đi về nhà.

Tôi rảo bước, đã nghĩ về việc sẽ mặc chiếc váy nào và sẽ đi đâu vào tối nay. Thiên tiểu thuyết của tôi kết thúc rồi, một chút trì hoãn trên con đường trơn trượt! Bây giờ tôi sẽ thoải mái trượt xuống, càng lúc càng thấp hơn, chẳng có gì cản trở nữa.

“Nhưng lỡ bây giờ anh ta tự bắn mình!” - bỗng nhiên cái gì đó thét lên trong tôi. Tôi đứng sững lại, mắt tối sầm, sống lưng lạnh buốt, ngạt thở... Phải, bây giờ anh ta đang tự sát! Anh ta đóng sập học bàn - đó là vì anh ta xem khẩu súng. Lại còn viết thư... Lần cuối cùng... Phải chạy thôi! Có thể còn kịp. Chúa ơi, giữ anh ấy lại! Chúa ơi, để anh ấy lại cho con!

Nỗi kinh hoàng chết chóc chưa từng thấy bao trùm lấy tôi. Tôi chạy ngược lại như một con điên, lướt qua những người đi đường. Không nhớ tôi đã chạy lên cầu thang như thế nào. Chỉ nhớ khuôn mặt ngu ngốc của con hầu Phần Lan ra mở cửa, nhớ cái hành lang dài tối tăm với nhiều khung cửa, nhớ tôi lao tới cửa phòng anh. Và khi tôi chộp lấy tay nắm, thì đằng sau cánh cửa vang lên tiếng súng. Mọi người từ mọi phía xô lại, quay cuồng

điên đại xung quanh tôi cùng với dãy hành lang, các khung cửa, các bức tường. Tôi ngã xuống... và mọi thứ trong đầu cũng quay cuồng, rồi biến mất.

1878

Một cuộc tình rất chóng vánh

BĂNG GIÁ, LẠNH LẼO... Thằng giêng đến sân nhà và báo cho biết về sự hiện diện của nó với mọi người nghèo, với những người quét sân, những anh cảnh sát - tất cả những ai không thể giấu mũi mình vào chỗ nào ấm áp. Dĩ nhiên nó báo cho cả tôi nữa. Không phải bởi tôi không tìm được cho mình góc ấm áp nào, mà do đầu óc mộng tưởng của chính tôi.

Thực ra, tại sao tôi lại lang thang bên bờ sông trống trải? Những ngọn đèn đường bốn chân cháy sáng, mặc dù bị gió lùa vào trong, khiến những ngọn lửa ga nhảy múa. Do ánh sáng rục rỡ của chúng mà bóng dáng to lớn của lâu đài sang trọng, đặc biệt những ô cửa sổ của nó, dường như trở nên u ám hơn. Bão tuyết, bóng đêm phản chiếu vào những ô kính lớn. Gió gào thét, rên rỉ trên dòng Neva đóng băng hoang vắng. Những tiếng “đinh - đàng! đinh - đàng!” vang lên xuyên qua cơn tuyết cuốn. Đó là các quả chuông nhà thờ của pháo đài đang đánh, mỗi tiếng chuông rầu rĩ vang lên đồng nhịp với tiếng cái chân gỗ của tôi gõ xuống những phiến đá lát đường trắng nhợt, và đồng nhịp với tiếng trái tim bệnh hoạn của tôi đập vào lồng ngực chật chội đang chứa nó.

Tôi phải giới thiệu về mình với độc giả. Tôi là một người trẻ tuổi đi chân gỗ. Có thể quý vị sẽ bảo là tôi bắt chước Dickens, nhớ rằng Silas Wegg là một người viết văn đi chân gỗ trong tiểu thuyết “Người bạn chung của chúng ta”. Không, tôi không bắt chước. Tôi thực sự là một anh chàng đi chân gỗ. Chỉ có điều tôi mới bị như thế gần đây...

“Đinh - đàng! Đinh - đàng!” Những tháp chuông đầu tiên đánh những tiếng u sầu “Lạy Chúa, hãy ban ơn”, rồi sau đó điểm một giờ. Mới có một giờ! Còn bảy tiếng nữa mới đến sáng! Tới lúc đó đêm đen đầy tuyết ướt này mới

ra đi để nhường chỗ cho một ngày xám xịt. Tôi có nên đi về nhà không nhỉ? Tôi chẳng biết nữa, tôi mặc kệ mọi thứ. Tôi chẳng cần giấc ngủ.

Đạo mùa xuân tôi cũng thích lang thang thâu đêm trên bờ sông này. Chao ôi, những đêm đó mới tuyệt làm sao! Đó không phải là đêm oi nồng phương nam, với bầu trời thẫm đen kỳ lạ và những ngôi sao lớn dõi nhìn theo ta. Ở đây mọi thứ đều sáng tươi lộng lẫy. Bầu trời đa sắc lạnh lẽo và đẹp đẽ, mà theo lịch có “bình minh suốt đêm”, nhuộm vàng cả phương bắc và phương nam. Không khí thì trong lành, buốt giá. Dòng Neva cứ chảy, kiêu hãnh và tươi sáng, bình thản vỗ những con sóng nhỏ lên hai bờ kè đá. Và tôi đứng trên bờ sông đó. Một thiếu nữ tựa vào tay tôi. Người con gái đó...

Ôi chao, thưa các quý bà quý ông nhân từ, sao tôi lại đi kể cho các vị về những vết thương của tôi cơ chứ? Nhưng trái tim con người ngu xuẩn tội nghiệp như thế đó. Khi nó bị thương, nó tìm đến mỗi người nó gặp để tìm sự giải tỏa. Và không tìm được. Điều này hoàn toàn dễ hiểu, bởi ai cần một cái tát thủng rách, không được vá lại? Người nào cũng cố vớt nó ra xa khỏi chân mình...

Trái tim tôi chưa cần phải vá lại, khi mùa xuân năm đó tôi làm quen với Masha, có lẽ là một nàng tốt nhất trong số các nàng Masha trên thế gian này. Tôi làm quen với nàng trên chính bờ sông đó, lúc còn chưa hề lạnh như lúc này. Và tôi có cái chân thực sự thay cho chiếc chân gỗ khôn kiếp này, một cái chân cân đối thực sự, cũng như chân bên trái còn lại của tôi. Nói chung người tôi vốn khá cân đối, và dĩ nhiên không đi lại khập khiễng như bây giờ. Một từ thật tẻ, nhưng chẳng phải lúc nói đến từ ngữ... Vậy là tôi làm quen với nàng. Chuyện xảy ra rất giản đơn. Tôi đang đi, và nàng cũng đang đi (tôi không phải là kẻ ve gái, nghĩa là hồi đó không phải là kẻ ve gái, bởi bây giờ thì tôi đã đi nặng rồi)... Không biết điều gì xô đẩy mà tôi mở lời. Đầu tiên nói rằng tôi không phải là một trong những kẻ càn rỡ và đại loại như thế, rồi tôi có những ý định trong sáng, vân vân và vân vân. Khuôn mặt hiền hậu của tôi (mà bây giờ đã có một nếp nhăn lớn phía trên sống mũi, một nếp nhăn rất âm đạm) đã trấn an cô gái. Tôi đưa nàng đến phố

Galernaya, tận ngôi nhà nơi nàng đang sống. Nàng vừa đi từ nhà bà ngoại già yếu của nàng ở cạnh Vườn Mùa Hè, chiều nào nàng cũng sang đó để đọc tiểu thuyết. Bà ngoại tội nghiệp bị mù!

Bây giờ bà ngoại chết rồi. Năm đó có rất nhiều người không phải là bà ngoại già cũng chết. Cả tôi cũng có thể chết, thậm chí rất có thể, tin tôi đi. Nhưng tôi trụ lại được. Thưa các ngài, con người có thể chịu đựng được bao nhiêu khổ đau? Các ngài không biết ư? Cả tôi cũng chẳng biết.

Tốt thôi. Masha ra lệnh cho tôi phải trở thành anh hùng, và vì thế tôi phải vào quân đội. Thời đại thập tự chinh đã qua rồi, những hiệp sĩ cũng đã biến mất. Nhưng nếu như người con gái ngài yêu bảo: “Chiếc nhẫn này là em!” rồi ném nó vào đám lửa, dầu là một đám lửa to nhất như ở Cối xay Pheigin (chuyện xưa làm sao!)[1], thì chẳng lẽ ngài không nhảy vào để nhặt nó? - “Ồi chao, anh ta kỳ quặc làm sao, dĩ nhiên là không rồi, - các ngài sẽ đáp vậy: - dĩ nhiên là không rồi! Tôi sẽ đến cửa hàng Buda và mua cho nàng cái nhẫn mới đắt hơn gấp mười lần”. Và lẽ nào nàng sẽ bảo rằng bây giờ nàng không còn là cái nhẫn cũ nữa, mà là cái nhẫn đắt tiền này? Tôi không bao giờ tin như thế. Hơn nữa, tôi không theo luật của các ngài, độc giả ạ. Có thể người phụ nữ mà các ngài thích sẽ làm như thế. Bởi các ngài sở hữu nhiều trăm cô phiêu, và có thể còn là thành viên của “Greger & Co.” Các ngài thậm chí đặt tờ “Con ve” ở Bucarest để giải trí. Hãy nhớ có khi nào hỏi nhỏ các ngài ngắm con bướm bay vào ngọn lửa không? Lúc đó các ngài cũng giải trí. Con bướm run rẩy, nằm ngửa vẫy vẫy đôi cánh ngăn ngùn bén lửa. Các ngài lấy đó làm vui, sau đó chán con bướm, các ngài lấy ngón tay đè chết nó. Tạo vật đáng thương đó thôi không đau khổ nữa. Chao, độc giả đáng kính ơi! Giá như các ngài có thể lấy ngón tay đè bẹp tôi, để tôi cũng thôi đau khổ!

[1] Cối xay Pheigin là cối xay chạy bằng hơi nước ở Petersburg. Vụ cháy cối xay này vào năm 1875 đã làm chấn động thành phố (ND).

Nàng ấy là một thiếu nữ kỳ lạ. Khi người ta tuyên bố chiến tranh nổ ra,

nàng mấy ngày trời đi lại trầm ngâm, lặng lẽ, tôi không cách nào làm nàng khuây khỏa.

- Anh nghe này - một lần nàng bảo tôi - anh có phải là người chính trực không?

- Tôi có thể như vậy, - tôi đáp.

- Những người chính trực luôn chứng minh lời nói của mình bằng hành động. Anh ủng hộ chiến tranh: anh phải đi chiến đấu.

Nàng cau mày và nắm chặt tay tôi bằng bàn tay nhỏ bé của mình. Tôi nhìn Masha và nghiêm chỉnh nói với nàng:

- Được!

- Khi nào anh về, em sẽ là vợ anh, - nàng nói với tôi lúc ở cầu tàu, - Hãy trở về nhé!

Nước mắt làm tôi nghẹn lời, suýt nữa thì bật khóc. Nhưng tôi tỏ ra cứng cỏi, thu hết sức lực để trả lời Masha:

- Hãy nhớ nhé, Masha, những người chính trực...

- Luôn chứng minh lời nói của mình bằng hành động - nàng tiếp lời.

Tôi ghì nàng áp vào tim mình lần cuối rồi nhảy lên toa tàu.

Tôi ra đi chiến đấu vì Masha, nhưng tôi đã hoàn thành nghĩa vụ của mình một cách chính trực cho cả tổ quốc nữa. Tôi hăng hái đi qua đất Romania dưới mưa và bụi, trong nắng cháy và giá lạnh. Tôi tận tụy nhai lương khô “đồng đội”. Khi lần đầu tiên gặp quân Thổ, tôi đã không hèn nhát: vì thế tôi được tặng huân chương thập tự và thăng chức hạ sĩ quan. Lần đụng độ thứ

hai, cái gì đó đổ xuống, và tôi cũng đổ xuống đất. Rên rỉ, mù sương... Bác sĩ đeo tạp dề trắng, với đôi tay đẫm máu... Các y tá... Cái chân bị cưa đứt của tôi với vết chàm bẩm sinh nằm dưới đầu gối... Tất cả mọi thứ đó như giấc mơ lướt ngang qua tôi. Chuyến tàu tải thương với giường đệm êm ái và một thiếu phụ kiêu diễm đầy quyền uy phóng nhanh đưa tôi về Petersburg.

Khi bạn rời thành phố với hai chân, còn trở về với một, chân kia chỉ còn một mẩu cụt - thì điều đó cũng đáng giá gì đó, tin tôi đi.

Người ta cho tôi nằm viện. Lúc đó đang tháng bảy. Tôi nhờ người tìm trong cuốn danh bạ để trên bàn địa chỉ của Maria Ivanovna G. [2], và người lính gác cổng tốt bụng đã mang nó đến cho tôi. Vẫn ở nơi cũ, trên phố Galernaya!... Tôi viết một bức thư, rồi bức thứ hai, bức thứ ba - nhưng không nhận được thư trả lời.

[2] Maria là tên đầy đủ của Masha (ND).

Độc giả tốt bụng của tôi ơi, tôi đã kể cho các ngài nghe tất cả rồi. Dĩ nhiên các ngài chẳng tin tôi đâu. Và câu chuyện cũng khó tin : một chàng hiệp sĩ nào đó và một kẻ phản bội gian trá. “Giống hết tiểu thuyết xưa!” - độc giả thông thái của tôi ơi, các ngài không tin tôi cũng bằng thừa. Có những hiệp sĩ như thế, nhưng trừ tôi ra...

Cuối cùng thì người ta làm cho tôi cái chân gỗ. Và tôi có thể tự nhận ra cái gì là nguyên nhân sự im lặng của Masha. Tôi đi xe ngựa đến phố Galernaya, sau đó tập tễnh leo lên chiếc cầu thang dài. Thế mà tôi từng lướt trên nó tám tháng trước! Cuối cùng cũng đến được cửa. Tôi nhấn chuông, tim chết đứng... Có tiếng chân sau cánh cửa. Bà hầu già Avdotya mở cửa cho tôi, và tôi, không nghe thấy giọng nói mừng rỡ của bà ta, chạy vội (nếu như có thể chạy trên đôi chân tàn tật như thế) vào phòng khách. Masha! Nàng không ở một mình. Nàng đang ngồi với người họ hàng xa của mình, một anh chàng trẻ tuổi đẹp trai, khi tôi đi vắng đã tốt nghiệp đại học và chuẩn bị nhận một

chỗ làm tốt. Cả hai người họ rất dịu dàng chào hỏi tôi (có lẽ do cái chân gỗ), nhưng cả hai đều lúng túng. Sau mười lăm phút là tôi hiểu cả.

Tôi không muốn trở thành vật cản hạnh phúc của họ. Độc giả thông thái sẽ mỉm cười châm biếm: chẳng lẽ anh lại muốn tôi tin tất cả những chuyện bịa đặt ấy ư? Ai đời lại nhường không cô gái mình yêu cho một gã lười nhác nào đó?

Thứ nhất anh ta không phải là kẻ lười nhác, còn thứ hai là... Tôi định nói với các ngài, rằng thứ hai là... nhưng mà các ngài chẳng hiểu đâu... Các ngài không hiểu, bởi vì không tin rằng trong thời của chúng ta vẫn có lòng tốt và sự thật. Các ngài ưa thích bất hạnh cho cả ba người hơn bất hạnh cho một mình các ngài. Các ngài không tin tôi, người độc giả thông thái ạ. Không tin tôi thì thôi, tùy các ngài!

Ngày thứ ba là đám cưới. Tôi làm phù rể. Tôi kiêu hãnh thực thi nhiệm vụ trong đám lễ, trong thời khắc mà sinh thể quý báu nhất của tôi trao cuộc đời mình cho một người khác. Masha thỉnh thoảng rụt rè liếc nhìn tôi. Còn chồng nàng đối với tôi rất ân cần và bối rối. Đám cưới rất vui. Những người họ hàng người Đức kêu lên “hoch!”(hoan hô) và gọi tôi là “der russische Held” (anh hùng Nga). Masha và chồng nàng đều theo Thanh giáo.

“À há, à há, - độc giả thông thái sẽ kêu to - thế là anh gục ngã rồi, người anh hùng ạ! Thanh giáo cần gì cho anh cơ chứ? Để vào tháng mười hai của người Chính giáo, người ta không kết hôn! Chỉ thế thôi. Những chuyện của anh chỉ là sự tưởng tượng thuần túy”.

Cứ nghĩ như vậy đi, nếu các ngài muốn thế, độc giả thông thái ạ. Với tôi sao cũng được. Nhưng nếu như các ngài đi cùng tôi vào những đêm tháng chạp trên bờ sông ở quảng trường Cung điện, lắng nghe cùng tôi tiếng gió rít, tiếng chuông đánh, tiếng chân gỗ của tôi gõ xuống đường, nếu như các ngài cảm nhận được điều diễn ra trong hồn tôi vào những đêm mùa đông đó, các ngài sẽ hiểu được... “Đinh - đàng! Đinh - đàng!” Chuông điểm bốn

giờ. Đã đến lúc phải về nhà, chui vào chiếc giường đơn độ lạnh lẽo và
thiếp ngủ. Tạm biệt nhé, độc giả của tôi!

1878

Một cuộc gặp gỡ

MỘT DẢI ÁNH TRĂNG RỘNG LỚN màu bạc run rẩy trải dài hàng chục verxta. Phần còn lại của biển đen thẫm. Tiếng gầm gào đều đặn của những con sóng xô vào bờ cát vọng tới chỗ người đứng ở trên cao. Bóng những con tàu tròng trành trên cảng còn đen thẫm hơn cả biển. Một chiếc tàu hơi nước (“có lẽ là của người Anh” - Vasily Petrovich nghĩ) nằm ngay trong dải trăng sáng và phì phò hơi nước, nhả ra từng cuộn khói tan vào trong không gian. Không khí từ biển bốc lên ẩm ướt mặn mòi. Vasily Petrovich từ trước tới giờ chưa từng thấy cảnh như vậy, nên háo hức ngắm nhìn nào biển, nào ánh trăng, những con tàu, và sung sướng ngửi hơi biển lần đầu. Anh thụ hưởng rất lâu những cảm giác mới mẻ, lưng quay vào thành phố nơi anh mới tới ngày hôm nay và sẽ phải sống ở đó rất nhiều, rất nhiều năm. Đằng sau anh là đám đông sặc sỡ những con người đang đi dạo trên đại lộ, vang lên lúc là tiếng Nga, lúc thứ tiếng không phải Nga, lúc những giọng nói quan cách êm ái của những phu nhân đáng kính của địa phương, lúc là tiếng riu rít của các tiểu thư, tiếng ồn ào vui vẻ của đám thanh niên học trung học đi thành đám quanh hai ba cô tiểu thư. Tiếng cười vang lên giữa một trong những đám người đó khiến Vasily Petrovich phải quay đầu lại. Đám người vui vẻ đi ngang qua. Một thanh niên nói gì đó với cô nữ sinh trẻ tuổi; lũ bạn ồn ào làm ngắt quãng câu nói, có lẽ là đang thanh minh gì đó, của anh ta.

- Đừng tin hấn, Nina Petrovna ạ! Hấn toàn nói dối đấy! Bịa ra cả đấy!

- Thực mà, Nina Petrovna, tôi không hề có lỗi.

- Nếu như anh, Shevyrev ạ, còn dám nghĩ chuyện lừa tôi nữa... - cô gái đáp bằng một giọng trẻ trung nhưng cố làm ra vẻ đạo mạo.

Vasily Petrovich không nghe hết câu nói, bởi bọn họ đã đi qua mất. Nửa phút sau, trong bóng tối vang lên tràng cười rộn rã.

“Nó đấy, cánh đồng tương lai của mình, nơi mà mình sẽ làm việc như một anh thợ cày khiêm nhường” - Vasily Petrovich nghĩ, trước hết bởi anh vừa được bổ nhiệm làm giáo viên trường trung học ở đây, và thứ đến bởi anh thích cách suy nghĩ hình tượng như vậy, kể cả khi không nói ra thành lời. “Phải, mình sẽ phải làm việc với chức danh khiêm nhường như thế - anh nghĩ và lại ngồi xuống băng ghế, quay mặt ra biển. - Nào đâu ước mơ làm giáo sư đại học, làm nhà chính luận, hay những danh hiệu lớn lao? Anh không đủ nghị lực cho những ý đồ đó, anh bạn Vasily Petrovich ạ, hãy chịu khó làm việc ở đây thôi!”

Những ý nghĩ đẹp đẽ và dễ chịu xao xuyên trong đầu anh giáo trung học trẻ tuổi. Anh nghĩ tới việc anh sẽ từ những lớp trung học đầu tiên đoán ra “ngọn lửa thần linh” trong các chú bé; làm sao ủng hộ cho những sinh thể “sẵn sàng vứt bỏ ra khỏi mình cái ách của bóng đêm”; làm sao dưới sự hướng dẫn của anh, những sức lực tươi trẻ “xa lạ với bờ bản đời thường” sẽ phát triển; làm sao cuối cùng, cùng với thời gian, từ những học sinh của anh sẽ xuất hiện những con người nổi tiếng... Thậm chí trong trí tưởng tượng còn vẽ ra những bức tranh, rằng anh, Vasily Petrovich, bấy giờ đã là ông giáo già tóc bạc, ngồi trong căn hộ khiêm tốn của mình, và những học sinh cũ đến thăm, một trong số họ là giáo sư của một trường đại học nào đó, “nổi tiếng ở ta và ở châu Âu”, còn một người khác là nhà văn, một tiểu thuyết gia lừng danh, người thứ ba là nhà hoạt động xã hội, cũng rất nổi tiếng. Tất cả họ đều bày tỏ sự kính trọng đối với anh. “Chính những hạt giống tốt đẹp của thầy gieo vào đầu em khi em còn là một thằng bé, đã làm cho em nên người, thầy Vasily Petrovich kính mến ạ” - nhà hoạt động xã hội sẽ nói thế và cảm động nắm chặt tay thầy giáo cũ của mình...

Tuy nhiên, Vasily Petrovich quan tâm đến những đối tượng đầy phấn khích đó không lâu, ý nghĩ của anh nhanh chóng chuyển sang những sự vật trực

tiếp liên quan đến tình trạng hiện thời của anh. Anh rút ví trong túi áo ra, đếm tiền xong bắt đầu suy tư về việc anh còn bao nhiêu để trả đủ cho những khoản chi thiết yếu. “Tiếc là mình đã tiêu không cần trọng lúc đi đường, - anh nghĩ, - Căn hộ... cứ cho là hai mươi rúp một tháng, tiền ăn, ga giường, trà thuốc,... Thế nào mình cũng phải để dành một ngàn rúp trong nửa năm. Có lẽ ở đây có thể dạy kèm với giá cao hơn, chẳng hạn bốn hay năm rúp một giờ...” Cảm giác hài lòng bao trùm lên anh, anh những muốn thò tay vào túi, nơi có hai bức thư giới thiệu gửi tới những người danh tiếng ở địa phương, và đọc lại địa chỉ của họ đến lần thứ hai mươi. Anh rút các bức thư ra, cẩn thận mở tờ giấy gói chúng, nhưng không thể đọc được địa chỉ, vì trăng không đủ sáng để thỏa mãn niềm hứng thú của anh. Gói cùng với những bức thư này là một bức ảnh nhỏ. Vasily Petrovich quay nó ra trước ánh trăng, cố gắng ngắm nhìn những đường nét thân quen. “Ôi, Liza của tôi!” - anh gần như nói thành tiếng và thở dài khoan khoái. Liza là vợ chưa cưới của anh, nàng ở lại Petersburg chờ đợi khi nào Vasily Petrovich để dành được một ngàn rúp, số tiền mà đôi trẻ cho rằng cần thiết cho những sắm sửa ban đầu.

Thở dài xong, anh cất tấm ảnh và các bức thư vào túi quần bên trái rồi bắt đầu mơ về cuộc sống gia đình tương lai. Những ước mơ đó dường như với anh còn dễ chịu hơn những ước mơ về nhà hoạt động xã hội sẽ đến cảm ơn anh đã gieo hạt giống tốt vào tâm hồn cậu ta.

Biển âm ào xa xa phía dưới, gió trở nên tươi mát hơn. Con tàu Anh đã ra khỏi dải ánh trăng. Dải ánh trăng tỏa sáng, dày đặc, rồi biến thành hàng ngàn con sóng lấp lánh chạy về phía xa vô tận của biển, càng lúc càng sáng hơn, sáng hơn. Thật chẳng muốn rời khỏi chiếc ghế, bứt khỏi bức tranh đó và đi về căn phòng chật chội của khách sạn, nơi Vasily Petrovich trú ngụ. Tuy nhiên đã muộn rồi, anh đứng dậy và đi dọc theo đại lộ.

Một quý ông mặc áo khoác mỏng may bằng chất liệu lụa thô, đội mũ rơm, chòm mũ quần chiếc khăn mỏng (y phục mùa hè của những anh chàng chải chuốt) cũng vừa rời khỏi ghế lúc Vasily Petrovich đi ngang qua và nói với anh:

- Xin cho châm tí lửa hút thuốc.

- Vâng xin mời - Vasily Petrovich đáp. Sắc ửng hồng chiếu sáng khuôn mặt quen quen.

- Nikolai, bạn của tôi! Là cậu đấy sao?

- Vasily Petrovich ư?

- Chính hấn đây... Chao, tớ mừng làm sao! Tớ thực không tưởng tượng nổi, không đoán ra nổi, - Vasily Petrovich nói, ôm lấy bạn và hôn ba lần - Ngọn gió nào đưa cậu đến đây?

- Đơn giản thôi, đi làm ăn. Còn cậu thì sao?

- Tớ được bổ nhiệm làm giáo viên trung học ở đây. Tớ vừa mới tới.

- Thế cậu ở lại chỗ nào? Nếu như đang ở trong khách sạn thì lại chỗ tớ đi. Tớ rất mừng được gặp cậu. Ở đây cậu không có ai quen phải không? Lại chỗ tớ đi, ta ăn tối, tán gẫu, ôn chuyện xưa.

- Đi nào, đi nào, - Vasily Petrovich tán thành - Tớ rất, rất là mừng! Tớ đến đây như là đến hoang mạc vậy, vậy mà bỗng nhiên có cuộc gặp gỡ sướng vui này. Này anh xe! - anh hét lên.

- Không cần đâu, đừng hét lên. Sergei, lại đây! - người bạn của Vasily Petrovich nói to nhưng bình thản.

Một cỗ xe sang trọng trờ tới vỉa hè, chủ nhân nhảy lên xe. Vasily Petrovich đứng trên hè bắn khoả nhìn cỗ xe, những chú ngựa ô và anh đánh xe to béo.

- Kudryashov, những con ngựa này là của cậu à?

- Của tớ, của tớ! Sao, cậu không ngờ à?

- Thật ngạc nhiên... Có phải là cậu đây không?

- Còn ai nữa mà không phải là tớ? Nào lên xe đi, ta còn kịp hàn huyên mà.

Vasily Petrovich leo lên xe, ngồi xuống cạnh Kudryashov, và cỗ xe chuyển bánh, lúc lắc rung rinh trên mặt đường. “Sao lạ nhỉ! - anh nghĩ bụng - Mới đây thôi Kudryashov là anh sinh viên nghèo nhất, mà bây giờ - hẳn một cỗ xe!”. Kudryashov đặt hai chân duỗi thẳng lên băng ghế trước, im lặng hút xì gà. Năm phút sau cỗ xe dừng lại.

- Nào anh bạn, xuống thôi. Tớ sẽ cho cậu xem căn lều khiêm nhường của tớ
- Kulyashov nói, nhảy xuống và giúp Vasily Petrovich chui ra khỏi xe.

Trước khi vào căn lều khiêm nhường, khách đưa mắt ngắm nhìn nó. Mặt trăng nằm phía sau và không chiếu sáng nó, bởi vậy anh chỉ có thể nhận ra túp lều là một căn nhà một tầng bằng đá, với mười hay mười hai ô cửa sổ lớn. Mái nhà dựng trên những cây cột với những viền xoắn, đôi chỗ dát vàng, cánh cửa bằng gỗ sồi nặng nề lắp kính sáng loáng, có tay cầm bằng đồng hình một cái chân chim quắp viên pha lê đa diện và một tấm bảng đồng ghi tên chủ nhà.

- Túp lều của cậu là thế đấy à, Kudryashov! Đây không phải là lều, mà là cung điện - Vasily Petrovich thốt lên khi họ bước vào sảnh với đồ đạc bằng gỗ sồi và chiếc lò sưởi há miệng đen ngòm. - Chẳng lẽ đây là của riêng cậu ư?

- Không, người anh em ạ, còn chưa đâu. Tớ thuê đấy. Không đắt lắm, ngàn rưỡi thôi.

- Ngàn rưỡi ư! - Vasily Petrovich há mồm.

- Trả ngàn rưỡi thuê nhà lợi hơn là đem vốn liếng mua bất động sản trong khi lẽ ra có thể đầu tư vào thứ có lợi nhuận nhiều hơn. Mà cần phải có nhiều tiền: nếu đã xây nhà thì không phải thứ vớ vẩn thế này.

- Vớ vẩn ư! - Vasily Petrovich thốt lên kinh ngạc.

- Dĩ nhiên rồi, nhà không phải cái quan trọng. Nào, đi thôi, nhanh nào...

Vasily Petrovich đã kịp cởi áo khoác và theo sau chủ nhân. Khung cảnh căn nhà của Kudryashov lại làm anh ngạc nhiên hơn. Một loạt phòng trần cao, sàn gỗ lát, tường dán giấy bồi viền vàng đất tiền, phòng ăn “kiểu cây sồi” với những mô hình thú hoang treo trên các bức tường, chiếc tủ chè lớn được chạm trổ, chiếc bàn ăn tròn rộng, trên đó đổ xuống cả dòng ánh sáng từ chiếc đèn treo bằng đồng có chao màu trắng sữa. Phòng có đàn dương cầm, các loại bàn ghế uốn chân quỳ làm bằng gỗ dẻ, nào đi văng, ghế dài, ghế đầu, ghế tựa, những bức tranh thạch bản đắt giá, những bức sơn dầu xấu xí lồng trong khung mạ vàng. Phòng khách, như thường thấy, kê ghế nhung mềm và vô số những thứ vô bổ. Có cảm giác như chủ nhân của căn hộ đột nhiên giàu lên, như trúng số hai nghìn rúp chẳng hạn, và vội vã sắp đặt cho mình một căn hộ, vung tay quá trán. Mọi thứ được mua tức thì, mua không phải vì cần thiết, mà vì trong túi tiền rủng rỉnh, phải tìm cách tiêu đi bằng cách mua chiếc dương cầm, mà trên đó, Kudryashov, như Vasily Petrovich nhớ, chỉ có thể đánh mỏ cò, hay mua bức tranh tầm thường cũ kỹ, một trong hàng chục ngàn bức được cho là của một họa sĩ phái Flemand hạng hai, mà có lẽ chẳng ai chú ý tới, hay mua bộ cờ Trung Hoa mà chẳng thể chơi được vì chúng nhỏ và mỏng manh quá, đầu mỗi quân cờ lại chạm ba quả bóng, quả nọ lồng vào quả kia, và vô số những vật chẳng cần thiết khác nữa.

Đôi bạn vào thư phòng. Ở đây âm cúng hơn. Một chiếc bàn viết lớn kê giữa phòng, trên đó bày biện đủ thứ linh tinh bằng đồng và bằng sứ, chắt đây giấy tờ, bản vẽ. Trên các bức tường treo những bản vẽ lớn tô màu và những tấm bản đồ địa lý, còn phía dưới là hai chiếc đi văng Thổ Nhĩ Kỳ với những tấm nệm bọc lụa. Kudryashov khoác eo Vasily Petrovich, dẫn anh đến thẳng chỗ chiếc đi văng và mời ngồi vào những tấm nệm êm ái.

- Chà, tớ thật mừng, thật mừng vì gặp được bạn cũ - anh ta nói.

- Tớ cũng vậy... Cậu biết không, tớ đến đây như đến hoang mạc, bỗng nhiên

lại có cuộc gặp gỡ này! Cậu biết không, Nikolai Konstantinych, nhìn thấy cậu là bao thứ rộn lên trong đầu, bao nhiêu là ký ức sống dậy...

- Về cái gì cơ?

- Còn về cái gì nữa? Về thời sinh viên, về thời mà chúng mình đã sống tốt làm sao, không phải về vật chất, mà là về đạo đức. Cậu có nhớ...

- Nhớ gì cơ? Nhớ tớ với cậu nhai xúc xích của chó ấy ư? Sẽ chán lắm người anh em ạ... Cậu có hút xì gà không? Xì gà hiệu Regalia Imperialia, hay tên là gì chẳng biết, tớ chỉ biết là nửa rúp một điếu đấy.

Vasily Petrovich nhón từ hộp xì gà vật quý báu đó, rút chiếc dao nhỏ cắt đầu điếu thuốc, rít một hơi và nói:

- Nikolai Kostantynych ạ, tớ thật như đang trong mơ. Mới có chừng ấy năm, mà bây giờ cậu có được vị trí thế này.

- Vị trí gì đâu! Cái vị trí đó, người anh em ạ, có thể nhỏ vào và bỏ đi.

- Sao thế được? Thế cậu nhận được bao nhiêu?

- Nhận cái gì? Lương ấy à?

- Ừ, thu nhập của cậu ấy.

- Tớ lĩnh lương kỹ sư, Kudryashov thư ký dân sự hạng hai, một ngàn sáu trăm rúp một năm.

Vasily Petrovich đuồn mặt.

- Sao thế được? Thế ở đâu ra mọi thứ này?

- Ôi người anh em ơi, cậu thật đơn giản quá! Từ đâu ra ư? Từ nước và đất,

từ biển và đất đai. Mà quan trọng là từ đây này.

Anh ta gõ ngón tay trở lên trán.

- Cậu có thấy những hình vẽ treo trên tường không?

- Thấy, - Vasily Petrovich đáp - thì sao?

- Cậu có biết đó là gì không?

- Không, tớ không biết.

Vasily Petrovich rời đi vắng và đến gần bức tường. Những màu xanh, đỏ, xám và đen chẳng nói với anh điều gì, cũng như những con số bí ẩn cạnh những đường kẻ bằng mực đỏ.

- Cái gì đây? Đồ án à?

- Đồ án, đồ án đấy, nhưng sao?

- Thực tớ chẳng biết gì đâu, bạn ạ.

- Những đồ án đó miêu tả con đê chắn sóng tương lai của tớ đấy, Vasily Petrovich yêu quý ạ. Cậu có biết đó là gì không?

- Dĩ nhiên rồi, dù sao tớ cũng là giáo viên tiếng Nga. Đó là... nói thế nào nhỉ... là một con đập, hay là...

- Đúng là con đập đấy. Một con đập để xây dựng một bến cảng. Trên những bản này vẽ con đê hiện đang được xây dựng. Cậu đã nhìn thấy biển từ trên cao chưa?

- Sao không, dĩ nhiên rồi! Một bức tranh phi thường! Nhưng tớ không thấy có công trường.

- Cậu đó mà nhìn thấy nó, - Kudryashov vừa cười vừa nói - Con đập này hầu như không ở trên biển, Vasily Petrovich ạ, mà là ở đây, trên cạn.

- Ở chỗ nào cơ?

- Ở chỗ tó và chỗ những nhà xây dựng khác: chỗ máy tay Knoblokh, Puitsikovsky và những người khác. Dĩ nhiên chỉ bọn mình biết thôi nhé, cậu là bạn nên tó mới nói. Sao cậu cứ nhìn tó như thế? Chuyện bình thường thôi mà.

- Nghe này, cái này thực là đáng sợ! Chẳng lẽ cậu nói sự thật? Chẳng lẽ cậu không ngại dùng những cách không trung thực để có được những tiện nghi này à? Chẳng lẽ mọi thứ trong quá khứ chỉ để đưa cậu đến... đến... Mà cậu lại nói một cách bình thản về điều đó như thế.

- Khoan, khoan đã, Vasily Petrovich! Làm ơn đừng nặng lời thế. Cậu bảo “những cách không trung thực” ư? Trước hết hãy nói cho tó xem thế nào là trung thực và thế nào là không trung thực? Bản thân tó thì không biết. Có thể tó đã quên mất, nhưng tó nghĩ cũng chẳng nên nhớ làm gì, mà cả cậu, nói thực, cũng chẳng nhớ, mà chỉ cố khoác tấm áo trung thực mà thôi. Mà nói chung cậu đừng đụng đến nó, trước hết vì như thế bất lịch sự. Hãy tôn trọng tự do ý kiến. Cậu nói rằng không trung thực, thì cứ nói, nhưng đừng chửi tó. Tó cũng đâu mắng cậu vì không có cùng ý kiến với tó đâu. Vấn đề là ở cái nhìn, ở quan điểm, người anh em ạ, mà quan điểm thì có rất nhiều, thôi tụi mình mặc kệ nó và sang phòng ăn uống rượu vôtca, nói những chuyện vui vẻ đi.

- Ôi, Nikolai, Nikolai, nhìn cậu tó đau lòng lắm.

- Cái này thì có thể, cậu cứ đau lòng đi, bao nhiêu cũng được. Cứ để nó đau, rồi sẽ qua thôi! Cậu sẽ quen, sẽ nhìn lại, rồi tự mình sẽ bảo: “ôi mình thật là con bê non”. Cậu sẽ nói như thế, nhớ lời tó đi. Nào qua uống ly rượu và quên những thằng kỹ sư hư hỏng đi, người ta có trí não là để hư hỏng mà,

anh bạn ạ... Thế còn cậu, thầy giáo yêu mến của tôi, cậu sẽ nhận lương bao nhiêu?

- Với cậu cũng thế thôi.

- Thì ví dụ là bao nhiêu?

- Ba ngàn rúp, nếu tớ đi dạy thêm.

- Cậu thấy không: chỉ có ba ngàn rúp mà phải xoay xở dạy thêm cả đời! Còn tớ ngồi nhà mà ngắm nghĩa: thích thì làm, không thích thì không làm. Nếu như hứng chí có thể cả ngày nằm ườn chẳng làm gì cũng được. Còn tiền... tiền thì vô tư, chuyện nhỏ.

Trong phòng ăn nơi họ bước vào, bữa tối đã bày sẵn. Thịt nguội cắt thành đồng đỏ hồng. Những đồ hộp sặc sỡ những dòng chữ tiếng Anh và những hình vẽ tươi tắn. Cả hàng chai xếp đầy bàn. Đôi bạn uống từng ly vodka và bắt đầu ăn tối. Kudryashov ăn chậm rãi, đầy hào hứng. Anh ta hoàn toàn đắm mình vào việc này.

Vasily Petrovich vừa ăn vừa nghĩ ngợi, nghĩ ngợi và ăn. Anh đang hết sức bối rối, hoàn toàn không biết nên thế nào. Theo những tín niệm của bản thân, thì anh cần phải nhanh chóng biến khỏi ngôi nhà của người bạn cũ, không bao giờ ngó lại nó nữa. “Như miếng ăn này đây, là đồ ăn cấp, - anh nghĩ thế khi đưa một miếng vào miệng và nhấp ly rượu mà chủ nhân ân cần rót cho - Việc chính mình đang làm đây chẳng phải là sự đê tiện hay sao?” Rất nhiều những tín điều như vậy xao động trong đầu anh giáo nghèo, nhưng những tín điều chỉ là những tín điều, còn ẩn đằng sau chúng là giọng nói bí ẩn nào đó, phản đối mỗi tín điều: “Thì sao nào?” Và Vasily Petrovich cảm thấy anh không đủ khả năng giải quyết vấn đề này, và tiếp tục ngồi lại. “Thì thôi vậy, mình sẽ quan sát” - thoáng trong đầu anh một thứ biện hộ, sau đó làm chính anh bối rối. “Quan sát để làm gì, mình nào có phải là nhà văn đâu?”

- Thịt thật như thế này, - Kudryashov bắt đầu - cậu để ý mà xem, cả thành phố này chẳng kiếm ra được đâu.

Và anh ta kể cho Vasily Petrovich câu chuyện lê thê rằng anh ta ăn trưa ở nhà Knoblokh ra sao, rằng món thịt bò rán ở đó tuyệt làm sao, anh ta học được cách để kiếm được thứ thịt như thế và cuối cùng đã có được nó như thế nào.

- Cậu tới thật đúng lúc - anh ta kết thúc câu chuyện về thịt - cậu đã từng ăn thứ nào như thế chưa?

- Thịt rán quả là ngon - Vasily Petrovich đáp

- Tuyệt vời ấy chứ, người anh em! Tớ thích rằng mọi thứ phải đâu ra đấy. Sao cậu không uống? Chờ chút, để tớ rót rượu cho cậu.

Tiếp theo đó là câu chuyện dài không kém về rượu, trong đó có sự tham gia của cả một tay thuyền trưởng người Anh, một hãng buôn ở London, cả cái tay Knoblokh kia, rồi cả hải quan nữa. Vừa kể về rượu, Kudryashov vừa nhấm nháp nó, và do thứ rượu uống vào mà anh ta sinh động hẳn. Trên đôi má của khuôn mặt héo úa ửng lên những vết đỏ, lời nói trở nên liến thoắng, sôi nổi hơn.

- Sao cậu lại im lặng vậy? - cuối cùng anh ta hỏi Vasily Petrovich, quả cũng đang cố yên lặng nghe bản trường ca về thịt, về rượu, về phó mát và những thứ quý báu khác đầy ắp trên bàn của anh kỹ sư.

- Tớ không biết, người anh em ạ, tớ chỉ không thích nói thôi

- Không thích nói ư... thật vớ vẩn! Tớ biết cậu vẫn bực bội vì sự thú nhận của tớ. Rất tiếc, tớ rất tiếc vì đã nói ra. Chúng mình lẽ ra đã ăn uống vui vẻ nếu như đừng có cái đập đáng nguyên rửa đó... Thôi cậu tốt hơn đừng nghĩ về điều này nữa, Vasily Petrovich ạ, bỏ qua đi... Được không? Vasenka, kê

nó đi! Biết làm sao, người anh em ạ, tớ không được như mong đợi. Đòi chẳng phải là trường học. Tớ cũng chẳng biết rồi cậu cũng có giữ được mình không trên con đường đời này.

- Làm ơn đừng phỏng đoán về tớ. - Vasily Petrovich nói.

- Cậu tự ái à?... Nhất định cậu sẽ không giữ mình được đâu. Cái gì cho cậu được vô tư? Chẳng lẽ giờ đây cậu đang thanh thản? Chẳng lẽ cậu không hàng ngày nghĩ rằng những hành vi của cậu có tương thích với những lý tưởng của cậu không, và chẳng lẽ cậu hàng ngày không tin chắc rằng chúng chẳng hề tương thích? Đây là sự thực, phải không? Thôi uống đi, rượu ngon đấy.

Anh ta rót cho bản thân một ly, đưa ra ánh sáng ngấm nghĩa, nhấp thử một chút, chếp môi rồi uống cạn.

- Bạn quý mến ơi, cậu cho rằng tớ không biết cái gì đang trong đầu cậu bây giờ ư? Tớ biết rất rõ đấy. Cậu đang nghĩ: “Tại sao mình lại ngồi nhà của một kẻ như thế này? Mình chẳng cần đến hắn ta! Chẳng lẽ mình lại không thể sống thiếu rượu và xì gà của hắn sao?” Đợi đã, để tớ nói hết đã! Tớ không hề nghĩ cậu ngồi đây với tớ vì rượu và xì gà đâu. Hoàn toàn không. Nếu thậm chí cậu rất muốn có chúng, thì cậu cũng chẳng việc gì phải nịnh nọt. Nịnh nọt - đấy là thứ rất kinh tởm. Cậu ngồi đây với tớ và nói chuyện với tớ đơn giản chỉ vì cậu không thể quyết định rằng tớ có thực là kẻ tội phạm hay không. Tớ không làm cậu tức giận, vấn đề là ở đó. Dĩ nhiên, đối với cậu điều này rất khó chịu, bởi trong đầu cậu các tín niệm đã được sắp đặt theo các đề mục rồi, mà theo sự sắp đặt đó thì tớ, một người bạn cũ của cậu, là một thằng tồi, tuy nhiên cậu lại chẳng có cảm giác thù địch gì với tớ. Tín niệm là tín niệm, còn tớ vẫn là một người bạn chí cốt, thậm chí là một thằng tốt bụng, có thể nói là một người tử tế. Cậu cũng biết đấy, là tớ không có khả năng làm tổn thương ai...

- Gượm đã, Kudryashov. Từ đâu ra mà cậu có mọi thứ này? - Vasily

Petrovich khoát tay - Chính cậu nói đó là của người khác, thế thì cái người bị cậu cướp đi mất ấy, hẳn ta chắc bị tổn thương.

- Nói thì dễ: người bị cướp đi mất. Tớ cũng nghĩ mãi, nghĩ mãi, xem tớ làm tổn thương ai - mà vẫn chưa hiểu đó là ai. Cậu không biết chuyện này như thế nào, để tớ kể cho cậu, và cậu có thể sẽ đồng ý với tớ, rằng tìm ra một kẻ bị tổn thương chẳng dễ đâu.

Kudryashov lắc chuông. Một thân hình đầy tớ vô cảm mặc chế phục đen xuất hiện.

- Ivan Pavlych, sang thư phòng lấy cho tôi bản đồ án. Bản treo giữa mấy cửa sổ ấy. Cậu sẽ thấy, Vasily Petrovich ạ, đó là cả công trình vĩ đại thế nào: thú thực thậm chí tớ còn định làm thơ về nó.

Ivan Pavlych thận trọng mang tới một tờ giấy lớn dán trên tấm vải sơn. Kudryashov cầm lấy, gạt những đĩa, chai, ly rượu cạnh anh ta sang bên và trải bản đồ án lên trên tấm khăn trải bàn giấy vết rượu đỏ.

- Cậu xem đây này, - anh ta nói. - Đây là mặt cắt ngang con đập của chúng tớ, còn đây là mặt cắt dọc. Cậu có thấy chỗ màu xanh không? Đó là biển. Độ sâu của nó ở đây lớn đến nỗi không thể đặt từ dưới đáy, bởi thế chúng tớ chuẩn bị cho con đập trước tiên là một cái giường.

- Giường ư? - Vasily Petrovich hỏi. - Tên gọi kỳ cục nhỉ.

- Một cái giường đá, làm bằng những hòn cuội lớn, mỗi hòn không ít hơn một foot[1] khối vuông - Kudryashov tháo chiếc compa nhỏ bằng bạc gắn với chiếc chìa khóa đồng hồ ra, đo một đường be bé nào đó trên bản đồ án. - Xem đây này, Vasily Petrovich - đây là một xagien. Nếu như ta dùng đơn vị đó để đo chiếc giường theo chiều ngang, thì nó không ít hơn năm mươi xagien đâu. Một cái giường không chật lắm, phải không? Với bề rộng như thế, đá được đổ từ đáy biển lên cách mặt biển khoảng mười sáu phút. Nếu như cậu thấy được chiều rộng của chiếc giường và một chiều dài rất dài, thì có thể hình dung về số lượng đá khổng lồ đó. Đôi khi, cậu biết không, cả ngày sà lan hết chiếc này đến chiếc khác ra vào chỗ cái đập chở đá đỏ

xuống, nhưng cậu thấy sẽ chỉ là muối bỏ bể. Cứ như ném đá xuống chỗ không đáy vậy... Chiếc giường ở trên bản đồ án được tô màu đỏ xỉn xỉn này. Công việc đang tiến triển, còn trên bờ bắt đầu một công việc khác cho con đập. Những cái cần cẩu chạy bằng hơi nước thả những tảng đá nhân tạo, từng khối lớn bằng đá cuội và xi măng, xuống chiếc giường này. Mỗi tảng như vậy lớn hơn hai mét khối, nặng mấy tấn. Cần cẩu hơi nước nhấc chúng lên, xoay chúng và sắp xếp theo hàng. Cậu sẽ thấy lạ lẫm khi thấy chỉ ấn nhẹ tay là làm cả khối đá nặng ấy nâng lên hạ xuống theo ý mình. Khối nặng ấy tuân phục cậu, cậu cảm thấy sức mạnh của con người... Cậu thấy không, những khối đá ấy, chúng đây này. - anh ta lấy compa chỉ - Người ta đặt chúng lên đến gần mặt nước, còn phía trên thì ốp đá lát. Công trình như thế đấy, nó không thua bất kỳ kim tự tháp Ai Cập nào đâu. Tớ cho cậu thấy qua công việc đã làm được vài năm rồi, còn kéo dài thêm bao năm nữa thì có Chúa mới biết. Mong rằng càng lâu càng tốt... Tuy nhiên, nếu cứ tốc độ như dạo này, thì chắc là đến hết thế kỷ này là xong.

[1] Foot: đơn vị đo chiều dài Anh, bằng 0,3048m (ND).

- Thế rồi sao nữa? - Vasily Petrovich hỏi sau một lúc lâu im lặng.

- Rồi sao ấy à? Thì chúng tớ ngồi ở chỗ của mình và nhận bao nhiêu tùy ý.

- Tớ chưa thấy khả năng được nhận gì từ câu chuyện của cậu.

- Cậu còn non dại lắm! Tuy rằng tớ với cậu hình như là cùng tuổi, chỉ có điều kinh nghiệm, cái mà cậu chưa có đủ, đã làm tớ khôn ra và già đi. Vấn đề là ở chỗ, cậu cũng biết là biển nào cũng có bão phải không? Chúng mỗi năm lại xói trôi một chiếc giường, thì bọn tớ lại đặt cái mới.

- Tớ vẫn chưa thấy gì...

- Chúng tớ đặt nó - Kudryashov bình thản tiếp tục - trên giấy, ở đây này, trên bản đồ án này, bởi vì trên đồ án bão cũng xói mòn nó.

Vasily Petrovich ngẩn người.

- Bởi vì trên thực tế những con sóng chỉ cao tới tám foot không thể xói mòn cái giường được. Biển của chúng ta không phải là đại dương, và những cái đập như của chúng ta trụ được; lại còn với hơn hai xagien độ sâu ở chỗ cuối cái giường, hầu như là một sự yên bình tuyệt đối. Vasily Petrovich, cậu hãy xem mọi sự được tiến hành như thế nào. Mùa xuân, sau những đợt thời tiết xấu của mùa thu và mùa đông, chúng tớ sẽ họp lại và nêu câu hỏi: năm nay sẽ xói mòn cái giường chừng nào? Chúng tớ lấy những bản đồ án và đánh dấu vào đó. Chẳng hạn chúng tớ gửi báo cáo tới chỗ cần thiết, là bão đã xói mòn chừng này, chừng này mét khối công trình đang làm. Từ đó họ trả lời: cứ xây đi, sửa đi, quý bắt các người! Thế là chúng tớ sửa.

- Thế các cậu sửa cái gì?

- Thì chúng tớ sửa túi cho mình - Kudryashov pha trò và tự phá lên cười sự sắc sảo của mình.

- Không, như thế không được! Không thể được! - Vasily Petrovich kêu lên, nhảy khỏi ghế và chạy quanh phòng. - Nghe này, Kudryashov, cậu đang hủy hoại mình đấy... Chưa nói về sự bất lương... Tớ chỉ nói đơn giản rằng người ta sẽ bắt được các người trong vụ này, và cậu sẽ chết, sẽ đi Vladimirka[2] thôi. Chúa ơi, Chúa ơi, họ đấy, những hy vọng, những niềm vui đấy! Một chàng trai đầy năng lực và trung thực, thế mà bỗng nhiên...

[2] Vladimirka: tên gọi thông tục của tuyến đường từ Moskva đến thành phố Vladimir, cũng là tuyến đường đến Siberia của các tội nhân bị đày đi khổ sai (ND).

Vasily Petrovich bắt đầu hăng say và nói rất lâu, rất sôi nổi. Nhưng Kudryashov hoàn toàn bình thản hút xì gà và ngắm nhìn người bạn đang đi đi lại lại.

- Phải, cậu có lẽ rồi sẽ phải đến Vladimirka thôi! - Vasily Petrovich kết thúc bài diễn thuyết của mình.

- Còn xa lắm mới tới được Vladimirka, bạn của tôi ạ. Cậu đến là ngộ, tớ thấy cậu chẳng hiểu gì cả. Chẳng lẽ tớ một mình... nói một cách lịch sự... có lợi ở đây? Mọi thứ xung quanh, thậm chí cả không khí, có lẽ cũng đang kiếm lợi. Cách đây ít lâu có một anh chàng mới đến và viết báo cáo về sự thiếu trung thực. Thì sao nào? Chúng tôi bị đi hết... Và luôn bị đi như vậy. Mọi người vì mỗi người, mỗi người vì mọi người. Chẳng lẽ cậu cho rằng con người là kẻ thù của chính mình hay sao? Ai dám đụng vào tớ, nếu như hẳn cũng có thể sa đọa giống tớ?

- Nghĩa là, nói như Krylov, mồm ai cũng dính lông sao?[3]

[3] Túc phạm tội. Thành ngữ bắt nguồn từ truyện ngụ ngôn Con cáo và con chồn của nhà thơ Nga nổi tiếng A.Krylov: Cáo bị quan tòa xử đuổi khỏi chuồng gà vì ăn hối lộ và làm điều ác. Cáo than với Chồn rằng nó vô tội, bị xử bất công, nhưng Chồn bảo: Không, bạn ạ, tôi thấy nhiều lần/ Mồm của bạn đã dính nhiều lông (ND).

- Dính lông, dính lông hết. Mọi người đều cố lấy từ đời thứ gì có thể, nhưng không coi nó là siêu phạm... Mà tại mình bắt đầu từ đâu nhỉ? À từ chuyện tớ xúc phạm ai. Cậu nói đi, ai? Người anh em cấp dưới của mình chẳng? Nhưng bằng cách nào? Tớ có khai thác thẳng từ nguồn đâu, mà lấy thứ đã có sẵn, thứ đã bị lấy, và nếu như không phải tớ lấy, thì có thể ai đó sẽ lấy, mà có khi còn tệ hơn. Chỉ ít tớ không sống tầm thường bản thủ, tớ vẫn còn có những quan tâm tinh thần nào đó, chẳng hạn như tớ đặt mua hàng tá báo, tạp chí. Người ta hò hét về khoa học, về văn minh, nhưng văn minh đó để làm gì, nếu như không dành cho chúng ta, những người có của cải? Ai làm cho khoa học có thể tiến lên phía trước, nếu không phải là những người có của cải? Mà của cải thì phải lấy từ đâu đó. Bằng những con đường được gọi là trung thực...

- Ôi cậu đừng nói tiếp nữa, đừng nói ra từ cuối cùng, Nikolai Kosntantinych!

- Từ ngữ ư? Chẳng lẽ cậu lại muốn tớ nói dối, biện minh cho mình ư?

Chúng tớ ăn cắp, cậu nghe chưa? Mà nói thực, cả cậu bây giờ cũng đang ăn cắp.

- Nghe này, Kudryashov...

- Tớ chẳng còn gì để nghe nữa, - Kudryashov vừa nói vừa cười - Người anh em ạ, cậu thế nào cũng là kẻ cướp dưới bộ mặt hiệp sĩ. Thế công việc của cậu là gì, dạy học phải không? Chẳng lẽ cậu trả cho những đồng tiền cậu được nhận bằng lao động của mình sao? Liệu cậu có đào tạo ra được đâu là một người tử tế hay không? Ba phần tư số học trò của cậu sẽ trở thành những người như tớ đây, còn một phần ba sẽ thành người như cậu, nghĩa là người tốt bụng nhu nhược. Cậu nói thẳng đi, chẳng phải cậu cũng lấy tiền mà không làm ra cái gì sao? Chẳng phải cậu không khác xa gì tớ sao? Thế mà cũng dám thuyết giáo về sự trung thực!

- Kudryashov! Thực sự cuộc nói chuyện này thật nặng nề đối với tớ.

- Còn tớ thì chẳng tạo nào.

- Tớ không ngờ có thể gặp nơi cậu điều này.

- Có gì đâu, con người thay đổi, và tớ cũng thay đổi, theo hướng đó - cậu không đoán ra được, vì cậu có phải là nhà tiên tri đâu.

- Không cần phải là nhà tiên tri cũng có thể được hy vọng rằng một chàng trai trung thực sẽ trở thành một công dân trung thực.

- Ôi gớm đã, cậu đừng nói với tớ những từ đó. Người công dân trung thực! Cậu lôi từ cuốn giáo khoa nào cái thứ cổ lỗ sĩ ấy thế? Đã đến lúc phải thôi ủy mị đi rồi đây: cậu có còn là cậu bé con nữa đâu... Cậu biết không Vasya, - Kudryashov nắm lấy tay Vasily Petrovich - hãy là bạn tớ, vứt cái vấn đề đáng nguyên rủa này đi. Tốt hơn là tụi mình uống với nhau như những người bạn đi. Ivan Pavlych! Anh mang ra đây chai này này.

Ivan Pavlych chậm chạp xuất hiện với một chai rượu mới. Kudryashov rót

ra cốc.

- Nào, ta uống vì sự thịnh vượng... của cái gì nhỉ? Thôi kệ, của cái gì cũng được, uống vì sự thịnh vượng của tớ với cậu.

- Tớ uống để mong rằng cậu sẽ tỉnh ngộ - Vasily Petrovich đầy cảm xúc - Đó là mong muốn lớn nhất của tớ.

- Làm ơn đi, đừng nhắc chuyện đó nữa... Nếu như tỉnh lại, thì đã chẳng được uống, khi đó chỉ có đói thôi. Cậu thấy logic của cậu là thế đấy. Chúng ta đơn giản chỉ uống thôi, đừng có chúc chiếc gì nữa. Vứt cái chuyện chán phèo này đi; đằng nào cũng chẳng đi đến đâu mà: cậu không thể bắt tớ đi theo đường chân lý, mà tớ thì cũng chẳng cãi lại cậu. Mà cũng chẳng cần cãi: rồi cậu ngày đó tự mình sẽ đi đến cái triết lý của tớ thôi.

- Không bao giờ! - Vasily Petrovich nóng nảy kêu lên, xô cái ly ra bàn.

- Rồi để xem. Mà sao toàn tớ kể chuyện tớ thôi vậy, còn cậu chẳng nói gì về mình? Cậu đã làm gì, và sẽ định làm gì?

- Tớ đã nói cậu rồi, tớ được bổ nhiệm làm giáo viên.

- Là lần bổ nhiệm đầu tiên à?

- Ừ, lần đầu tiên; trước tớ đi dạy kèm.

- Thế giờ cậu có định dạy kèm nữa không?

- Nếu tìm được chỗ thì tại sao không.

- Sẽ tìm được, người anh em ạ, sẽ tìm được! - Kudryashov vỗ vai Vasily Petrovich. - tất cả bọn trẻ ở đây sẽ giao cho cậu dạy dỗ về khoa học. Ở Petersburg cậu dạy một giờ bao nhiêu?

- Ít thôi. Rất khó kiếm những chỗ dạy kèm tốt. Độ hai rúp, không nhiều hơn.

- Và con người lao lực vì mấy đồng cắc đó! Ở đây dưới năm rúp đừng hòng xin được học. Đó là công việc khó nhọc: bản thân tớ vẫn nhớ hồi học năm thứ nhất và năm thứ hai cũng phải chạy đi dạy kèm. Nửa rúp một ngày đã mừng lắm rồi. Một công việc rẻ mạt và khổ ải. Tớ sẽ giới thiệu cậu với tất cả người của chúng tớ. Có những gia đình cực kỳ dễ thương, và giới thiệu với các cô nương nữa. Cậu cứ khôn ngoan lên đi - tớ sẽ mai mối cho cậu nếu cậu muốn. Được không, Vasily Petrovich?

- Không, cảm ơn cậu, tớ không cần đâu.

- Cậu đã kết hôn rồi à? Phải không?

Vasily Petrovich tỏ vẻ bối rối.

- Nhìn mắt là tớ biết đúng ra thật rồi. Chúc mừng cậu, người anh em. Thật nhanh quá, ôi Vasia ơi! Ivan Pavlych! - Kudryashov gọi to.

Ivan Pavlych xuất hiện ở cửa với khuôn mặt buồn ngủ và bực bội.

- Mang rượu sâm banh ra!

- Không có sâm banh đâu, hết rồi ạ, - người đầy tớ u ám trả lời.

- Sẽ kết hôn, Kudryashov ạ, mà thôi sâm banh làm gì nữa!

- Im đi, tớ không hỏi cậu. Cậu muốn làm tớ giận à? Ivan Pavlych, không có sâm banh thì đừng bước tới đây! Đi đi!

- Nhưng cửa hàng đóng cửa rồi, Nikolai Konstantinych.

- Đừng tranh cãi nữa, tiền ông đã cầm rồi, đi kiếm về đi.

Người đầy tớ bỏ đi, miệng lầm bầm.

- Quân súc sinh, lại còn cãi nữa! Mà cậu lại còn cứ “không cần”. Nếu như không uống rượu như thế này, thì sinh ra rượu sâm banh để làm gì?... Nào, thế cô ấy thế nào?

- Ai cơ?

- Thì cô ấy, vợ chưa cưới ấy... Nghèo hay giàu, xinh không?

- Đẳng nào cậu cũng không biết cô ấy, nói tên cô ấy với cậu để làm gì? Cô ấy không có tài sản, còn về sắc đẹp thì chỉ là tương đối. Với tớ thì là đẹp.

- Cậu có ảnh không? - Kudryashov hỏi - tớ cá là cậu mang theo trên ngực. Cho xem nào!

Anh ta chìa tay ra.

Khuôn mặt đỏ vì rượu của Vasily Petrovich lại càng đỏ thêm lên. Không biết vì sao anh lại cởi khuy áo, rút ra cuốn sổ nhỏ và lấy ra tấm ảnh quý giá. Kudryashov vội lấy và bắt đầu ngắm nghía.

- Không tệ đâu, người anh em ạ! Cậu biết tìm ra chỗ cư trú đông đây.

- Đừng nói kiểu như vậy, trả nó lại cho tớ cất đi - Vasily Petrovich gay gắt

- Gượng hăng, để tớ ngắm đã. Cầu Chúa ban cho cậu hạnh phúc và tình yêu. Này cầm lấy và cất lại vào tim cậu đi. Ôi cậu, chàng ngố, chàng ngố! - Kudryashov thốt lên và phá lên cười.

- Tớ không hiểu cậu thấy buồn cười cái gì?

- Thì thế, tự nhiên buồn cười, người anh em ạ. Mười năm nữa cậu xuất hiện trước tớ, mặc áo ngủ, với cô vợ xấu xí vì đang mang bầu, bảy đứa con và chẳng đủ tiền mua cho chúng giày ấm, quần, mũ và đủ thứ khác. Nói chung là một thứ vãn xuôi tầm thường. Lúc đó cậu có còn cất tấm ảnh trong túi áo nữa không? Ha ha ha!

- Thế cậu nói cho tớ xem, còn thứ thi ca nào chờ đợi cậu trong tương lai? Nhận tiền và tiêu tiền: ăn, uống và ngủ chẳng?

- Không ăn, uống, ngủ, mà là sống. Sống với ý thức về sự tự do của mình và thậm chí với một chút lòng quả cảm.

- Lòng quả cảm ư? Lòng quả cảm của cậu là cái gì?

- Là sức mạnh đồng tiền, mà tớ thì có tiền. Tớ muốn gì thì làm nấy... Muốn mua cậu là mua.

- Kudryashov!...

- Đừng nóng thế. Chẳng lẽ tớ với cậu, bạn cũ với nhau, lại không đùa được tí sao? Dĩ nhiên, tớ sẽ không mua cậu đâu. Cậu cứ sống yên ổn. Nhưng dù sao thì tớ vẫn muốn gì là làm được nấy. Ôi chao, tớ ngốc quá! - bỗng nhiên Kudryashov vồ trán thốt lên - mình ngồi bao lâu thế mà cái kỳ quan quan trọng nhất lại chưa cho cậu xem. Cậu bảo chỉ ăn, uống và ngủ thôi sao? Giờ tớ cho cậu xem một thứ này, rồi cậu sẽ rút lại lời của mình. Nào đi, cầm theo cây nến nhé.

- Đi đâu? - Vasily Petrovich hỏi.

- Theo tớ, rồi cậu sẽ biết là đi đâu.

Vasily Petrovich rời ghế, cảm thấy chệnh choáng. Đôi chân không hoàn toàn tuân theo ý anh, và anh không thể giữ nổi cái chân nền để sấp không nhỏ xuống thảm. Tuy nhiên, chính đốn một chút tứ chi đang không chịu nghe lời của mình, anh bước theo Kudryashov. Họ đi qua mấy căn phòng, một hành lang hẹp và bước vào một chỗ ảm thấp và tối tăm. Những bước chân gõ ồn ào trên nền đá. Tiếng nước chảy ở đâu đó vang lên như tiếng đàn hạc miên man. Những chiếc chuông đá bằng tro núi lửa và thủy tinh xanh treo trên trần, hàng loạt những tảng đá nhân tạo nhấp nhô chỗ nọ chỗ kia. Những cây cỏ nhiệt đới xanh tươi phủ lên chúng, còn ở vài chỗ lấp lánh những tấm gương sẫm.

- Cái gì đây? - Vasily Petrovich hỏi.

- Đó là thủy cung, mà tớ đã phải dành ra hai năm cùng rất nhiều tiền. Chờ chút, tớ sẽ chiếu đèn lên.

Kudryashov biến vào đám cây xanh, và Vasily Petrovich lại gấn một trong những tấm kính và bắt đầu quan sát xem cái gì ở đằng sau nó. Ánh sáng yếu ớt từ một cây nến không thể xuyên sâu trong nước, nhưng những con cá lớn cá nhỏ bị điểm sáng hấp dẫn đã tụ lại quanh chỗ được chiếu sáng và giương những con mắt tròn xoe ngẩn ngơ nhìn Vasily Petrovich, miệng hết há lại ngậm và uốn lượn vây đuôi. Phía xa hiện ra bóng dáng thẫm đen của những cây thủy sinh. Một con vật nào đó đung đậy giữa chúng, Vasily Petrovich không nhìn ra đó là hình con gì.

Bỗng nhiên một dòng ánh sáng chói buộc anh phải nhắm mắt lại, và khi mở mắt ra, anh không nhận ra thủy cung nữa. Kudryashov bật đèn điện ở hai góc: ánh sáng đèn xuyên qua khối nước xanh lơ đang sủi tăm vì lũ cá và những động vật khác, đầy cây cỏ với những hình thù đỏ ối, nâu hung và xanh xin nổi bật trên cái nền mờ ảo. Những hòn đá và lũ thực vật nhiệt đới trở nên thẫm hơn, làm thành đường viền đẹp đẽ bao quanh những tấm kính mà xuyên qua đó thấy hết bên trong thủy cung. Mọi thứ đều trở nên lung linh, xao động, hoảng hốt bởi ánh sáng chói lòa: cả đàn cá bỗng đầu to bơi qua bơi lại, xoay đều như đang làm theo mệnh lệnh; những con cá tầm luôn

lách, dí mõm của chúng vào mặt kính, rồi lúc thì bơi lên trên mặt nước, lúc lại lặn xuống tận đáy, như muốn vượt qua cái rào cản vững chắc trong suốt bằng thủy tinh đó; một con lươn đen mềm mại chui mình trong lớp cát của thủy cung và làm tung lên cả một làn mây bùn; một con mực mình ngắn ngắn rất ngộ rời khỏi phiến đá nó vừa bầu vào và bơi giật cục quanh thủy cung, thân đi trước, kéo theo sau cả đám xúc tu dài. Mọi thứ hợp lại trông rất đẹp và mới lạ đối với Vasily Petrovich, đến nỗi anh hoàn toàn mê đi.

- Thế nào, Vasily Petrovich? - Kudryashov lại gần hỏi.

- Tuyệt vời bạn ạ, thật lạ thường! Làm sao cậu xây được tất cả những thứ này! Thị hiếu tuyệt vời, thật ấn tượng!

- Cậu phải nói thêm: và tri thức nữa. Tớ phải đi đến Berlin để xem thủy cung ở đó và, không phải nói quá lời rằng cái của tớ tuy dĩ nhiên thua kém về độ lớn, nhưng không thua về vẻ đẹp và sức hấp dẫn - không một chút nào... Đó là niềm tự hào và niềm an ủi của tớ. Hễ thấy buồn là tớ đến đây, ngồi ngắm hàng giờ. Tớ thích sinh vật này, bởi nó cởi mở, không như con người chúng ta. Cắn xé nhau mà không chút xấu hổ. Nhìn đi, nhìn đi: thấy chưa, nó đang sẵn mồi đấy.

Con cá nhỏ bòn chòn lượn hết lên trên, xuống dưới, lại sang góc, cố tròn một kẻ săn mồi nào đó. Trong nỗi sợ hãi chết chóc, nó nhảy khỏi mặt nước, núp vào dưới những hòn đá, nhưng những chiếc răng sắc nhọn đuổi theo nó mọi nơi. Con cá săn mồi đã sẵn sàng tóm con cá nhỏ thì bỗng một con khác từ bên cạnh phóng ra giành lấy chiến lợi phẩm: con cá nhỏ biến mất vào trong miệng nó. Kẻ săn mồi sững lại ngạc nhiên, còn kẻ ăn cướp biến vào góc tối.

- Bị cướp mất rồi! - Kudryashov nói - Đồ ngốc, giờ chẳng còn gì nữa rồi. Bao nhiêu công săn đuổi, để rồi bị cướp ngay miếng ăn ngay dưới mũi!... Giá cậu biết chúng ăn hết bao nhiêu trong cái bể cá nhỏ này: hôm nay bỏ vào cả đồng, hôm sau đã chén sạch. Chúng ăn, nhưng không suy tư về sự vô đạo, còn chúng ta thì sao? Chỉ gần đây tớ mới quên được cái thứ vớ vẩn đó. Vasily Petrovich! Chẳng lẽ cậu cuối cùng cũng vẫn không chịu chấp nhận rằng đó là thứ vớ vẩn sao?

- Cái gì cơ? - Vasily Petrovich hỏi, mắt không rời bể nước.

- Thì những sự cần rút ấy. Để làm gì? Cứ cần rút, cần rút đi - nhưng nếu như miếng ăn tới nơi... Tớ đã vứt bỏ chúng, những cần rút lương tâm ấy, và cố bắt chước con súc sinh kia.

Anh ta chỉ tay vào thủy cung.

- Cậu muốn là làm mà, - Vasily Petrovich thở dài. - Nghe này, Kudryashov, hình như cái này là thực vật và động vật biển phải không?

- Ở biển đấy. Và nước cũng là nước biển. Tớ phải xây hẳn một đường ống dẫn nước.

- Chẳng lẽ lấy từ biển sao? Nhưng thế thì tốn nhiều tiền lắm.

- Không ít đâu. Thủy cung của tớ giá gần ba mươi ngàn rúp.

- Ba mươi ngàn! - Vasily Petrovich kêu lên kinh hãi. - Với đồng lương một ngàn sáu trăm một năm!

- Thôi cậu bỏ thái độ sợ hãi đó đi! Nếu như xem đã rồi, thì ta đi thôi. Chắc Ivan Pavlych đã mang tới thứ ta yêu cầu rồi... Chờ chút, để tớ ngắt điện đã.

Thủy cung lại trùm trong bóng tối. Ngọn nến vẫn tiếp tục cháy, Vasily Petrovich thấy nó như một ngọn lửa tàn leo lét.

Khi họ sang đến phòng ăn, Ivan Pavlych đã cầm trong tay chai rượu bọc sẵn trong tấm khăn ăn.

Kẻ hèn nhất

CHIẾN TRANH DỨT KHOÁT không cho tôi được yên. Tôi thấy rõ rằng nó đang kéo dài, và khó mà nói trước được khi nào nó kết thúc. Lính của ta vẫn là lính bình thường, như mọi khi, nhưng kẻ thù của chúng ta lại hoàn toàn không yếu như chúng ta tưởng. Chiến tranh đã tuyên bố được bốn tháng, mà phía quân ta vẫn không giành được thắng lợi quyết định nào. Trong khi đó cứ thêm một ngày lại thêm hàng trăm người chết. Thân kinh của tôi có lẽ được tạo nên như thế, những bức điện tín báo số lượng người chết và bị thương tác động đến tôi mạnh hơn nhiều so với những người xung quanh. Người khác có thể bình thản đọc: “Tổn thất của chúng ta không đáng kể, các sĩ quan này bị thương, các cấp bậc dưới chết năm mươi, bị thương một trăm”, thậm chí còn mừng vui vì con số không nhiều, còn tôi khi đọc thông tin như thế lập tức trước mắt hiện ra bức tranh đẫm máu. Năm mươi người chết, một trăm người bị tàn tật - đó mà là việc không đáng kể ư? Tại sao chúng ta lại nổi giận khi báo chí đưa tin về một vụ án giết người nào đó mà nạn nhân chỉ vài ba người? Tại sao hình ảnh những thân người trúng đạn nằm trên chiến trường lại không làm ta sợ hãi như hình ảnh bên trong căn nhà bị kẻ sát nhân cướp phá? Tại sao thảm họa ở đường sắt Tiligulskaya làm vài chục người chết[1] lại chấn động cả nước Nga, còn những trận đánh ở đôn biên với tổn thất “không đáng kể” cũng khoảng vài chục người thì lại không ai chú ý?

[1] Ở đây tác giả nói đến vụ tai nạn tàu hỏa vào tháng 12 năm 1875 ở tuyến đường Tiligulskaya thuộc tỉnh Odessa (ND).

Vài hôm trước, một người quen của tôi là anh sinh viên y khoa Lvov, người hay cùng tôi tranh luận về chiến tranh, bảo:

- Rồi xem, anh bạn yêu hòa bình ạ, anh sẽ giữ những quan điểm nhân đạo

của anh thế nào khi người ta gọi anh vào lính và bản thân anh phải bắn vào người khác.

- Người ta không gọi tôi đâu, Vasily Petrovich ạ, tôi đã ghi tên vào dân quân rồi.

- Nhưng nếu chiến tranh kéo dài, thì dân quân cũng bị gọi đến. Đừng chủ quan, rồi sẽ đến lượt anh đấy.

Tim tôi thất lại. Tại sao ý nghĩ đó không đến với tôi sớm hơn? Quả thực dân quân cũng bị gọi vào lính - chẳng có gì là không thể cả. “Nếu chiến tranh kéo dài”... phải, nó có lẽ đang kéo dài. Mà nếu như cuộc chiến này không kéo dài, thì cũng thế thôi, sẽ có cuộc chiến khác bắt đầu. Tại sao lại không đánh nhau? Tại sao lại không lập những chiến công vĩ đại? Tôi có cảm giác rằng cuộc chiến hiện nay chỉ là mở đầu cho những cuộc chiến mai sau, mà cả tôi, cả thằng em nhỏ của tôi, cả đứa con sơ sinh của chị gái tôi đều không thể tránh khỏi. Và lượt của tôi sắp đến nơi rồi.

Biết giấu cái “tôi” của mi đi đâu đây? Toàn bộ con người mi chống lại chiến tranh, nhưng chiến tranh vẫn buộc mi phải vác súng lên vai, ra trận để chết và để giết người. Không, điều đó không thể được! Tôi là con người trẻ tuổi, hồn hậu, ôn hòa, trước giờ chỉ biết đến sách vở, giảng đường, gia đình và một vài bạn bè thân thiết, chỉ biết nghĩ rằng hai năm nữa sẽ bắt đầu một công việc khác, một lao động của tình yêu và sự thật; và cuối cùng, tôi, một con người đã quen nhìn thế giới một cách khách quan, quen đặt nó trước mặt mình, tưởng rằng mình đã hiểu rõ cái ác trong nó nên tránh được cái ác đó - tôi thấy rằng tòa nhà yên bình của tôi đã sụp đổ, còn bản thân mình đang vội vã khoác lên vai mình chính cái áo với những chỗ rách và vết bẩn mà chỉ bây giờ tôi mới xem tới. Không sự phát triển nào, không sự nhận thức về bản thân và về thế giới nào, không một tự do tinh thần nào đem lại cho tôi một tự do vật chất bé nhỏ - tự do được sử dụng thân thể mình.

Lvov bật cười khi tôi bắt đầu bày tỏ những giận dữ phản đối chiến tranh của mình.

- Hãy tiếp cận sự việc đơn giản hơn thì sẽ sống dễ dàng hơn, anh bạn ạ. - Anh ta nói - Anh tưởng rằng tôi thích cuộc tàn sát này à? Ngoài việc mang đến tai họa cho mọi người, nó còn xúc phạm riêng cá nhân tôi nữa, nó không cho tôi được học xong. Họ sẽ cho tôi ra trường sớm, rồi gửi đi cắt tay cắt chân người ta. Nhưng tôi vẫn không bận lòng vì những suy tư vô bổ về sự khùng khiếp của chiến tranh, bởi vì tôi có nghĩ bao nhiêu chẳng nữa thì cũng chẳng làm gì để kết thúc chiến tranh được. Tốt hơn là đừng nghĩ, mà cứ làm việc của mình. Còn nếu như họ gửi thương binh đến để chữa chạy, thì tôi sẽ đi và chữa cho người ta. Biết làm sao, vào thời điểm như thế này thì phải hy sinh bản thân thôi. Tiện thể, anh có biết Masha đi làm y tá không?

- Lẽ nào như thế?

- Quyết định được ba ngày rồi, còn hôm nay thì đi tập băng bó. Tôi không ngăn chị ấy, chỉ hỏi xem chị ấy sẽ sắp xếp việc học hành ra sao. “Sau chị sẽ học nốt, nếu còn sống”, chị ấy bảo thế. Chẳng sao, cứ để chị ấy đi làm y tá, sẽ học được điều hay.

- Thế còn anh Kuzma Fomich?

- Anh Kuzma không nói gì, chỉ u ám như đưa ma, hoàn toàn không học hành gì nữa. Tôi cũng mừng cho anh ấy nếu chị tôi ra đi, chứ nếu không anh ấy cứ khổ sở giày vò, theo chị ấy như cái bóng, chẳng làm được cái gì. Ôi tình yêu thế đấy! - Vasily Petrovich lắc đầu - Bây giờ thì chạy theo đưa chị ấy về nhà, cứ như chị ấy chưa bao giờ ra đường một mình ấy!

- Vasily Petrovich ạ, tôi nghĩ rằng việc anh ấy sống cùng với chị em cậu là không hay đâu.

- Dĩ nhiên là không hay rồi, nhưng ai có thể biết trước chuyện này? Căn hộ của tôi với chị gái thì rộng, thừa một phòng, thì tại sao không cho một người tử tế vào ở? Rồi người tử tế vào ở và đâm phải lòng bà chị tôi. Thực lòng mà nói tôi cũng bực chị ấy: Kuzma thua kém gì chị ấy đâu! Tốt bụng, không ngu dốt, dễ thương. Thế mà chị ấy không để ý đến anh ấy. Tuy nhiên, anh ra khỏi phòng tôi đi, tôi đang bận. Nếu như muốn gặp chị tôi và anh Kuzma thì đợi họ ở phòng ăn ấy, họ sắp về đây.

- Không, Vasily Petrovich, tôi cũng không có thời gian, tạm biệt!

Tôi vừa ra đến đường thì gặp Maria Petrovna và Kuzma. Họ lặng lẽ đi: Maria Petrovna với vẻ mặt chăm chú căng thẳng đi đằng trước, còn Kuzma đi cạnh, lui ra sau một chút, như không dám sánh ngang hàng cùng nàng, thỉnh thoảng lại liếc nhìn mặt nàng. Họ đi ngang nhưng không nhận ra tôi.

Tôi không thể làm gì hay nghĩ ngợi gì cả. Tôi đã đọc về trận tấn công Plevna[2] lần thứ ba. Bị loại khỏi đội ngũ là mười hai ngàn quân Nga và Romania, chưa tính đến quân Thổ... Mười hai ngàn người... Con số đó lúc hiện ra trước tôi như những ký hiệu, lúc lại trải dài thành một dãy những thi thể nằm cạnh nhau. Nếu như đặt họ nằm kề vai nhau, thì có thể tạo thành một con đường dài tám dặm... Đó là cái thứ gì?

[2] Cuộc bao vây thành Plevna (hiện là thành phố Pleven thuộc Bulgaria) là một sự kiện quân sự trong chiến tranh Nga - Thổ 1877 - 1878. Phòng tuyến vững chắc ở đây đã giúp Thổ Nhĩ Kỳ cầm chân quân Nga (liên minh với quân Romania), và bảo toàn được hai thành phố Istanbul và Adrianopol, nhưng cuối cùng, trong đợt tấn công lần thứ ba, liên minh Nga - Romania cũng chiếm được Plevna (ND).

Tôi cũng nghe nói về Skobolev[3], rằng ông ta kéo quân đi đâu đó để tấn

công cái gì đó, chiếm được cái đồn nào đó, hay là đồn của ông ta bị chiếm... tôi không nhớ. Trong sự cố kinh khủng đó tôi chỉ nhớ và thấy một thứ - một núi thây người làm thành cái bệ đỡ cho những chiến công vĩ đại sẽ được ghi vào trong những trang lịch sử. Có thể điều đó là cần thiết, tôi không có ý định phê phán, và cũng không thể phê phán. Tôi không bàn luận về chiến tranh, thái độ của tôi với chiến tranh là một cảm xúc tự nhiên của một người uất giận trước một biển máu đỏ. Con bò rừng nhìn thấy trước mắt cảnh người ta giết những con bò như nó có lẽ cũng có cảm xúc giống tôi... Nó không hiểu cái chết của nó để làm gì, chỉ biết giương đôi mắt kinh hoàng nhìn máu đỏ và rống lên tiếng kêu tuyệt vọng xé ruột xé gan.

[3] Dmitri Ivanovich Skobolev (1820 - 1879) - một tướng chỉ huy nổi tiếng trong chiến tranh Nga - Thổ 1877 -1878 (ND).

Tôi có phải là kẻ hèn nhát hay không?

Hôm nay người ta bảo tôi là thằng hèn. Thực ra đó là một quý bà rỗng tuếch đã nói thế khi tôi bày tỏ sự lo lắng rằng người ta sắp bắt tôi vào lính, và tôi không muốn ra trận. Ý kiến của bà ta không làm tôi buồn phiền, nhưng làm nảy sinh câu hỏi: liệu tôi có thực sự là thằng hèn hay không? Có lẽ những công phần chống lại những gì mà mọi người đều cho là sự nghiệp vĩ đại là xuất phát từ nỗi sợ hãi cho thân xác mình hay chăng? Thực sự có đáng phải quan tâm đến một cuộc đời không quan trọng nào đó khi đứng trước sự nghiệp vĩ đại hay không? Và liệu tôi có đủ sức đem cuộc sống của mình ra chỗ hiểm nguy vì một sự nghiệp của ai đó hay không?

Tôi quan tâm câu hỏi này không lâu lắm. Tôi nhớ lại cả cuộc đời mình, nhớ những lần, thực ra là không nhiều lắm, mà tôi buộc phải đối diện với hiểm nguy, và không thể buộc tội bản thân đã hèn nhát. Khi đó tôi đã không lo sợ cho mạng sống của mình, và bây giờ cũng không sợ. Nghĩa là không phải cái chết làm tôi sợ...

Toàn là những trận chiến mới, những cái chết và khổ đau mới. Đọc xong tờ báo, tôi không đủ sức làm bất cứ điều gì. Trên trang sách, thay cho những con chữ là những hàng người, cây bút dường như là vũ khí mang đến cho trang giấy trắng những vết thương đen ngòm. Nếu chuyện này cứ tiếp diễn thì có lẽ tôi sẽ bị ảo giác thực sự. Tuy nhiên, giờ đây tôi có một quan tâm mới, làm tôi xao lãng đôi chút khỏi ý nghĩ nặng nề đó.

Tối hôm qua tôi đến nhà của Lvov và gặp họ đang uống trà. Hai chị em ngồi bên bàn, còn Kuzma nhanh nhẹn đi qua đi lại, tay che khuôn mặt sưng húp quần khăn.

- Chuyện gì xảy ra với cậu vậy? - Tôi hỏi anh ta.

Kuzma không trả lời, chỉ phẩy tay rồi lại tiếp tục đi lại.

- Anh ấy bị đau răng, bị áp xe sung vù lên, - Maria Petrovna nói. - Tôi đã bảo anh ấy đến bác sĩ cho kịp, nhưng anh ấy không nghe, và giờ thì đến nông nỗi này.

- Bác sĩ sẽ đến bây giờ, tôi đã đến chỗ ông ta rồi - Vasily Petrovich nói

- Không cần đâu mà, - Kuzma nói nhỏ qua kẽ răng.

- Tại sao lại không cần, anh có thể bị chảy máu dưới da. Anh lại cứ đi lại thế nữa, chẳng chịu nghe tôi nằm xuống đi. Anh có biết đôi khi nó có thể dẫn đến chuyện gì không?

- Chuyện gì thì cũng thế thôi - Kuzma làm bằm.

- Làm sao lại cũng thế thôi được, Kuzma Fomich, anh đừng nói nhảm thế, - Maria Petrovna khẽ nói.

Những từ đó đủ làm Kuzma dịu lại. Anh ta thậm chí còn ngồi xuống bàn và xin ít trà. Maria Petrovna rót trà rồi đưa cốc cho anh ta. Khi đón cốc trà từ tay nàng, khuôn mặt anh thể hiện sự phấn khởi, vẻ phấn khởi đó rất không hợp với chỗ sưng xấu xí tức cười trên má, khiến tôi không thể nín nụ cười. Lvov cũng bật cười, chỉ Maria Petrovna là cố gắng nghiêm nghị nhìn Kuzma.

Vị bác sĩ trông tươi tắn, khỏe mạnh như một trái táo và là một người vui tính, đến. Trong khi ông ta khám cái cổ của bệnh nhân, vẻ tươi tắn trên khuôn mặt ông ta trở nên chăm chú, dăm chiêu:

- Ta sang phòng anh đi, tôi cần phải khám kỹ cho anh.

Tôi đi theo ông ta vào phòng Kuzma. Bác sĩ đặt Kuzma vào giường và bắt đầu khám phía trên ngực anh, ngón tay thận trọng sờ nắn.

- Xin anh hãy nằm yên và đừng ngồi dậy. Anh có bạn bè nào có thể dành thời gian cho anh không? - vị bác sĩ hỏi.

- Tôi nghĩ là có - Kuzma trả lời bằng giọng hoài nghi.

- Tôi đề nghị họ, - bác sĩ nói, nhã nhặn hướng tới tôi, - từ hôm nay ở bên bệnh nhân, nếu như có chuyện gì thì gọi tôi.

Ông ra khỏi phòng, Lvov tiễn ông ra cửa, nơi họ thăm thì trò chuyện rất lâu, còn tôi thì lại chỗ Maria Petrovna. Nàng ngồi trầm ngâm, tựa đầu lên một tay, tay kia cầm thìa chậm chạp khuấy tách trà.

- Bác sĩ bảo phải canh Kuzma.

- Lẽ nào thực sự nguy hiểm hay sao? - Maria Petrovna lo lắng hỏi.

- Có lẽ là như vậy; nếu không sao lại cần phải canh chừng? Cô không từ chối chăm anh ấy chứ, Maria Petrovna?

- Ôi, dĩ nhiên là không rồi! Tôi đã không ra trận, thì cũng phải làm y tá chứ. Ta qua chỗ anh ấy đi, anh ấy chắc buồn phải nằm một mình.

Kuzma thấy chúng tôi, mỉm cười trong chùng mực cục sung của anh cho phép.

- Cảm ơn, tôi đã tưởng mọi người quên tôi rồi chứ - anh ta nói.

- Không, Kuzma Fomich, giờ bọn tôi không quên anh đâu, cần phải trông chừng anh. Việc anh không nghe lời dẫn tới hậu quả thế đấy, - Maria Petrovna mỉm cười nói.

- Và cô sẽ trông cho tôi à? - Kuzma rụt rè hỏi.

- Tôi sẽ trông, sẽ trông anh, chỉ cần anh nghe lời tôi thôi.

Kuzma nhắm mắt và đỏ mặt vì sung sướng.

- Vâng, vâng - bỗng anh ta nói với tôi - làm ơn đưa cho tôi cái gương, ở trên bàn ấy.

Tôi đưa cho anh ta chiếc gương nhỏ hình tròn, Kuzma nhờ tôi soi đèn cho anh ta và ngắm nghía chỗ đau qua gương. Sau khi soi gương xong, mặt anh ta trở nên u ám, và mặc dù cả ba chúng tôi đều cố gắng trò chuyện, nhưng cả buổi tối anh ta không nói một lời.

Hôm nay hình như người ta bảo tôi rằng các dân quân sắp bị gọi tới. Tôi đã chờ đợi điều đó và không sửng sốt lắm.

Tôi có thể tránh điều mà tôi đang rất sợ, có thể lợi dụng những mối quen biết với người có thể lực để ở lại Petersburg đồng thời vẫn được xem là đang phục vụ. Người ta sẽ “bố trí” cho tôi ở đây, chẳng hạn như để làm

công việc văn thư. Nhưng thứ nhất tôi ghét phải dùng đến những cách giống như vậy, và thứ hai, có cái gì đó không thể xác định rõ đang ngự trị trong tôi, phê phán tình trạng của tôi và ngăn không cho tôi trốn tránh chiến tranh. “Thế là không tốt”, cái giọng bên trong đó nói với tôi.

Xảy ra một chuyện mà tôi không ngờ tới.

Sáng nay tôi đến để thay Maria Petrovna trông coi Kuzma. Nàng gặp tôi nơi cửa, xanh xao, mệt mỏi vì thức đêm và với đôi mắt mọng nước.

- Sao vậy, Maria Petrovna, chuyện gì xảy ra với cô vậy?

- Khẽ chứ, làm ơn khẽ chứ, - nàng thì thầm - Anh biết không, hết mắt rồi.

- Cái gì hết rồi? Anh ấy mất rồi sao?

- Không, chưa mất... nhưng chẳng còn hy vọng gì nữa. Cả hai bác sĩ... chúng tôi đã gọi một bác sĩ khác nữa...

Nàng nghẹn lời không nói được.

- Đi xem nào... Ta qua chỗ anh ấy. Trước hết cô lau nước mắt đi và uống chút nước, kéo cô sẽ làm anh ấy phiền muộn đấy.

- Đẳng nào cũng thế thôi... Chẳng lẽ anh ấy chưa biết sao? Anh ấy biết từ tôi qua rồi, lúc hỏi cái gương ấy. Bản thân anh ấy cũng sắp thành bác sĩ còn gì.

Mùi mồ xẻ nặng nề bao trùm căn phòng bệnh nhân. Chiếc giường được đẩy ra giữa phòng. Đôi chân dài nghêu, tấm thân to lớn, đôi tay duỗi bên mình hiện rõ dưới tấm chăn. Đôi mắt nhắm lại, hơi thở chậm chạp và nặng nhọc.

Tôi có cảm giác anh top hẳn sau một đêm, sắc mặt kinh khủng, xin màu đất, ướt nhớp nháp.

- Anh ấy bị làm sao? - tôi thì thào hỏi.

- Để anh ấy tự nói... Hãy ở lại với anh ấy, tôi không thể.

Nàng bỏ đi, hai tay bung mắt, run người kiềm chế tiếng nức nở, còn tôi ngồi xuống bên giường, đợi Kuzma tỉnh dậy. Sự im lặng chết chóc bao trùm căn phòng, chỉ chiếc đồng hồ bỏ túi nằm trên bàn gần giường gõ khe khẽ bài ca của nó, và nghe rõ tiếng thở nặng nề chậm chạp của người bệnh. Tôi biết Kuzma từ lâu và đã kết bạn với anh (mặc dù giữa chúng tôi không phải là một tình bạn đặc biệt), nhưng chưa bao giờ tôi phải chứng kiến cảnh anh ấy như lúc này. Tôi nhớ về cuộc đời anh với những thất bại và những niềm vui, mà thấy chúng như là của chính mình. Tình yêu của anh dành cho Maria Petrovna trước giờ tôi chỉ thấy khía cạnh khô hài, còn bây giờ bỗng hiểu ra những đau khổ nào con người ấy đã phải trải qua. “Chẳng lẽ lại nguy kịch như thế sao, - tôi nghĩ - Không lẽ nào, không lẽ nào con người lại có thể chết vì bệnh đau răng ngu ngốc. Maria Petrovna khóc lo cho anh ấy, nhưng rồi anh ấy sẽ khỏe lại, và mọi chuyện sẽ ổn thôi.”

Kuzma mở mắt và trông thấy tôi. Không thay đổi sắc mặt, anh chậm chạp nói, dừng lại sau mỗi từ:

- Chào cậu... Cậu thấy tôi đấy... Sắp kết thúc rồi. Nó đến thật bất ngờ... thật ngu ngốc...

- Nói cho tôi biết đi, Kuzma, cậu bị sao? Có lẽ không tệ đến thế đâu.

- Cậu bảo không tệ ư? Không, người anh em ạ, rất tệ. Với những thứ vợ vẫn này tôi không nhâm đâu. Đây, nhìn đi!

Anh chậm rãi cẩn thận mở tấm chăn, kéo áo lên, và một mùi chết chóc

không chịu nổi phả vào tôi. Từ cổ phía bên trái trên ngực Kuzma, một khoảng rộng bằng bàn tay thâm như nhung đen, hơi phủ một lớp màu chì. Đó là hoại thư.

Đã bốn ngày tôi không rời mắt khỏi giường bệnh, lúc thì cùng với Maria Petrovna, lúc với em trai nàng. Sự sống của Kuzmachin còn leo lắt, nhưng vẫn chưa muốn rời bỏ cơ thể cường tráng của anh. Máu thịt chết đen thui đã được cắt bỏ như một miếng giẻ, và bác sĩ ra lệnh cho chúng tôi cứ hai tiếng lại phải rửa vết thương sau khi mổ. Cứ mỗi hai tiếng, chúng tôi, lúc hai người, lúc ba người, lại đến giường của Kuzma, xoay và nâng thân hình to lớn của anh lên, mở vết thương khùng khiếp ra và dùng một ống nhựa đổ dung dịch phenol vào đó. Dung dịch tuôn phọt qua vết thương, và Kuzma thậm chí đôi lúc vẫn còn sức để mỉm cười, “bởi vì nóng quá”, anh giải thích. Cũng như những người ít khi đau ốm, anh rất thích thú khi được mọi người chăm sóc như trẻ con, còn khi Maria Petrovna cầm trong tay “sợi dây cương” như anh gọi, tức cái ống nhựa, và bắt đầu đổ dung dịch, thì anh thường đặc biệt hài lòng và bảo không ai có thể làm điều đó một cách khéo léo như nàng, mặc dù chiếc ống thường xuyên run rẩy trong tay nàng vì hồi hộp và nước đổ ướt cả giường.

Quan hệ giữa họ thay đổi làm sao! Đôi với Kuzma, Maria Petrovna trước kia như là một điều khó với tới, mà anh đến nhìn thôi cũng sợ, và nàng hầu như không chú ý đến anh. Giờ đây, nàng thường lặng lẽ khóc khi ngồi bên giường lúc anh đang ngủ, và dịu dàng chăm sóc anh, còn anh thì bình thản tiếp nhận sự quan tâm của nàng như một điều phải thế, và nói với nàng bằng giọng của người cha nói với con gái.

Đôi lúc anh rất vật vã. Vết thương nóng bỏng, cơn sốt giày vò anh... Lúc đó trong đầu tôi đã có những ý nghĩ kỳ lạ. Kuzma dường như với tôi là đơn vị đo lường, là một trong những người tạo thành con số hàng chục nghìn được viết trong các bản thông cáo. Tôi lấy căn bệnh và những đau đớn của anh để

đo cái ác mà chiến tranh gây nên. Biết bao đau đớn buồn khổ ở đây, trong một căn phòng, trên một chiếc giường, trên một lồng ngực - và tất cả điều đó chỉ là một giọt nước trong biển cả đau thương mà một đám đông khổng lồ những con người đang phải chịu đựng, những người bị gửi lên phía trước, đẩy về phía sau, đưa vào những cánh đồng chát đóng những xác chết và những thân thể đẫm máu vẫn còn đang rên rỉ quằn quại. Tôi hoàn toàn kiệt sức vì mất ngủ và vì những ý nghĩ nặng nề. Phải nhờ Lvov hay Maria Petrovna ngồi canh thay tôi, còn tôi sẽ chợp mắt chừng hai tiếng thôi.

Tôi co mình trên chiếc đi văng nhỏ, ngủ say như chết, và tỉnh giấc bởi bị đập vào vai đánh thức.

- Dậy đi, dậy đi! - Maria Petrovna gọi. Tôi chồm dậy, lúc đầu chưa hiểu gì cả. Maria Petrovna vội vã và sợ hãi thì thào cái gì đó.

- Vết thâm, những vết thâm mới! - cuối cùng tôi nghe ra.

- Vết nào, vết ở đâu?

- Ôi trời ơi, anh vẫn chưa hiểu gì hết! Kuzma Fomich lại có những vết thâm mới. Tôi đã cho gọi bác sĩ rồi.

- Có thể chỉ là chuyện nhỏ thôi - tôi nói với giọng thờ ơ của kẻ mới bị đánh thức.

- Chuyện nhỏ sao được, anh tự xem đi!

Kuzma đang nằm dài ngủ, giấc ngủ nặng nề không yên, đầu quay qua quay lại và thỉnh thoảng khẽ rên rỉ. Ngực anh phanh ra, và tôi nhìn thấy trên đó khoảng hai đốt tay phía dưới vết thương đang được băng bó có hai nốt thâm đen. Đó là hoại thư đã ăn sâu tiếp, lan tỏa dưới da và lộ ra ngoài ở hai chỗ

đó. Mặc dù trước đó tôi đã không mấy hi vọng Kuzma khỏe lại, nhưng những dấu vết mới báo hiệu rõ ràng cái chết đó vẫn làm tôi tái người.

Maria Petrovna ngồi trong góc phòng, hay tay buông thõng xuống gối, lặng lẽ nhìn tôi với đôi mắt tuyệt vọng.

- Cô đừng tuyệt vọng thế, Maria Petrovna ạ. Bác sĩ sẽ đến khám, có thể chưa phải đã hết cách rồi đâu. Có thể vẫn còn vục anh ấy dậy được.

- Không, không thể vục được đâu, anh ấy sẽ chết. - nàng thì thào.

- Ừ thì không vục dậy được, anh ấy sẽ chết, - tôi đáp lại nàng, cũng thì thâm như thế - đối với chúng ta dĩ nhiên là nỗi đau lớn rồi, nhưng không vì thế mà hủy hoại bản thân mình: chính cô mấy hôm nay trông cũng giống xác chết rồi kìa.

- Anh có biết mấy ngày nay tôi đau khổ thế nào không? Chính tôi cũng không thể lý giải cho mình, vì sao như thế? Tôi trước không yêu anh ấy, ngay cả bây giờ hình như cũng không yêu anh ấy như anh ấy yêu tôi, thế mà anh ấy sắp chết - tim tôi muốn vỡ tan. Rồi tôi sẽ nhớ mãi cái nhìn của anh ấy, sự im lặng của anh ấy trước tôi, mặc dù anh ấy biết nói và thích nói. Mãi mãi trong lòng tôi là sự trách móc, rằng tôi đã không thương anh ấy, không đánh giá đúng trí óc, trái tim, sự tận tụy của anh ấy. Có lẽ anh thấy thế là vục cười, nhưng giờ đây tôi cứ bị dằn vặt bởi ý nghĩ, rằng giá như tôi yêu anh ấy, thì chúng tôi đã sống hoàn toàn khác, mọi thứ sẽ khác đi, và chuyện khủng khiếp, ngu xuẩn này có khi không xảy ra. Tôi cứ suy nghĩ, suy nghĩ, rồi tự thanh minh cho mình, thế nhưng trong lòng vẫn có cái gì đó cứ nhắc đi nhắc lại: lỗi tại cô, lỗi tại cô, lỗi tại cô...

Tôi vội quay nhìn bệnh nhân, sợ rằng anh thức giấc vì tiếng thì thào của chúng tôi, và trông thấy sự chuyển biến trên khuôn mặt anh. Anh đã thức và nghe thấy điều Maria Petrovna nói, nhưng không muốn chúng tôi biết. Đôi môi anh run run, má nóng bừng, cả khuôn mặt như được mặt trời chiếu

sáng, như đồng cỏ ướt át u sầu sáng lên khi những đám mây treo phía trên tan ra cho ánh nắng soi vào. Chắc hẳn anh đã quên cả cơn bệnh lần nổi sợ chết, chỉ một cảm xúc tràn ngập tâm hồn và trào ra thành hai dòng lệ từ hai hàng mi đang nhắm lại run rẩy. Maria Petrovna nhìn anh, trong khoảnh khắc nàng dường như sợ hãi, rồi sau đó đỏ mặt, một vẻ dịu dàng thoáng qua trên mặt nàng, và cúi xuống bên thân hình nửa sống nửa chết tội nghiệp kia, nàng hôn anh.

Lúc đó Kuzma mở mắt.

- Trời ơi, tôi không muốn chết! - anh nói.

Và trong căn phòng bỗng nhiên vang lên những âm thanh khác thường, sột sột khe khẽ, hoàn toàn lạ tai với tôi, bởi trước kia chưa bao giờ tôi trông thấy con người này khóc.

Tôi rời khỏi phòng. Chính tôi cũng suýt khóc rống lên.

Tôi cũng không muốn chết. Tất cả mấy ngàn người kia cũng không muốn chết. Kuzma ít nhất còn tìm được sự an ủi vào những phút cuối cùng, còn ở ngoài đó? Kuzma, bên cạnh nỗi sợ chết và những đau đớn thể xác, còn được trải qua cảm xúc mà nhờ nó chắc gì anh đã muốn đánh đổi những giây phút hiện giờ lấy bất kỳ giây phút nào khác trong cuộc đời. Không, ở kia hoàn toàn không phải như thế! Cái chết luôn là cái chết, nhưng được chết giữa những người thân, những người yêu thương ta, hay là quần quai trong bùn đất và trong máu của chính ta, chờ đợi người ta đến và kết liễu ta, hay những viên đạn bay tới nghiền nát ta như những con sâu bọ...

- Nói thẳng với anh, - ông bác sĩ bảo tôi ở lòi ra trong lúc mặc áo khoác và đi giày mưa, - rằng những trường hợp tương tự thế này, trong điều kiện chữa chạy của bệnh viện, thì cũng đến chín mươi chín phần trăm là chết.

Tôi chỉ hi vọng ở sự chăm sóc hết lòng, ở trạng thái tinh thần thoải mái của bệnh nhân và mong muốn mạnh mẽ được khỏi bệnh của anh ấy.

- Người bệnh nào cũng mong khỏi bệnh, bác sĩ ạ.

- Dĩ nhiên rồi, nhưng anh bạn của anh có một số động lực tăng cường, - bác sĩ nói với nụ cười trên môi - Vậy nhé, tối nay chúng ta sẽ làm phẫu thuật, rạch cho anh ấy một lỗ mới, đặt ống thông vào để nước thuốc có tác dụng tốt hơn, và ta sẽ hi vọng.

Ông bắt tay tôi, cài nút chiếc áo khoác lông gấu và đi thăm bệnh tiếp, rồi đến tối ông xuất hiện với các dụng cụ.

- Có lẽ anh, đồng nghiệp tương lai của tôi, có muốn thực hành làm phẫu thuật với tôi không? - ông nói với Lvov.

Lvov gật đầu, xắn tay áo và với vẻ mặt nghiêm nghị u ám bắt tay vào việc. Tôi thấy anh đưa một dụng cụ lạ lùng nào đó vào chỗ vết thương bằng lưỡi dao ba cạnh, thấy lưỡi dao cắt vào người như thế nào, thấy Kuzma bấu tay vào giường và nghiến răng vì đau ra sao.

- Nào, đừng làm nũng nữa - Lvov cau có nói với anh khi đặt ống vào chỗ vết thương mới.

- Đau lắm phải không? - Maria Petrovna dịu dàng hỏi.

- Không đau lắm đâu, bạn thân mến ạ, tôi chỉ yếu đi, mệt nhiều.

Mọi người băng bó, cho Kuzma uống chút rượu và anh nằm yên.

Bác sĩ đi khỏi, Lvov về phòng mình học, còn tôi và Maria Petrovna dọn dẹp căn phòng.

- Kéo chặn lại, - Kuzma nói bằng giọng thều thào - Gió quá.

Tôi sửa gối và chặn theo những mệnh lệnh ngược ngạo Kuzma đưa ra, anh cứ khẳng định rằng đầu đó bên tay trái chặn bị hở nên gió vào, và yêu cầu giắt chặn kỹ hơn. Tôi cố gắng đắp cẩn thận hết sức, nhưng dù tôi cố mấy Kuzma vẫn bị lạnh lúc ở bên sườn, lúc dưới hai chân.

- Cậu không biết làm - anh khẽ càu nhàu - lại lạnh chỗ lưng rồi. Để cô ấy làm.

Anh liếc sang Maria Petrovna, và tôi chợt hiểu sao mình lại không làm vừa ý anh ta được.

Maria Petrovna đặt lọ thuốc nàng đang cầm trên tay xuống, và lại gần giường.

- Kéo chặn lại sao?

- Kéo lại đi... Thế tốt rồi... ấm rồi!...

Anh ngắm nhìn nàng trong lúc nàng chỉnh sửa chặn, sau đó nhắm mắt lại, thiếp đi với vẻ sung sướng trẻ con trên khuôn mặt hốc hác.

Anh đi về nhà sao? - Maria Petrovna hỏi.

- Không, tôi ngủ đã mất rồi và có thể ngồi đây. Tuy nhiên, nếu không cần nữa thì tôi sẽ đi.

- Không, làm ơn đừng đi, ta nói chuyện một chút thôi. Em tôi cứ ngồi lỳ với mấy quyển sách của nó, còn tôi một mình với người bệnh lúc anh ấy ngủ, cứ nghĩ chuyện anh ấy sẽ chết, thấy thật đau khổ, nặng nề!

- Cô phải cứng rắn lên, Maria Petrovna ạ. Y tá là không được nghĩ ngợi biquan và khóc lóc.

- Khi làm y tá tôi sẽ không khóc đâu. Dù sao chăm sóc cho thương binh vẫn không đau khổ như khi chăm người thân của mình như thế này.

- Thế cô vẫn cứ đi ra trận à?

- Dĩ nhiên là đi rồi. Anh ấy khỏi bệnh hay chết thì tôi cũng đi. Tôi đã quen với ý tưởng đó rồi và không thể từ bỏ nó. Tôi muốn làm điều tốt, muốn để lại cho mình ký ức về những ngày tháng tốt đẹp, tươi sáng.

- Ôi Maria Petrovna, tôi e rằng cô sẽ không thấy ánh sáng trong chiến tranh.

- Tại sao? Tôi sẽ làm việc - đó là ánh sáng. Tôi những muốn làm gì đó để tham gia vào chiến tranh.

- Tham gia chiến tranh! Chẳng lẽ nó không làm cô sợ hay sao? Có phải cô đang nói với tôi điều đó không?

- Tôi đang nói đấy. Ai bảo anh là tôi thích chiến tranh? Chỉ có điều... biết nói sao với anh? Chiến tranh là cái ác, cả anh, cả tôi và rất nhiều người nữa đều nghĩ thế. Nhưng nó không thể tránh khỏi, anh có thích nó hay không, thì nó vẫn diễn ra, và nếu như anh không ra trận đánh nhau, thì người ta sẽ lấy người khác ra trận, và con người vẫn thành què quặt, bị kiệt lực bởi chinh chiến. Tôi, sợ rằng anh không hiểu tôi, tôi diễn đạt kém lắm. Thế này nhé: theo tôi, chiến tranh là nỗi bất hạnh chung, nỗi đau chung, và trốn tránh khỏi nó có thể vẫn được, nhưng tôi không thích điều đó.

Tôi im lặng. Lời nói của Maria Petrovna diễn đạt rõ ràng hơn cả sự kính tởm còn đang lờ mờ của tôi đối với việc trốn tránh chiến tranh. Chính tôi

cũng cảm nhận được điều mà nàng đang cảm nhận và suy nghĩ, chỉ có điều tôi nghĩ khác.

- Như anh chẳng hạn, hình như anh luôn nghĩ cách làm sao ở lại được đây, nếu như người ta gọi anh vào lính, - nàng tiếp tục. - Em tôi đã kể cho tôi. Anh biết không, tôi quý anh như một người rất tốt, nhưng điểm này ở anh thì tôi không thích.

- Biết sao được, Maria Petrovna! Quan điểm khác nhau mà. Tôi phải chịu trách nhiệm gì ở đây? Chẳng lẽ tôi là người gây ra chiến tranh?

- Không phải anh, và cũng không phải bất cứ những ai đã và đang chết trong cuộc chiến này. Họ cũng sẽ không ra trận nếu như có thể. Nhưng họ không thể không đi, còn anh thì có thể. Họ đi chiến đấu, còn anh thì ở lại Petersburg - còn sống, khỏe mạnh, hạnh phúc, chỉ bởi vì anh có những người quen biết, những người thương tình không muốn gửi người quen của mình ra trận. Tôi không có quyền quyết định, có thể chuyện này là thể tất được, nhưng tôi không thích nó, không.

Nàng cương quyết lắc mái đầu tóc quăn của mình và im lặng.

Cuối cùng cũng đến lúc. Hôm nay tôi mặc chiếc áo khoác xám và đã nắm được cơ bản... cách dùng súng. Giờ đây luôn vang trong tai tôi:

- Nghiêm!... Dàn hàng ha...ai! Bò...ồng súng!

Và tôi đứng nghiêm, dàn hàng hai rồi đánh rơi súng.

Một thời gian nữa, khi tôi thông thạo cách dàn hàng, người ta sẽ bố trí tôi vào đội, đưa chúng tôi lên các toa tàu, chở đi, chia về các trung đoàn, phân vào vị trí trống mà những người đã chết để lại...

Thì cũng vậy thôi. Mọi thứ kết thúc rồi, giờ đây tôi không còn thuộc về tôi nữa, tôi trôi theo dòng. Giờ đây tốt nhất là không nghĩ ngợi, không suy xét, tiếp nhận mọi sự ngẫu nhiên của cuộc đời mà không chỉ trích phê phán, và chỉ rống lên khi nào bị đau mà thôi...

Người ta xếp tôi vào một đơn vị đặc biệt của doanh trại, dành riêng cho những người được ưu tiên. Khác biệt là ở đó có giường thay vì những tấm phản, nhưng dù sao thì vẫn bản thủ. Chỗ của những tân binh không được ưu tiên thì hoàn toàn kinh khủng. Trước khi được đưa về các trung đoàn, họ sống trong khu nhà kho lớn vốn là bãi nhốt ngựa: người ta chia nó thành các dãy lán hai tầng, phủ rơm lên và giao cho các cư dân tạm thời tự xoay xở tùy khả năng. Lối đi giữa khu nhốt ngựa đầy tuyết và bùn đất do mọi người liên tục tha từ ngoài sân vào, trộn lẫn với rơm tạo thành một đám lầy lội không tưởng tượng nổi, mà đóng rơm đó nếu không có bùn tuyết thì cũng chẳng sạch sẽ gì. Vài trăm con người đứng, ngồi và nằm trên đó, theo từng nhóm đồng hương với nhau: một cuộc triển lãm dân tộc học đích thực. Cả tôi cũng tìm kiếm đồng hương cùng huyện với mình. Những anh người Ukraina cao lớn thô kệch trong những chiếc áo trấn thủ mới và những cái mũ lông cừu nằm thành đám chen chúc và im lặng. Họ có khoảng mười người.

- Chào các anh em.

- Xin chào.

- Xa nhà lâu chưa?

- Hai tuần rồi. Còn anh là ai? - một người trong số họ hỏi tôi.

Tôi nói tên mình, hóa ra bọn họ đều biết. Gặp đồng hương, họ sôi nổi lên một chút, bắt đầu trò chuyện.

- Có buồn không? - tôi hỏi.

- Sao không buồn được! Còn tẻ hơn ấy chứ. Giá được ăn tử tế thì còn đỡ, đây thức ăn thì, ôi Chúa ơi!

- Giờ các anh sẽ chuyển đi đâu?

- Ai mà biết được! Nghe bảo đi đánh bọn Thổ...

- Thế có muốn ra trận không?

- Tôi ra đó để xem cái gì cơ chứ?

Tôi bắt đầu hỏi về thành phố của chúng tôi, và những hồi tưởng về quê nhà làm miệng lưỡi trở nên ngửa ngáy. Bắt đầu những chuyện về đám cưới mới đây mà để lo cho nó phải bán mất hai con bò, rồi ngay sau đó anh chàng trẻ tuổi bị bắt đi lính, về viên chấp hành viên tòa án ăn hối lộ “tọng hàng trăm con ngựa vào họng”, về việc đất đai ngày càng ít đi, bởi vậy làng Markovka năm nay có đến mấy trăm người đi đến Amur... Cuộc trò chuyện chỉ toàn liên quan tới quá khứ, còn về tương lai, về những lao khổ, hiểm nguy và đón đau đang chờ đợi tất cả chúng tôi thì không ai nói đến cả. Không ai quan tâm tìm hiểu về quân Thổ, quân Bulgaria, về sự nghiệp mà vì nó họ phải đi để chết.

Một anh lính trẻ của chi đội địa phương chệnh choáng say đi ngang qua, dừng lại trước đám chúng tôi, thấy tôi lại nói về chiến tranh, bèn tuyên bố:

- Phải cho cái bọn Thổ này một trận mới được.

- Phải cho một trận ư? - tôi hỏi, bật cười vì sự quyết định chắc chắn đó.

- Đúng thế, cậu chủ ạ, để cho đến cái tên tuổi bản thiêu của chúng cũng không còn nữa. Còn chúng nổi loạn, tất cả chúng ta phải chịu bao đau khổ! Nếu như chúng không nổi loạn, mà cư xử tử tế, hòa bình... thì tôi giờ đã

được ở nhà với cha mẹ, sẽ đàng hoàng hơn. Thế mà chúng nổi loạn, làm khổ chúng ta. Ngài cứ yên chí đi, tôi nói không sai đâu. Ngài cho xin điều thuốc ạ! - bỗng anh ta ngừng lại, đứng nghiêm trước mặt tôi và đưa tay lên mũ.

Tôi cho anh ta điều thuốc, chia tay với các đồng hương và về nhà, bởi đến lúc hết giờ tập luyện.

“Chúng nổi loạn, chúng ta phải chịu đau khổ” - vang lên trong tai tôi giọng nói say rượu đó. Ngăn ngủi và chẳng rõ ràng, những không thể nào thoát khỏi nó được.

Ở nhà Lvov bao trùm sự u sầu, buồn khổ. Tình trạng Kuzma rất xấu, mặc dù vết thương của anh đã được làm sạch: anh sốt rất cao, mê sảng, rên la. Hai chị em không rời khỏi anh suốt mấy ngày, trong thời gian tôi bận đăng lính và huấn luyện. Giờ đây, khi biết tôi sắp đi, cô chị càng buồn bã, còn cậu em thì cau có hơn.

- Đã mặc quân phục rồi đây! - Lvov lâu bầu khi tôi chào anh ta trong căn phòng đầy khói thuốc và sách vở. - Ôi chao, con người, con người...

- Chúng ta là những con người gì vậy hả Vasily Petrovich?

- Các người chẳng để tôi được học hành - thế đấy! Chẳng có thời gian, chẳng để học cho xong, bị đẩy ra chiến trường, bao nhiêu thứ không được học. Lại còn anh với Kuzma nữa.

- Thôi, cứ cho là Kuzma sắp chết đi, nhưng tôi thì làm sao?

- Thế anh chẳng phải sắp chết sao? Nếu chúng không giết anh, thì anh cũng

hóa điên hay tự cho mình phát đạn vào trán. Chẳng lẽ tôi chưa biết anh, chẳng lẽ chưa có tấm gương nào sao?

- Gương như thế nào? Cậu biết trường hợp nào tương tự sao? Kể đi, Vasily Petrovich!

Tôi sẵn tới anh ta, và anh kể cho tôi “tấm gương” của mình.

- Có một anh sĩ quan pháo binh bị thương kể cho tôi. Họ vừa đi khỏi Kishinev hồi tháng tư, ngay sau khi tuyên bố chiến tranh. Mưa dầm dề, đường bị cuốn hết, chỉ còn toàn bùn đất, ngập đến nửa bánh xe chở vũ khí. Đến nỗi người ta không dùng ngựa nữa, mà buộc thùng rồi lấy sức người kéo. Lần chuyển quân thứ hai, đường sá thật kinh khủng: mười bảy dặm thì phải leo mười hai ngọn núi, còn lại toàn bãi lầy. Thế mà vẫn phải đi. Mưa tầm tã, trên mình không chút khô ráo nào, đói khát, mệt mỏi, còn phải kéo nữa. Dĩ nhiên cứ kéo, cứ kéo rồi con người ta cũng ngã vấp mặt xuống bùn mà ngất đi. Cuối cùng đến một vũng lầy không cách nào tiến lên được nữa, thế mà vẫn bị la mắng! “Những chuyện đó nhớ lại thật khủng khiếp”, anh sĩ quan của tôi bảo thế. Cậu bác sĩ của họ còn trẻ, mới ra trường, tính dễ xúc động. Cậu ta khóc. “Tôi không thể chịu nổi cảnh kinh hoàng này, tôi đi trước đây”. Thế là đi mất. Quân lính bẻ cành cây đủ để xây cái đập bằng cây, và cuối cùng ra khỏi được chỗ đó. Người ta đưa pháo lên đồi, và trông thấy cậu bác sĩ treo mình trên cây... Đấy, tấm gương cho anh. Con người không thể chịu nổi sự hành hạ như thế, thì anh có vượt qua nổi hay không?

- Vasily Petrovich, phải chăng chịu đựng những khổ đau đó vẫn còn hơn là tự vẫn như anh chàng bác sĩ đó?

- Tôi chẳng thấy có gì tốt đẹp khi chính anh bị kéo đến kiệt lực thế.

- Lương tâm tôi sẽ bị cắn rứt, Vasily Petrovich ạ.

- Cái đó với tôi quá tinh tế. Anh nói với chị tôi ấy. Chị ấy hợp với những thứ tinh tế đó lắm. Mổ xẻ “Anna Karenina” thành từng mẩu hay nói về

Dostoevsky, cái gì chị ấy cũng làm được, chuyện thế này chắc ở trong tiểu thuyết nào đó cũng đã nói rồi. Tạm biệt, triết gia!

Anh ta cười hờn hậu với câu đùa của mình và chìa tay cho tôi.

- Cậu đi đâu vậy?

- Sang khu Vyborgsky, đến bệnh viện.

Tôi vào phòng Kuzma. Anh không ngủ và cảm thấy khá hơn thường lệ, như Maria Petrovna giải thích với tôi. Nàng ngồi bất động bên giường. Kuzma còn chưa trông thấy tôi mặc quân phục, nhưng diện mạo tôi làm anh khó chịu.

- Người ta để cậu ở lại đây hay đưa ra trận? - Anh hỏi.

- Họ đưa tôi đi, cậu chưa biết sao? Anh im lặng.

- Biết rồi, tôi quên mất. Tôi bây giờ nhớ và suy nghĩ kém lắm, người anh em ạ... Biết sao được, cậu đi đi, cần phải thế mà.

- Cả cậu cũng nói thế nữa, Kuzma Fomich ạ!

- Sao lại “cả tôi”? Chẳng lẽ tôi nói không phải hay sao? Cậu có công trạng gì mà người ta miễn cho cậu? Đi đi và chết ở đó đi. Có những người khác cần thiết hơn cậu, làm việc nhiều hơn cậu, mà họ cũng đi... Sửa gối cho tôi với... thế thế.

Anh nói khẽ và cúi kính, như đang trả thù ai đó vì bệnh tật của mình.

- Cậu nói đúng đấy, Kuzma ạ, lẽ nào tôi lại không đi? Lẽ nào tôi lại phản đối chính bản thân mình? Nếu như thế thì tôi đã ở lại mà chẳng cần bàn luận thêm gì nữa, lo chuyện đó cũng không khó gì. Tôi không làm như thế, người ta yêu cầu thì tôi ra đi. Nhưng ít nhất đừng ngăn tôi phát biểu ý kiến riêng của mình về vấn đề này.

Kuzma nằm, mắt nhìn bất động lên trần nhà như không nghe tôi. Cuối cùng, anh chậm chạp quay đầu về phía tôi.

- Cậu đừng xem lời nói của tôi là thật - anh nói - Tôi thực ra rất đau khổ và tức giận, không biết vì sao cứ gây gổ với mọi người. Tôi thành kẻ cáu kỉnh rồi, chắc là sắp chết đến nơi rồi.

- Đủ rồi đấy, Kuzma, vui lên đi nào. Vết thương đã khô, sẽ lành lặn, mọi chuyện đều sẽ tốt lên. Bây giờ không phải để nói về chết chóc, mà là về cuộc sống.

Maria Petrovna nhìn tôi bằng đôi mắt to buồn bã, và tôi chợt nhớ điều nàng nói với tôi hai tuần trước: “Không, anh ấy không khỏe lại đâu, anh ấy sẽ chết”.

- Sẽ như thế nào nếu như quả thực tôi sẽ sống? Sẽ rất tuyệt! - Kuzma nói, mỉm cười yếu ớt - Người ta đẩy cậu đi đánh nhau, còn tôi và Maria Petrovna cũng sẽ ra đi: cô ấy sẽ làm y tá, còn tôi làm bác sĩ. Tôi sẽ ở bên cậu, một kẻ bị thương, và chăm sóc cậu như cậu chăm tôi bây giờ.

- Rồi sẽ tán gẫu, Kuzma Fomich ạ - Maria Petrovna nói - Nhưng anh nói nhiều không tốt đâu, với lại đến giờ anh bị hành hạ rồi.

Anh để yên cho chúng tôi sắp xếp: chúng tôi cởi áo cho anh, tháo những lớp băng và bắt đầu làm thuốc với bộ ngực rộng bị rách nát của anh. Khi phun nước vào những vết thương hở miệng đẫm máu, vào chỗ xương quai xanh lộ ra, ánh lên như xà cừ, vào mạch máu chạy xuyên vết thương nằm sạch sẽ thoải mái như không phải là vết thương trên con người đang sống, mà là trên tiêu bản giải phẫu, tôi lại nghĩ đến những vết thương khác, kinh khủng hơn rất nhiều cả về tính chất cũng như về số lượng, và hơn hết, gây nên không phải do sự tình cờ vô nghĩa, mà do những hành động có ý thức của con người.

Tôi không viết một lời nào vào cuốn sổ này về việc tôi làm gì và trải qua những gì lúc về nhà. Những dòng nước mắt khi mẹ tôi đón và tiễn đưa tôi, sự lặng im nặng nề bên bàn ăn khi có mặt tôi, sự tử tế đầy cảnh báo của lũ em - nhìn và nghe đã nặng nề, nhưng viết về điều đó còn nặng nề hơn. Khi nghĩ rằng chỉ một tuần nữa sẽ mất hết mọi thứ quý giá nhất trên đời, thì nước mắt dâng lên tận cổ.

Cuối cùng cũng đến lúc chia tay. Tinh mơ sáng mai, nhóm của tôi sẽ khởi hành bằng tàu hỏa. Người ta cho phép tôi ở nhà đêm cuối cùng. Tôi ngồi một mình trong căn phòng của mình, lần cuối cùng! Lần cuối cùng! Ai chưa trải qua cái lần cuối cùng như thế liệu có thể hiểu hết nỗi đớn đau của những từ này? Lần cuối cùng tôi chia tay với gia đình, lần cuối cùng tôi bước vào căn phòng nhỏ và ngồi xuống bên chiếc bàn được chiếc đèn nhỏ quen thuộc chiếu sáng, chất đầy sách vở và giấy má. Cả tháng trời tôi không đụng đến chúng. Lần cuối cùng tôi cầm lấy bút và xem lại tác phẩm mới bắt đầu của mình. Nó rơi ra, như đứa trẻ sinh non, chết cứng, vô tri vô giác. Thay vì phải kết thúc nó, người lại ra đi cùng với hàng ngàn người giống như người đến tận cùng thế giới, bởi vì lịch sử cần những sức lực thể chất của người. Hãy quên đi những thứ trí tuệ, chúng chẳng cần cho ai. Những gì mà nhiều năm trước đây người đã được dạy dỗ, người định dùng chúng vào đâu? Cái cơ cấu khổng lồ mà người không biết rõ, mà người là một thành phần nhỏ nhoi trong đó, đang muốn cắt bỏ người. Người có thể làm gì chống lại được ý muốn đó,... khi người chỉ là cái ngón chân?

Tuy nhiên, đủ rồi. Đến lúc phải đi nằm và cố ngủ, ngày mai phải dậy rất sớm.

Tôi yêu cầu mọi người đừng tiễn tôi ngoài ga tàu. Càng nhiều đưa tiễn, càng thừa nước mắt. Nhưng khi đã ngồi trong toa tàu chật cứng người, tôi

cảm thấy một nỗi cô đơn đau nhói lòng, một nỗi buồn đến độ như muốn đánh đổi tất cả mọi thứ trên đời để được chia tay với bất cứ người thân nào, dẫu chỉ trong vài phút. Cuối cùng thì đã đến giờ tàu chạy, nhưng tàu lại không nhúc nhích: có chuyện gì đó làm nó bị chậm. Nửa giờ đồng hồ trôi qua, nửa giờ, mà tàu vẫn đứng yên. Trong nửa giờ ấy, tôi có thể kịp về nhà... Hay có thể ai đó không chịu được và sẽ chạy ra... Không, mọi người hẳn đều tưởng tàu đã đi rồi, không ai nghĩ nó bị chậm. Nhưng biết đâu... Tôi nhìn về hướng mà mọi người có thể đến với tôi. Chưa bao giờ thời gian lại kéo dài như thế.

Những âm thanh chói gắt của còi tập hợp khiến tôi rùng mình. Những người lính đã xuống khỏi toa và tụ họp trên sân ga vội vã lên tàu. Tàu khởi hành ngay bây giờ, và tôi sẽ không gặp được ai.

Nhưng tôi bỗng thấy nhà Lvov, hai chị em gần như chạy tới toa tàu, và tôi mừng rỡ đón họ. Tôi không nhớ đã nói với họ những gì, không nhớ họ nói gì với tôi, ngoài một câu duy nhất: “Kuzma chết rồi”.

Những ghi chép trong cuốn sổ dừng lại ở câu này.

Cánh đồng tuyết mênh mông. Những ngọn đồi trắng xóa bao quanh nó, trên đó là những thân cây cũng phủ băng giá trắng xóa. Bầu trời sà xuống thấp, u ám, cảm thấy mùi băng tan trong không khí. Súng kêu răng rắc, vang lên tiếng những quả đạn đại bác nổ, khói bao trùm một trong những quả đồi và từ từ trườn xuống cánh đồng. Một đám đông đen đen chuyển động dọc cánh đồng. Nếu nhìn chăm chú hơn sẽ thấy đám này gồm những chấm đen riêng biệt. Nhiều chấm đen ấy đã bất động, nhưng những chấm còn lại vẫn đang di chuyển, di chuyển về phía trước, mặc dù còn lâu mới tới cái đích chỉ có thể nhận ra được nhờ đám khói tỏa ra từ nó, và mặc dù số lượng những chấm đen cứ mỗi giây lại một ít đi, ít đi.

Đại đội dự bị nằm trong tuyết, súng không kê trên giá, mà cầm trong tay, cả

ngàn con mắt chăm chú theo dõi chuyển động của đám đen.

- Đi nào, anh em ơi, đi nào... Ê, chúng chưa tới nơi đâu!

- Sao họ lại tìm chân ta như vậy nhỉ? Ta có thể giúp họ chiếm được mà.

- Cậu chán sống rồi hay sao? - một người lính lớn tuổi cau có nói - cứ nằm yên khi người ta bảo nằm, và hãy cảm tạ Chúa vì cậu còn nguyên vẹn.

- Vâng ông chú ạ, tôi sẽ còn nguyên, chớ có lo - anh lính trẻ với khuôn mặt vui vẻ đáp lại - Tôi qua bốn trận rồi, mà vẫn chưa sao! Đầu tiên thì có sợ, nhưng sau đó thì - không buồn kêu trời nữa! Đây công tử của chúng ta chắc là lần đầu, anh ấy đang cầu nguyện Chúa. Công tử, này công tử?

- Mà làm gì thế? - một người lính gầy gò râu đen nằm cạnh phản ứng.

- Công tử ơi, vui vẻ lên nào!

- Tôi có buồn đâu, anh bạn.

- Nếu có chuyện gì cứ dựa vào tôi. Tôi từng trải qua rồi, tôi biết. Công tử của chúng ta rất giỏi, không bỏ chạy. Chứ còn trước cậu từng có một anh tình nguyện, anh ta vừa thấy đạn bay liền vứt cả ba lô lẫn súng bỏ chạy, thế là đạn đuổi theo trúng vào lưng. Không được như thế, bởi đã thề rồi.

- Đừng sợ, tôi không bỏ chạy đâu... - “công tử” khẽ đáp - Không thể tránh khỏi đạn được.

Đúng thế, làm sao chạy tránh nó được! Nó quái lắm... Trời đất ơi! Giá mà chúng dừng lại!

Đám đen dừng lại, súng nổ tỏa khói.

- Trúng rồi, giờ phải lui rồi... Không, chúng vẫn tiến. Nào, nào, ôi Đức Mẹ ôi! Phát nữa nào, nào nào... Ôi chao bao người bị thương, thế mà không ai mang họ đi.

- Đạn đầy, đạn đầy - tiếng kêu vang lên xung quanh.

Đúng là có cái gì đó vèo vèo trong không gian. Đó là một viên đạn lạc bay tới xuyên ngang những người lính dự bị. Tiếp sau nó là viên thứ hai, thứ ba. Đại đội sôi nổi hẳn lên.

- Cánh thương đâu! - ai đó hét lên.

Viên đạn lạc đã thực hiện sứ mệnh của nó. Bốn người lính cầm cánh lao tới người bị thương. Bỗng nhiên trên một ngọn đồi, từ phía bắt đầu cuộc tấn công xuất hiện những hình người và ngựa nhỏ bé, rồi tức thì từ đó bay tới một cuộn khói tròn dày đặc, trắng như tuyết.

- Bọn chó bắn vào chúng ta! - anh lính vui tính nọ hét lên. Tiếng lựu đạn rít qua, vang lên tiếng nổ.

Anh lính vui tính ngã sấp mặt xuống đất. Khi anh ngẩng đầu lên, liền trông thấy “công tử” nằm sấp bên cạnh, tay dang ra và đầu gục một cách không tự nhiên. Một viên đạn lạc khác đã khoét vào phía trên mắt phải của anh một lỗ hồng đen ngòm

1879

Những người họa sĩ

I

DEDOV

Hôm nay tôi cảm thấy như cả một núi đá đã tụt khỏi đôi vai. Hạnh phúc thật là bất ngờ! Thôi cắt xéo những cái áo cầu vai, cắt xéo những dụng cụ và những bản dự toán!

Nhưng thật chẳng đáng hổ thẹn sao khi lại mừng vui như thế trước cái chết của bà cô tội nghiệp đã cho phép tôi được bỏ việc? Thực ra là bà ấy lúc hấp hối đã yêu cầu tôi toàn tâm toàn ý vào công việc yêu thích của mình, và bây giờ tôi vui mừng, nhưng đồng thời cũng là đang thực hiện ý nguyện cháy bỏng của cô tôi. Đó là hôm qua... Sếp của tôi mang bộ điều kinh ngạc làm sao khi được biết tôi bỏ việc! Khi tôi giải thích mục đích khiến tôi làm như vậy, ông ấy chỉ biết há hốc mồm.

- Vì tình yêu nghệ thuật ư?... Hừm,... Nộp đơn đi.

Rồi chẳng nói thêm tiếng nào, ông quay người bỏ đi. Nhưng tôi chẳng còn cần thêm gì nữa. Tôi tự do rồi, tôi là nghệ sĩ! Chẳng phải là tột đỉnh hạnh phúc sao?

Tôi muốn đi đâu xa hẳn khỏi mọi người và khỏi Petersburg. Tôi bèn thuê một chiếc xuồng và chạy ra biển. Mặt nước, bầu trời, thành phố lấp lánh ánh nắng mặt trời ở phía xa, những khu rừng xanh viền quanh bờ vịnh, những đỉnh cột tàu trên bến tàu Kronshtadtsky, hàng chục chiếc tàu hơi

nước vọt qua tôi, những chiếc thuyền buồm lướt nhẹ - mọi thứ với tôi như được phủ bởi một ánh sáng mới. Mọi thứ là của tôi, mọi thứ nằm dưới quyền của tôi, mọi thứ tôi đều có thể nắm lấy, ném lên mặt vải và đặt trước mắt đám đông sững sốt vì sức mạnh của nghệ thuật. Thực ra không nên bán da gấu trước khi giết được nó, bởi tôi còn lâu mới là họa sĩ lớn.

Chiếc xuồng xé nước lướt nhanh. Cậu lái xuồng, một chàng trai cân đối, khỏe mạnh và đẹp trai, mặc chiếc áo sơ mi đỏ, chèo không biết mệt mỏi. Anh ta lúc gập người lên phía trước, lúc ngửa ra đằng sau, mỗi động tác lại đẩy mạnh xuồng đi tới. Mặt trời đang lặn và phản chiếu trên khuôn mặt và trên tấm áo đỏ của anh, đến nỗi tôi muốn vẽ ngay anh ta. Cái thùng nhỏ đựng vải, màu và bút vẽ luôn ở bên tôi.

- Cậu ngừng chèo đi, hãy ngồi yên một phút, tôi sẽ vẽ cậu - tôi nói. Anh ta buông mái chèo.

- Cậu ngồi như đang cầm chèo ấy.

Cậu ta cầm lấy mái chèo, khua chúng như con chim vỗ cánh, và dừng lại như thế trong một kiểu dáng tuyệt đẹp. Tôi nhanh chóng phác thảo bằng bút chì và bắt đầu vẽ. Tôi pha màu với một cảm xúc đặc biệt vui sướng. Tôi biết rằng suốt đời sẽ không cái gì có thể dứt tôi ra khỏi bảng màu.

Người chèo thuyền bắt đầu mệt, nét cương nghị trên gương mặt cậu ta chuyển thành uể oải, buồn chán. Cậu ta bắt đầu ngáp và thậm chí có lần lấy tay áo lau mặt, để làm điều đó cậu phải cúi đầu xuống tay chèo. Những nếp gấp của chiếc áo hoàn toàn bị hỏng. Thật bực mình làm sao! Giờ tôi không thể vẽ được khi mẫu vẽ đung đây.

- Ngồi yên anh bạn! Cậu ta bật cười.

- Sao cậu lại cười?

Cậu bối rối cười và nói:

- Kỳ quá, ông chủ ạ.

- Tại sao lại kỳ?

- Làm như tôi là thứ hiếm lắm hay sao nên mới phải vẽ. Làm sao mà thành tranh được.

- Sẽ thành tranh, anh bạn quý mến ạ.

- Thế tranh đó ông cần để làm gì?

- Để học tập. Tôi vẽ những bức nhỏ, rồi sẽ vẽ những bức to.

- Những bức to ư?

- Khoảng ba xagien.

Cậu ta im lặng, rồi sau đó nghiêm túc hỏi:

- Thế ông có thể vẽ tranh thờ được không?

- Tôi vẽ được cả tranh thờ, nhưng tôi chỉ vẽ tranh bình thường thôi

- Thế đấy.

Cậu suy nghĩ rồi lại hỏi:

- Thế chúng để làm gì?

- Cái gì cơ?

- Những bức tranh ấy...

Dĩ nhiên tôi không giảng bài cho cậu ta về ý nghĩa của nghệ thuật, chỉ nói rằng người ta trả nhiều tiền cho những bức tranh đó, đến một nghìn, hai nghìn rúp hay còn nhiều hơn. Cậu chèo thuyền hoàn toàn thỏa mãn và không hỏi thêm gì nữa. Bức phác họa trông rất tuyệt (sắc đỏ của tấm vải phản chiếu ánh hoàng hôn rất đẹp). Tôi trở về nhà hoàn toàn hạnh phúc.

II

RYABININ

Đứng trong tư thế căng thẳng trước mặt tôi là ông già người mẫu Taras mà giáo sư N. ra lệnh phải đặt tay lên đầu, bởi đó là “tư thế rất cổ điển”. Xung quanh tôi là cả đám bạn, những kẻ cũng như tôi đang ngồi trước giá vẽ, với bảng màu và cọ trong tay. Ngồi trước tất cả mọi người là Dedov, tuy là họa sĩ vẽ phong cảnh, nhưng vẫn nỗ lực vẽ Taras. Trong lớp học đầy mùi của màu vẽ, của dầu, của tẩy và im phăng phắc. Cứ nửa tiếng Taras được giải lao, ông ngồi lên mép thùng gỗ dùng làm bệ cho ông, và từ một “mẫu vẽ” biến thành một ông già bình thường trần truồng, duỗi tay chân bị tê cứng vì phải bất động lâu cho giãn gân cốt. Các học viên chen chúc bên các giá vẽ xem bài tập của nhau. Bên giá của tôi luôn đông: tôi là một học trò rất có năng lực của viện và được kỳ vọng trở thành một trong “những người kiệt xuất của chúng ta”, như diễn đạt đầy sung sướng của nhà phê bình nghệ thuật nổi tiếng là ngài V.S., người từ lâu đã nói, rằng “Ryabinin sẽ thành công”. Bởi vậy tại sao mọi người đều xem bài của tôi.

Năm phút sau tất cả lại ngồi vào chỗ của mình, Taras trèo lên bục, đặt tay lên đầu, và chúng tôi lại bồi bồi, trét trét...

Và cứ thế mỗi ngày.

Thật chán phải không? Ngay chính tôi từ lâu cũng đã tin rằng mọi thứ đều chán ngấy. Nhưng như cái đầu xe lửa chạy bằng hơi nước chỉ có hai lựa chọn: hoặc chạy theo đường ray cho đến khi nào hết hơi, hoặc bật ra khỏi nó và từ một con quái vật bằng sắt pha đồng đẹp đẽ biến thành một đồng phế liệu, tôi cũng vậy... Tôi đang trên đường ray. Những thanh ray ôm khít lấy các bánh xe của tôi, và nếu như tôi trượt khỏi chúng thì sẽ ra sao? Tôi buộc phải bằng mọi giá chạy tới ga, cho dù cái ga đó đối với tôi như một lỗ rách đen ngòm chẳng phân biệt được gì trong đó. Mọi người bảo đó sẽ là

hoạt động nghệ thuật. Rằng đó là một cái gì đó mang tính nghệ thuật thì không cần bàn cãi, nhưng rằng đó là hoạt động...

Khi đến triển lãm và xem các bức tranh, tôi thấy gì ở chúng? Tấm vải trên đó màu được quét lên, được trình bày để tạo ra những ấn tượng, tương tự những ấn tượng gợi lên từ những đối tượng khác nhau.

Mọi người đến xem và ngạc nhiên: những gam màu được bố cục khéo làm sao! Và chẳng có gì hơn nữa. Bao nhiêu sách được viết ra, cả núi sách về đối tượng này, tôi cũng đã đọc nhiều thứ sách đó. Nhưng từ những Taines, Carrieres, Kuglers, và tất cả những người đã viết về nghệ thuật, bao gồm cả đến Proudhon, đều chẳng làm sáng tỏ được điều gì. Họ luôn bàn luận rằng ý nghĩa mà nghệ thuật mang lại là như thế nào, còn trong đầu tôi khi đọc họ luôn loay hoay ý nghĩa: giá như nó có ý nghĩa. Tôi chẳng thấy ảnh hưởng tốt đẹp nào của bức tranh đối với con người, vậy thì tại sao tôi phải tin là nó có.

Tại sao phải tin? Tôi cần phải tin, rất cần, nhưng tin như thế nào? Làm sao có thể tin rằng cả cuộc đời mình sẽ phục vụ riêng cho sự tò mò ngu ngốc của đám đông (nếu như chỉ là sự tò mò thì đã tốt, còn hơn là cái gì khác nữa, như sự kích thích những bản năng đê hèn chẳng hạn), và cho thói háo danh của một cái bụng đã no đủ trên đôi chân khệnh khạng tới bên bức tranh quý giá đầy những trăn trở khổ đau, được vẽ nên không phải bằng cọ và màu, mà bằng những sợi thần kinh và bằng máu. Hắn sẽ lầm bầm: “hừm... cũng tạm được”, rồi thọc tay vào túi quần căng phồng, vớt cho tôi mấy trăm rúp và mang bức tranh đi khỏi tôi. Hắn cũng mang đi khỏi tôi cùng với bức tranh là những xao xuyến, những đêm mất ngủ, những khổ đau và sung sướng, những ảo tưởng và tuyệt vọng. Và tôi lại cô độc đi giữa đám đông. Rồi lại máy móc vẽ người mẫu vào buổi tối, máy móc vẽ ông ta vào buổi sáng, làm các giáo sư và bạn bè ngạc nhiên về những thành công nhanh chóng của mình. Tôi làm tất cả những thứ đó để làm gì, để rồi đi đến đâu?

Đã bốn tháng trôi qua kể từ khi tôi bán bức tranh cuối cùng, mà vẫn chưa có một ý tưởng nào cho bức tranh mới. Giá như có cái gì đó nảy ra trong đầu

thì tốt biết bao... Sẽ một thời gian hoàn toàn lãng quên: tôi sẽ đắm mình vào bức tranh như bước vào trong tu viện, chỉ nghĩ về một mình nó mà thôi. Những câu hỏi: sẽ đi đến đâu? để làm gì? trong lúc làm việc sẽ biến mất. Trong đầu chỉ còn một ý nghĩ, một mục đích, và việc thực thi mục đích đó đem lại khoái lạc. Bức tranh là thế giới trong đó tôi sống và chịu trách nhiệm trước nó. Luân lý thông thường nơi đây không còn: tôi tạo ra cho mình một luân lý mới trong một thế giới mới, cảm nhận về lẽ phải, phẩm giá hay sự đê hèn, đều giả trá theo cách riêng của mình, không phụ thuộc vào cuộc sống.

Nhưng không thể lúc nào cũng vẽ. Chiều tối, khi hoàng hôn làm gián đoạn công việc, ta sẽ phải trở lại với cuộc sống và lại nghe thấy câu hỏi vĩnh cửu: “để làm gì?”. Nó không cho ta ngủ, buộc ta phải trăn trở nóng sốt trên giường, chăm chăm nhìn vào bóng tối, tưởng như đâu đó trong đó có câu trả lời. Và gần sáng ta sẽ thiếp ngủ mê mết, để rồi khi thức giấc lại rơi vào một thế giới mộng mị khác, trong đó chỉ có những hình tượng do chính ta tạo ra, đang hình thành và hiện ra trước mắt ta trên tấm vải vẽ.

- Sao anh không làm việc, Ryabinin? - người bạn bên cạnh hỏi to.

Tôi mãi nghĩ quá đến nỗi giật bản mình khi nghe thấy câu hỏi đó. Tấm bảng pha màu tuột khỏi tay, vạt áo khoác rơi vào màu lấm lem cả, những cây cọ nằm trên sàn. Tôi nhìn vào bức vẽ, nó đã hoàn tất, hoàn tất một cách tốt đẹp: Taras trên tấm vải trông như người sống.

- Tôi xong rồi, - tôi đáp lời anh bạn.

Và giờ học cũng kết thúc. Người mẫu tụt khỏi cái thùng và mặc quần áo, mọi người ồn ào thu dọn dụng cụ. Tiếng nói cười ồn ào, mọi người lại chỗ tôi, khen ngợi tôi.

- Sẽ được huy chương, huy chương... Bức vẽ đẹp nhất. - một số người nói. Những người khác im lặng: các họa sĩ không thích khen nhau.

III

DEDOV

Tôi cảm thấy hình như mình được các bạn đồng học kính trọng. Dĩ nhiên, điều này cũng có phần ảnh hưởng của tuổi tác khá lớn của tôi so với họ. Trong cả học viện chỉ có mỗi Volsky là lớn hơn tôi. Phải, nghệ thuật có một sức mạnh hấp dẫn kỳ lạ! Cái tay Volsky ấy là sĩ quan nghỉ hưu, một quý ông tuổi bốn mươi lăm, tóc đã hoàn toàn ngả bạc, vào tuổi ấy còn thi vào học viện, bắt đầu học lại - điều đó chẳng phải là chiến công hay sao? Nhưng anh ấy rất nỗ lực. Mùa hè dù thời tiết thế nào cũng ngồi vẽ phác thảo từ sáng đến tối, tận tụy hết mình. Mùa đông, khi trời còn sáng thì vẽ phác thảo, đến chiều tối thì vẽ màu. Trong hai năm anh đã có những thành công lớn, cho dù số phận không ban cho anh tài năng đặc biệt nào.

Còn Ryabinin lại là chuyện khác: bản chất cực kỳ tài năng, nhưng lười kinh khủng. Tôi không nghĩ rằng anh ta có thể vẽ được cái gì nghiêm túc, mặt dù tất cả các họa sĩ trẻ đều hâm mộ anh ta. Đặc biệt tôi cảm thấy rất lạ sự say mê của anh ta với những chủ đề được gọi là hiện thực: anh ta vẽ những đôi giày cỏ, những tấm vải quấn chân và những áo lông cộc, cứ như chúng ta chưa được ngắm chúng thỏa mãn ngoài đời vậy. Mà cái quan trọng là anh ta hầu như không làm việc. Đôi khi anh ta ngồi cả tháng vẽ được một bức tranh, mà mọi người đều kêu um lên ca tụng như một điều kỳ diệu, rằng kỹ thuật không thể mong hơn thế được (trong khi tôi thấy kỹ thuật của anh ta hết sức yếu kém), rồi sau đó lại bỏ không vẽ cả những bức phác thảo, đi lại u ám và không trò chuyện cùng ai, thậm chí cả với tôi, mặc dù hình như anh ta ít xa lánh tôi hơn những bạn học khác. Một chàng trai kỳ lạ! Tôi thấy những người ấy rất lạ, những con người không thể tìm thấy sự thỏa mãn hoàn toàn trong nghệ thuật. Họ không thể hiểu, rằng không có gì có thể nâng cao con người được như sự sáng tạo nghệ thuật.

Hôm qua tôi hoàn tất bức vẽ, treo lên, và hôm nay đã có người hỏi giá. Ít

hơn 300 rúp tôi không bán. Người ta trả giá 250. Tôi có quan điểm là không bao giờ nên hạ cái giá một khi đã được định. Điều này đem lại sự kính trọng. Bây giờ tôi lại càng không nhượng bộ, bức tranh chắc chắn sẽ bán được. Chủ đề thì thuộc loại bán chạy và đang được ưa chuộng: cảnh mùa đông, hoàng hôn, những thân cây thẫm đen nổi bật trên nền ráng hồng. K. vẽ như thế và bán giá như thế! Người ta bảo chỉ trong mùa đông này ông ta kiếm được hai mươi ngàn rúp. Không tệ tí nào! Có thể sống được. Tôi không hiểu tại sao một số họa sĩ lại phải sống nghèo khổ. Như K., không một tấm vải nào bỏ phí, tất cả đều được bán. Chỉ cần có thái độ thẳng thắn hơn với thực tế: khi anh vẽ tranh thì anh là nghệ sĩ, người sáng tạo, còn khi tranh vẽ xong thì anh là người kinh doanh. Và càng khôn khéo kinh doanh thì càng tốt. Công chúng thường cố đánh lừa dân nghệ sĩ chúng ta.

IV

RYABININ

Tôi sống ở tuyến số 15 trên đại lộ Trung gian và bốn lần một ngày đi trên con đường ven biển, nơi các tàu hơi nước của nước ngoài neo lại. Tôi ưa thích nơi này bởi sự sặc sỡ, sống động, ồn ào của nó, và bởi vì nó cung cấp nhiều chất liệu cho tôi. Ở đây khi ngắm nhìn những người công nhân vác những bao hàng, quay những cánh cổng và cuộn dây tời, đánh những cỗ xe ngựa chở đủ thứ, tôi học được cách vẽ con người lao động.

Tôi về nhà cùng với Dedov, họa sĩ phong cảnh... Một con người tốt bụng và hồn nhiên, như bản thân phong cảnh vậy, và đam mê nghệ thuật của mình say đắm. Đối với anh ta không có sự hoài nghi nào. Anh vẽ cái anh nhìn thấy: nhìn thấy dòng sông thì vẽ dòng sông, nhìn thấy hồ nước đầy cỏ lác thì vẽ hồ nước đầy cỏ lác. Dòng sông và hồ nước đó cần gì cho anh ta? - không bao giờ anh suy nghĩ về điều đó. Anh ta dường như là người có học thức, ít nhất là đã tốt nghiệp khóa kỹ sư. Bỏ nhiệm sở, may mắn có được tài sản thừa kế giúp anh ta có thể tồn tại mà không phải lao động. Bây giờ anh ta vẽ và vẽ: mùa hè từ sáng đến chiều ngồi ngoài cánh đồng hay trong rừng vẽ phác thảo, mùa đông thì không mệt mỏi bài trí những cảnh hoàng hôn, bình minh, giữa trưa, đầu cơn mưa, cuối cơn mưa, cảnh mùa đông, mùa xuân và đủ thứ khác. Quên nghề kỹ sư của mình và không hề hối tiếc về điều đó. Chỉ khi chúng tôi đi ngang qua bến tàu, anh ta thường giải thích cho tôi ý nghĩa của những khối đồng và khối thép khổng lồ: những bộ phận máy móc, những lò hơi và đủ thứ khác được mang từ tàu thủy lên bờ.

- Anh trông, người ta kéo về cái lò hơi to chưa - hôm qua anh ta bảo tôi, đập chiếc ba toong keng keng vào cái lò.

- Chẳng lẽ ở ta không chế tạo được chúng hay sao? - tôi hỏi.

- Ở ta cũng có làm, nhưng ít thôi, không đủ. Trông kia, họ đem về cả đồng thể này. Làm tệ quá, về đây sẽ phải sửa chữa, anh có thấy mối hàn bị bong ra không? Chỗ này đinh cũng tuột ra rồi. Anh có biết cái thứ này được làm như thế nào không? Đó là một công việc đày ải. Một người chui vào lò hơi và dùng kìm để giữ cây đinh, nghĩa là lấy ngực làm điểm tựa chịu lực, còn bên ngoài thợ cả dùng búa đóng đến khi ra được cái mũ như thế này.

Anh chỉ tôi xem một hàng dài những vòng tròn kim loại lồi lên chạy theo mối hàn của lò hơi.

- Dedov, thế thì chẳng khác nào đánh vào ngực còn gì!

- Đúng thế. Tôi đã có lần thử vào trong lò hơi, và sau khi đóng bốn cây đinh thì chui ra không nổi. Ngực bị bầm dập cả. Thế mà sao họ vẫn phải chịu và quen đi. Quả thực họ sẽ chết như lũ ruồi thối: chịu được một, hai năm, rồi sau đó nếu còn sống thì khó còn làm việc được ở đâu. Thử tưởng tượng cả ngày giờ ngực cho búa đánh, lại còn chui trong nồi hơi, gập cong người trong chỗ ngột ngạt như thế. Mùa đông sắt đóng băng, lạnh buốt, còn họ thì ngồi hay nằm trên đó. Như trong cái nồi hơi này, anh có thấy cái màu đỏ rất hẹp đó không, không thể ngồi trong đó được, mà phải nằm nghiêng đưa ngực lên. Một công việc nặng nề cho đám nặng tai này.

- Sao lại đám nặng tai?

- Thế đấy, công nhân gọi họ như vậy. Vì tiếng ồn như chuông đánh này họ thường bị điếc. Anh tưởng họ nhận được nhiều tiền cho công việc khổ sai này ư? Toàn bạc các thôi! Bởi vì không cần kỹ năng, không cần nghệ thuật, mà chỉ cần cơ bắp... Ryabinin, nếu như anh biết được bao nhiêu ấn tượng nặng nề ở những nhà máy đó! Tôi thật mừng vì đã vĩnh viễn chia tay với chúng. Cuộc sống thật nặng nề lúc ban đầu, nếu nhìn thấy những lao khổ

đó... Trong khi với thiên nhiên thì khác. Nó không làm hại ta, và ta cũng đừng nên làm hại nó, để có thể khai thác nó, như chúng ta đây, những người họa sĩ... Nhìn kia, nhìn kia, cái tông màu xám đẹp chưa kia! - bỗng nhiên anh ta tự ngắt lời mình, chỉ lên phía góc trời: - thấp xuống tí, đấy, dưới đám mây ấy... tuyệt vời! Sắc xanh nhẹ, đấy cứ vẽ thế, chính như thế, người ta sẽ không tin nổi đâu! Thật không tẻ, phải không?

Tôi tỏ sự đồng tình, mặc dù thực mà nói, tôi chẳng thấy cái gì đẹp đẽ trong đám mây xanh xanh bản bản đó của bầu trời Petersburg, và cắt ngang lời Dedov, khi anh ta bắt đầu ca tụng thêm một “sắc màu” nào đó gần một đám mây khác.

- Anh cho tôi biết chỗ nào có thể ngắm một gã nặng tai như thế?

- Ta cùng đến nhà máy đi, tôi sẽ chỉ cho anh mọi thứ. Nếu như anh muốn, thì ngay ngày mai cũng được! Không phải anh định vẽ cái anh nặng tai đấy chứ? Bỏ đi, không đáng đâu. Chẳng lẽ không có cái gì vui hơn à? Còn nhà máy, nếu như anh muốn thì mai ta đi.

Hôm nay chúng tôi đi đến nhà máy và tham quan nó. Nhìn thấy cả anh nặng tai. Anh ta ngồi cong con tôm, trong góc chiếc nồi hơi và đưa ngực mình ra hứng những cú búa đánh. Tôi ngắm anh ta nửa tiếng, trong nửa tiếng đó, búa nâng lên hạ xuống hàng trăm lần. Anh nặng tai quần quai. Tôi sẽ vẽ anh ấy.

V

DEDOV

Ryabinin có ý nghĩ thật ngu ngốc, khiến tôi cũng chẳng biết nghĩ thế nào về anh ta. Đã hôm thứ ba tôi dẫn anh ta đến nhà máy kim khí, chúng tôi ở đó cả ngày, tham quan mọi thứ, ngoài ra tôi còn giải thích cho anh ta các quy trình sản xuất (tôi ngạc nhiên, hóa ra mình chưa quên bao nhiêu nghề của mình), cuối cùng tôi đưa anh ta đến bộ phận nồi hơi. Ở đó người ta đang làm một cái nồi hơi khổng lồ. Ryabinin chui vào nồi hơi và ngồi nửa tiếng trong đó để xem người công nhân giữ đinh bằng kim. Lúc chui ra, anh ta xanh xám và xúc động, suốt dọc đường về chẳng nói năng gì. Hôm nay anh ta tuyên bố với tôi, rằng sẽ bắt đầu vẽ người công nhân nặng tai đó. Ý tưởng gì lạ vậy! Đó là thơ ca trong bùn nhơ! Ở đây tôi có thể nói, không ngại gì và ngại ai, điều mà dĩ nhiên tôi sẽ không nói công khai trước mọi người: theo tôi, cái dòng muzhik đó trong nghệ thuật chỉ là sự quái gở. Ai cần “Những người kéo thuyền”[1] lừng danh của Repin kia chứ? Họ được vẽ tuyệt vời, không có gì phải tranh cãi, nhưng chỉ có thể thôi.

[1] Bức tranh “Những người kéo thuyền trên sông Volga” của danh họa Nga thế kỷ XIX I.E.Repin (1844 - 1930) được cho là một ví dụ tiêu biểu cho chủ nghĩa hiện thực phê phán. Nó được triển lãm lần đầu tiên năm 1873, đã làm dấy lên cuộc tranh luận sôi nổi trên báo chí về hội họa hiện thực và hội họa hàn lâm (ND).

Cái đẹp, sự hài hòa, trang nhã nằm ở đâu? Chẳng phải nghệ thuật tồn tại là để tái tạo cái tao nhã trong thiên nhiên đó sao? Đó là sự nghiệp của tôi! Chỉ mấy ngày lao động nữa thôi là bức “Sáng tháng năm” khiêm nhường của tôi sẽ hoàn thành. Mặt nước khẽ xao động trong hồ, những cây liễu nghiêng mình xuống nước, phương đông cháy rực, tỏa ánh hồng lên những đám mây tơ, một bóng phụ nữ xách thùng từ trên bờ hồ dốc đứng xuống lấy nước, làm kinh động bầy vịt trời. Tất cả chỉ thế thôi, có vẻ như rất đơn giản, tuy

nhiên tôi cảm thấy rất rõ cả thế giới thi ca trong bức tranh. Đó chính là nghệ thuật! Nó làm cho người ta phải trầm tư, xoa dịu tâm hồn. Còn “Kẻ nặng tai” của Ryabinin sẽ chẳng tác động đến ai bởi vì ai cũng muốn nhanh chóng thoát khỏi nó, để không bị ngứa mắt bởi những miếng giẻ rách xấu xí và khuôn mặt bần thiú đó. Thật là kỳ quặc! Ngay trong âm nhạc cũng không cho phép những âm điệu chói tai, không dễ chịu, thì tại sao trong hội họa của chúng ta lại có thể tạo ra những hình ảnh hoàn toàn xấu xí phản cảm? Cần phải nói điều này với L., ông ấy sẽ viết một bài báo nhỏ và nhân tiện đánh trượt Ryabinin vì bức tranh này. Anh ta đáng bị như thế.

VI

RYABININ

Đã hai tuần tôi không đến học viện, ngôi nhà và vẽ. Công việc hoàn toàn làm tôi mệt lử, mặc dù vẫn tiến triển tốt. Càng sắp đến lúc hoàn tất, tôi càng cảm thấy sợ hãi hơn về cái mình vẽ. Và tôi còn cảm thấy rằng đó sẽ là bức tranh cuối cùng của tôi. Anh ta ngồi kia, trước mặt tôi, trong góc tối của chiếc nôi hơi, một con người người đang cong quắp lại, ăn mặc rách rưới, thở hổn hển vì mệt mỏi. Gần như không trông thấy rõ anh ta nếu không có chút ánh sáng xuyên qua những lỗ thủng hình tròn được đục ra để tra đinh vào. Những vòng tròn ánh sáng nhỏ đó chiếu sáng áo quần và gương mặt anh, rọi những đốm vàng lên những mảnh áo quần rách rưới, lên bộ râu và mái tóc rối bù đầy bụi bẩn, lên khuôn mặt đỏ bừng rờn rờn mồ hôi pha lẫn đất cát, lên đôi tay gân guốc rách tướp và lên bộ ngực rộng mệt mỏi và hõm sâu. Cú đập kính hoàng thường xuyên lặp đi lặp lại làm rung chuyển chiếc nôi hơi và buộc “kẻ nặng tai” phải gồng hết sức lực để trụ được trong một tư thế không thể tưởng tượng nổi. Cần diễn tả được bao nhiêu sự gắng sức căng thẳng đó thì tôi đã cố diễn tả hết.

Đôi lúc tôi buông bảng màu và cọ, ngồi xa khỏi bức tranh, đối diện nó. Tôi hài lòng vì nó, chưa bao giờ tôi đạt được cái gì như thứ khủng khiếp này. Chỉ khổ nỗi, sự hài lòng đó không xoa dịu tôi, mà hành hạ tôi. Đó không phải bức tranh còn chưa vẽ xong, mà là căn bệnh đang chín muồi. Nó sẽ đi đến đâu, tôi không biết, nhưng cảm thấy rằng sau bức tranh này tôi sẽ không còn gì để vẽ nữa. Những người bẫy chim, người câu cá, những người thợ săn với đủ loại biểu cảm và những kiểu dáng tiêu biểu nhất, tất cả “lãnh địa phong phú của thể loại” đó còn cần gì cho tôi bây giờ? Tôi chưa bao giờ có cái gì có thể gây tác động được như anh chàng “nặng tai” này, nếu như tôi gây tác động được...

Tôi bèn thử nghiệm: tôi gọi Dedov và cho anh ta xem bức tranh. Anh ta chỉ nói: “ôi, anh bạn” và phẩy tay. Dedov ngồi ngấm nghĩa nửa tiếng, sau đó lẳng lặng chia tay rồi bỏ đi. Hình như có tác động... Nhưng anh ấy dù sao cũng vẫn là họa sĩ.

Rồi tôi cũng ngồi trước bức tranh của mình, và nó tác động đến tôi. Tôi ngấm nhìn và không thể rời mắt khỏi nó, cảm nhận được cái thân hình mệt mỏi đó. Thậm chí đôi khi tôi nghe thấy tiếng búa đập... Tôi sẽ phát điên vì nó mất. Cần phải đem treo nó.

Giá vẽ và bức tranh đã được phủ vải che, nhưng tôi vẫn cứ ngồi trước nó, nghĩ ngợi mãi về cái điều mơ hồ nhưng kinh khủng đang giày vò tôi. Mặt trời đang lặn và một dải nắng vàng chiếu xiên khoan qua những tấm cửa kính ám bụi lên giá vẽ treo tấm tranh. Trông y như một hình người. Y như là Thỏ thần trong “Faust” mà các nghệ sĩ người Đức đã diễn tả.

...Wer ruft mich?[2]

[2] *Tiếng Đức: Ai gọi tôi? (ND).*

Ai gọi người ư? Ta, chính ta đã tạo ra người ở đây. Ta gọi người ra, nhưng không phải từ một “vũ trụ” nào đó, mà từ cái nôi hơi ngọt ngào tối tăm, để người làm cái đám đông sạch sẽ, béo mượt đáng ghét đó phải kinh hãi vì bộ dạng của người. Hãy tới đi, kẻ đã bị sức mạnh quyền năng của ta xiềng vào mặt vải, hãy từ đó mà nhìn vào những kẻ khoác áo đuôi tôm và áo đuôi dài, rồi hét lên với họ: Tôi là ung nhọt đang lan ra! Hãy đánh vào tim họ, làm họ mất ngủ! Hãy vươn dậy trước mắt họ như một bóng ma! Hãy giết chết sự bình yên của họ, như người đã giết chết sự bình yên của ta...

Nhưng dường như chẳng phải thế!.. Bức tranh hoàn tất, được lồng trong khung mạ vàng, hai người gác cửa sẽ đội nó lên đầu mang đến học viện để triển lãm. Rồi nó sẽ đứng giữa những “giữa trưa”, những “hoàng hôn”, bên cạnh “cô bé với con mèo”, không xa một bức khác rộng ba xagien với nhan đề “Ivan Hung để đâm cây trượng vào chân Vaska Shibarov”[3]. Không thể nói người ta không xem nó. Họ sẽ xem, và thậm chí còn khen ngợi. Các họa

sĩ bắt đầu phân tích bức tranh. Các nhà phê bình lắng nghe họ rồi gạch bút chì vào trong những cuốn sổ ghi chép. Riêng ngài V.S. không chịu nghe theo ai, ông xem tranh, tán thưởng, khen ngợi, bắt tay tôi. Nhà phê bình nghệ thuật L. sẽ tức giận xông tới “anh chàng nặng tai” tội nghiệp, sẽ kêu ầm lên: thế sự thanh nhã ở chỗ nào, anh nói đi, thanh nhã ở chỗ nào trong cái tranh này? Và chê tôi từng tí một. Công chúng... Công chúng đi ngang một cách thờ ơ hay với vẻ khó chịu. Các quý bà sẽ nói “cái anh chàng nặng tai này trông kinh quá” và lướt đến bức tranh kế tiếp, đến với “cô bé với con mèo”, ngắm nghía vào bảo: “thật là dễ thương” hay nói câu gì đó tương tự thế. Những quý ông lịch thiệp với những cặp mắt bò rừng nhìn lơ lảo, họ cúi xuống xem cuốn catalogue, phát ra những âm thanh không ra tiếng lảm bảm, cũng không hẳn tiếng phì phò, rồi an nhiên đi tiếp. Có lẽ may ra một chàng trai hay một thiếu nữ nào đó sẽ dừng lại xem chăm chú, và đọc được trong đôi mắt mệt mỏi đang đau khổ nhìn từ tấm vải kia tiếng kêu thét mà tôi đã đặt vào trong đó...

[3] Đề tài về Ivan Hung đế và Vaska Shibarov phát xuất từ bài thơ ballad của nhà thơ Nga thế kỷ XIX A.K.Tolstoy “Vasily Shibarov”: Shibarov là đầy tớ của công tước Kurbsky đang phải trốn chạy Ivan Hung đế. Shibarov mang thư của Kurbsky đến cho sa hoàng, bị sa hoàng đâm cây trượng vào chân, rồi sai người tra tấn để bắt khai về Kurbsky, nhưng Shibarov thà chịu chết để giữ lòng trung thành với chủ. (ND).

Rồi sau đó thì sao? Bức tranh được triển lãm, được mua và mang đi. Còn tôi sẽ thế nào đây? Những gì tôi trải qua trong những ngày qua sẽ biến mất không còn dấu vết sao? Chỉ một đợt sóng trào rồi mọi thứ kết thúc, rồi sau đó là nghỉ ngơi kiếm tìm những đề tài vô hại hay sao?.. Những đề tài vô hại! Tôi chợt nhớ một người quen quản lý phòng tranh lúc lập catalogue đã hét toáng lên với thư ký:

- Martynov, ghi đi! Số 112. Cảnh tình yêu thứ nhất: cô gái ngắt hoa hồng.

- Martynov, ghi tiếp đi! Số 113. Cảnh tình yêu thứ hai: cô gái gửi hoa hồng.

Tôi sẽ lại gửi hoa hồng như trước kia hay sao? Hay là nhảy xuống đường tàu?

VII

DEDOV

Ryabinin gần hoàn tất “Kẻ nặng tai” của mình và hôm nay gọi tôi đến xem. Tôi đến chỗ anh ta với sẵn một định kiến, và phải nói rằng, tôi đã phải thay đổi nó. Rất ấn tượng. Bức tranh tuyệt vời. Đường nét nổi bật. Nhất là ánh sáng vừa huyền ảo, đồng thời lại vừa chân thực cao độ. Bức tranh rõ ràng có những thành tựu, nếu như không mang chủ đề kỳ lạ, quái dị như vậy. L. hoàn toàn đồng ý với tôi, và tuần sau trên báo sẽ đăng bài của ông. Để xem Ryabinin lúc đó nói sao. Dĩ nhiên L khó phân tích tranh của anh ta trên phương diện kỹ thuật, nhưng ông ta có thể đề cập ý nghĩa của nó như của một tác phẩm nghệ thuật, một nghệ thuật không chịu để người ta hạ nó xuống phục vụ cho những tư tưởng thấp kém mù mờ nào đó.

Hôm nay L. đến chỗ tôi. Rất khen ngợi tôi. Ông đưa ra vài nhận xét cho những chi tiết nhỏ, nhưng nhìn chung rất khen ngợi. Giá như các giáo sư nhìn tranh của tôi bằng mắt của ông ta! Lẽ nào cuối cùng tôi không nhận được cái mà mỗi học sinh của học viện đều mong mỏi là tấm huy chương vàng sao? Huy chương, bốn năm sống ở nước ngoài, lại bằng tiền nhà nước, còn phía trước là chức giáo sư... Không, tôi đã không sai lầm khi từ bỏ cái công việc buồn tẻ tầm thường, công việc bản thủ, nơi trên mỗi bước đi đều vấp phải một “kẻ nặng tai” nào đó của Ryabinin.

VIII

RYABININ

Bức tranh đã được bán và mang về Moskva. Tôi nhận được tiền, và theo yêu cầu của bạn bè, phải tổ chức cho họ một buổi vui vẻ tại “Vienna”. Không biết có từ bao giờ, nhưng hầu như mọi tiệc tùng của những họa sĩ trẻ đều diễn ra trong căn phòng ở góc khách sạn này. Đó là một căn phòng lớn treo đèn chùm, với những chân nến bằng đồng, những thảm và đồ gỗ ám đen vì thời gian và vì khói thuốc, với chiếc dương cầm từng lao động cật lực trong thế kỷ này dưới những ngón tay lướt dạo của những nghệ sĩ dương cầm đầy ngẫu hứng. Chỉ có tấm gương lớn là mới, bởi nó được thay hai hay ba lần một năm, lần nào cũng là dịp thay cho các họa sĩ là đám thương gia tụ tập trong phòng góc.

Cả một đám người tập hợp ở đây: các họa sĩ chuyên vẽ cảnh sinh hoạt, các họa sĩ phong cảnh và các nhà điêu khắc, hai nhà phê bình của những tờ báo nhỏ nào đó, một số người ngoài. Mọi người bắt đầu uống và trò chuyện. Nửa tiếng sau tất cả đều tranh nhau nói, bởi ai cũng hứng khởi. Và tôi cũng vậy. Tôi nhớ mọi người đẩy tôi, và tôi phát biểu. Sau đó ôm hôn nhà phê bình và móc chéo tay cùng uống với anh ta. Chúng tôi uống, nói và hôn nhau rất nhiều và chia tay về nhà lúc bốn giờ sáng. Hình như có hai người ngủ lại luôn trong phòng góc của khách sạn “Vienna” đó.

Tôi khó khăn lắm mới lết về đến nhà, không thay quần áo nằm vật ra giường, cảm thấy như đang trông thành trên tàu thủy: hình như căn phòng đang đưa và xoay tròn cùng với cái giường và tôi. Điều này kéo dài chừng hai phút, sau đó tôi ngủ thiếp đi.

Tôi ngủ và thức dậy rất muộn. Đầu đau nhức, người nặng như đeo chì. Mãi

tôi mới mở nổi mắt, và khi đã mở mắt lập tức thấy giá vẽ: nó trống trơn, không có bức tranh. Nó nhắc tôi về những ngày đã trải qua, và mọi thứ lại bắt đầu trở lại... Ôi lạy Chúa tôi, phải kết thúc chuyện này thôi!

Đầu tôi càng đau nhức hơn, sương mù bao phủ tôi. Tôi thiếp ngủ, tỉnh dậy rồi lại thiếp ngủ. Tôi không biết xung quanh tôi là sự im lặng chết chóc hay là tiếng ồn inh tai điếc óc. Một sự hỗn loạn âm thanh, không bình thường, nghe rất sợ. Có thể đó là sự yên lặng, nhưng trong nó vẫn có cái gì đó keng keng, thỉnh thoảng, xoay tròn và bay lượn. Y như có một cái máy bơm lớn ngàn sức ngựa hút nước từ một vực sâu không đáy, đung đưa ồn ào, vang lên tiếng ào ào của nước đổ xuống và những tiếng máy chạy inh tai. Và trên tất cả là một nốt ngân dài vô tận, mệt mỏi. Tôi muốn mở mắt đứng dậy, đến bên cửa sổ để mở nó, lắng nghe những âm thanh sống động, tiếng người nói, tiếng xe chạy, tiếng chó sủa và thoát khỏi âm thanh kia. Nhưng không còn sức lực. Hôm qua tôi đã say khướt. Tôi đành phải nằm và lắng nghe, lắng nghe bất tận.

Rồi lại tỉnh giấc, rồi lại thiếp ngủ. Đầu đó lại đập thỉnh thoảng, rền vang chói tai hơn, gần hơn và rõ rệt hơn. Những cú đánh tiến lại gần và đập cùng với mạch đập của tôi. Chúng ở trong tôi, trong đầu tôi hay là ở ngoài tôi? Rền vang, chói gắt, rõ ràng... một - hai, một - hai... Nó đánh vào kim loại hay vào cái gì đó. Tôi nghe rõ tiếng đánh vào gang, gang kêu ùng ùng và rung lên. Tiếng búa ban đầu đờ đẫn, như đánh vào một đám bầy nhầy, rồi sau đó trong dần, trong dần và cuối cùng chiếc nồi hơi khổng lồ vang lên như chuông. Sau đó dừng lại, lại khe khẽ, to dần, to dần rồi lại inh tai nhức óc không chịu nổi. Hóa ra là thế này: ban đầu họ đánh vào sắt nóng chảy mới nung, sau đó nó đông lại. Và chiếc nồi hơi vang rền khi đầu đinh đã cứng lại. Hiểu rồi. Nhưng còn những tiếng động khác... Đó là cái gì vậy? Tôi cố hiểu xem đó là cái gì, nhưng não tôi bị một làn khói che phủ. Hình như đó là cái gì rất dễ nhớ, đã ám vào đầu, rất gần, nhưng chính xác là cái gì thì tôi không biết. Không tài nào tóm lấy được... Thôi kệ nó kêu, bỏ qua đi. Tôi biết, nhưng chỉ không nhớ mà thôi.

Tiếng ồn cứ tăng lên rồi lại giảm xuống, lúc lan rộng kinh hoàng, lúc lại như biến mất. Tôi có cảm tưởng không phải nó biến mất, mà là chính tôi lúc

đó biến đi đâu đó, không nghe được gì, không thể đung đậy ngón tay, mở mí mắt hay kêu lên. Tôi bị tê liệt, nỗi sợ hãi bao trùm lấy tôi, và tôi tỉnh giấc, người nóng rục. Tôi không tỉnh hẳn, mà đi vào một giấc mộng khác. Tôi thấy mình lại đang ở nhà máy, nhưng không phải nơi tôi đến cùng Dedov. Chỗ này rộng hơn và u ám hơn rất nhiều. Khắp các phía là những lò than khổng lồ hình thù quái dị. Lửa bắn ra từng chùm phủ muội khói lên những bức tường của tòa nhà vốn đã đen ngòm như than. Các cỗ máy đung đưa rên rỉ, và tôi khó khăn lắm mới len qua được giữa những bánh xe quay tít và những sợi dây cu-roa rung bần bật. Không có một bóng người. Đâu đó có tiếng gõ đập: ở đó đang làm việc. Ở đó có tiếng kêu điên dại và những tiếng đập điên dại: tôi sợ đi đến phía đó, nhưng vẫn bị tóm lấy lôi đi. Những tiếng đập càng lúc càng to hơn, tiếng kêu gào càng lúc càng kinh khủng hơn. Rồi tất cả nhập lại thành tiếng rống, và tôi trông thấy... Tôi trông thấy một sinh thể kỳ lạ, xấu xí đang quần quai trên mặt đất vì những cú đòn túi bụi từ tứ phía. Cả đám đông đánh, ai vớ được cái gì thì đánh bằng cái đó. Tất cả đều là người quen của tôi, với vẻ mặt hung hăng, họ dùng búa, xà beng, gậy, nắm đấm giáng vào sinh thể mà tôi chưa kịp đặt tên kia. Tôi biết, đó chính là anh ta... Tôi lao tới, muốn hét lên: “dừng lại! tại sao?”, nhưng bỗng thấy một khuôn mặt xanh mét, méo mó, đặc biệt kinh khủng. Kinh khủng, bởi vì đó là mặt của chính tôi. Tôi thấy chính tôi, một cái tôi khác, đang vung búa để giáng một đòn chí tử.

Rồi chiếc búa lao xuống sọ tôi. Mọi thứ biến mất. Trong một lúc tôi ý thức thêm được bóng tôi, sự tĩnh lặng, trống rỗng và bất động, rồi chính tôi sau đó cũng nhanh chóng biến đi đâu đó...

Ryabinin nằm bất tỉnh hoàn toàn đến tận chiều tối. Cuối cùng bà chủ nhà người Phần Lan nhớ ra rằng người thuê nhà hôm nay không ra khỏi phòng, đoán có chuyện bèn vào chỗ anh, và khi thấy chàng trai tội nghiệp vật vã nóng sốt, miệng lảm bảm đủ thứ linh tinh, thì sợ quá kêu lên bằng thứ phương ngữ khó hiểu của bà và sai cô bé con đi gọi bác sĩ. Bác sĩ tới nơi, thăm khám, sờ nắn, nghe ngóng, lảm bảm trong miệng, ngồi xuống bên bàn, và sau khi ghi đơn thuốc thì bỏ đi, còn Ryabinin tiếp tục mê sảng và vật vã.

IX

DEDOV

Anh chàng Ryabinin tội nghiệp phát bệnh sau cuộc truy hoan hôm qua. Tôi ghé thăm và thấy anh ta nằm mê man. Bà chủ nhà chăm sóc anh. Tôi phải đưa tiền cho bà ta, bởi trên bàn của Ryabinin chẳng còn một xu nào. Không biết mụ đàn bà quý quái kia đã lấy mất, hay có thể tất cả tiền đã tiêu hết ở chỗ khách sạn “Vienna” rồi. Thực ra hôm qua ăn uống rất tử tế, và rất vui. Tôi với Ryabinin đã ngoắc chéo tay uống với nhau. Tôi cũng uống với L. Cái ông L. đó thật tốt bụng và hiểu nghệ thuật làm sao! Trong bài báo mới đây ông đã rất tinh, hiểu được ý tôi muốn nói qua bức tranh của mình mà chưa ai hiểu được, vì thế tôi biết ơn ông sâu sắc. Cần phải vẽ một bức nho nhỏ, về cây cỏ ba lá chẳng hạn, đem tặng ông ấy. Mà quên, ông ấy tên Alexandr, chẳng phải mai là ngày lễ tên thánh của ông ấy sao?

Tuy nhiên Ryabinin có thể rất không may. Bức tranh tham gia dự thi của anh ta còn lâu mới xong, mà hạn nộp đã cận kề rồi. Nếu như anh ta ốm cả tháng, thì sẽ không nhận được huy chương. Khi đó sẽ phải vĩnh biệt chuyên ra nước ngoài! Tôi chỉ mừng một điều, rằng là một họa sĩ vẽ phong cảnh, tôi không cạnh tranh với anh ta, nhưng các bạn đồng môn của anh ta chắc hẳn sẽ được rảnh tay. Và sẽ nói: có dư thêm một suất.

Nhưng không thể để mặc Ryabinin vào tay số phận chuyên quyền, cần phải đưa anh ta đến bệnh viện.

X

RYABININ

Hôm nay tỉnh lại sau nhiều ngày mê man, rất lâu tôi mới hình dung được mình đang ở đâu. Đầu tiên tôi thậm chí không thể nhận ra cái cuộn dài dài màu trắng nằm trước mắt tôi chính là thân thể tôi đang được quấn trong chăn. Tôi quay đầu sang phải và sang trái một cách hết sức khó khăn, cảm thấy ù ù trong tai. Tôi thấy gian phòng dài sáng lờ mờ có kê hai dãy giường, những hình người bệnh đắp chăn nằm dài trên đó, một chàng hiệp sĩ nào đó mặc binh giáp bằng đồng đứng giữa hai ô cửa sổ lớn che rèm màu trắng, hóa ra chỉ là một cái bồn rửa mặt lớn bằng đồng, bức ảnh Chúa Jesus ở trong góc với một ngọn đèn thờ leo lét, hai lò sưởi kếpch xù ốp gạch men. Tôi nghe tiếng thở khe khẽ, đứt quãng của người giường bên, tiếng khò khè của một bệnh nhân nằm đâu đó xa hơn, lại thêm tiếng phì phò đều đặn và tiếng ngáy rền vang của người gác, chắc là được bố trí trực bên giường của người bệnh nguy kịch mà giờ có thể còn sống, hay có khi đã chết rồi nhưng vẫn nằm ở đây như chúng tôi, những người còn sống. Chúng tôi, những người còn sống... “Còn sống” - tôi nghĩ, thậm chí còn thì thào nói ra từ ấy. Và một cảm giác dễ chịu, sung sướng, yên bình đặc biệt mà tôi chưa từng trải qua từ thuở ấu thơ bỗng nhiên trào lên trong tôi cùng với ý thức rằng tôi còn lâu mới chết, rằng đằng trước tôi còn cả một cuộc đời mà tôi có lẽ sẽ biết cách xoay chuyển theo ý mình (Ồi chao! Có lẽ tôi sẽ biết cách). Và tôi, mặc dù rất khó nhọc, cố nghiêng người sang bên, co chân lại, kê tay dưới đầu và thiếp ngủ, y như hời còn bé, đôi khi tôi thức giấc bên bà mẹ đang ngủ, nghe tiếng gió gõ vào ô cửa sổ, tiếng bão rú rít qua ống khói, tiếng những cột gỗ rã rạc như súng nổ vì băng giá, và tôi bắt đầu khóc khe khẽ, sợ hãi đánh thức mẹ, rồi mẹ tỉnh dậy, ngái ngủ hôn tôi và làm dấu thánh giá, tôi yên lòng cuộn tròn mình, thiếp ngủ với một niềm hân hoan trong tâm hồn bé nhỏ.

Chúa ơi, tôi yêu đi làm sao! Hôm nay tôi thử đứng dậy và đi từ giường

mình sang giường đối diện của một anh sinh viên nào đó đang sắp khỏi bệnh nóng sốt. Tôi suyt ngã lúc đi mới đi được nửa quãng đường. Nhưng đầu óc khỏe lại nhanh hơn thân thể. Lúc tôi tỉnh dậy, tôi hầu như không nhớ được gì, thậm chí khó khăn lắm mới nhớ ra tên những người thân thiết nhất. Giờ đây mọi thứ đã quay trở lại, không như một hiện thực ở quá khứ, mà như một giấc mơ. Giấc mơ đó giờ đây không dẫn dắt tôi nữa. Cái cũ đã qua hẳn rồi.

Dedov hôm nay tha đến cho tôi một đồng báo, trong đó khen ngợi “Kẻ nặng tai” của tôi và “Buổi sáng” của anh ta. Chỉ mỗi L. là không khen tôi. Tuy nhiên điều này giờ đây chẳng có nghĩa lý gì nữa. Nó đã ở rất xa, rất xa với tôi. Tôi rất mừng cho Dedov. Anh nhận được huy chương vàng và sắp ra nước ngoài. Anh ta hài lòng, sung sướng không tả xiết, khuôn mặt bừng sáng như chiếc bánh blin trộn bơ. Anh ta hỏi tôi có định thi vào năm tới không, vì đợt này do bệnh mà bị lỡ? Phải thấy được anh ta trở mắt ra sao khi tôi nói “không”.

- Anh nghiêm túc đấy chứ?
- Hoàn toàn nghiêm túc - tôi đáp
- Thế anh định sẽ làm gì?
- Tôi còn phải xem đã.
- Anh ta ra về đây bản khoãn.

XI

DEDOV

Hai tuần nay tôi sống trong sương mù, hồi hộp, nao nức và chỉ giờ đây mới bình tĩnh lại được, khi đã ngồi trong toa tàu lửa trên tuyến Warsawa. Chính tôi cũng không tin vào bản thân mình: tôi, một người được học bổng học viện, một họa sĩ được ra nước ngoài bốn năm để hoàn thiện nghệ thuật. Vivat Academia![4]

[4] Tiếng Latin: Học viện muôn năm! (Đây cũng là một câu trong bài ca sinh viên nổi tiếng thời trung cổ ở châu Âu “Gaudeamus”) (ND).

Nhưng Ryabinin, Ryabinin! Hôm nay tôi gặp anh ta trên phố, lúc đang lên xe ngựa để ra ga. “Chúc mừng anh, anh ta nói, và anh cũng chúc mừng tôi đi”.

- Vì điều gì?

- Tôi vừa mới qua được kỳ thi tuyển vào trường sư phạm.

Vào trường sư phạm! Một họa sĩ, một tài năng thế kia! Rồi anh ta sẽ mất hút, sẽ chết rục ở làng quê thôi. Chao, cái con người này điên hay sao?

Lần này thì Dedov đúng. Ryabinin quả là không thành công. Nhưng về điều này, để khi nào khác sẽ nói.

Attalea Princeps

TRONG MỘT THÀNH PHỐ LỚN có một vườn thực vật, và trong khu vườn đó có một ngôi nhà làm từ sắt và kính. Nó rất đẹp: những cái cột xoắn ốc cân đối chống đỡ tòa nhà, trên đó là những cửa tò vò trở hoa văn thanh mảnh, kết lại với nhau bằng cả một hệ thống khung sắt được lắp kính. Ngôi nhà kính đặc biệt đẹp lúc mặt trời sắp lặn và tỏa ráng đỏ. Khi đó nó rực lên, những ánh đỏ chơi đùa, lấp lánh, hệt như trong một viên đá quý không lồ được chạm tinh xảo.

Xuyên qua những tấm kính dày trong suốt hiện ra những loài thực vật được trồng nhốt. Mặc dù nhà kính rất to, với chúng vẫn chật chội. Những rễ cây đan xen lẫn nhau, giành giật nhau hơi ẩm và thức ăn. Những cành cây chen lấn với những tán lá cọ khổng lồ, uốn cong, bẻ gãy chúng và bản thân mình cũng bị bẻ cong và gãy đổ. Những người làm vườn thường xuyên cắt cành, dùng dây buộc lá lại, để chúng không thể mọc tùy tiện, nhưng điều này chẳng giúp được bao nhiêu. Cây cối cần có những khoảng rộng, cần vùng đất quê hương và sự tự do. Chúng là cư dân của những xứ nhiệt đới, là những tạo vật dịu dàng, sang trọng, chúng u sầu nhớ thương quê nhà. Dẫu mái nhà kính rất trong, nhưng nó không phải là bầu trời tươi sáng. Đôi khi vào mùa đông, những tấm kính phủ kín băng, trong nhà kính hoàn toàn tối. Gió rú rít, đập vào làm các khung kính rung lên bần bật. Mái nhà phủ kín tuyết. Cây cối đứng nghe tiếng gió rít và nhớ về ngọn gió khác, ấm áp, ẩm ướt, đem lại cho chúng sự sống và sức khỏe. Chúng ước ao được cảm nhận lần nữa hơi thở của ngọn gió đó, ước ao được nó rung cành, vui đùa tán lá. Nhưng trong nhà kính không khí tù đọng, chỉ thi thoảng gió bão mùa đông giật tung một tấm kính, một luồng lạnh buốt, đầy hơi sương chui vào dưới mái vòm. Cái luồng lạnh đó đi đến đâu, lá cây tái nhợt, co lại và rũ xuống.

Nhưng người ta nhanh chóng lắp kính lại. Vườn bách thảo được điều hành

bởi một vị giám đốc bác học xuất sắc, ông không cho phép có bất cứ sự thiếu trật tự nào, mặc dù phần lớn thời gian ông bận rộn với chiếc kính hiển vi trong một buồng kính đặc biệt được xây trong nhà kính chính.

Trong số cây cối có một cây cọ, cao hơn và đẹp hơn tất cả những cây còn lại. Ông giám đốc ngồi trong buồng kính đã gọi nó theo tên Latin là Attalea! Nhưng tên đó không phải là tên bản địa của nó: đó là tên do các nhà sinh vật học nghĩ ra. Các nhà sinh vật học không biết tên bản địa, tên đó không được ghi bằng than trên tấm bảng nhỏ màu trắng gắn vào thân cây cọ. Người xuất thân từ xứ sở nóng nực, nơi cây cọ mọc lên, khi đến vườn thực vật, trông thấy nó liền mỉm cười, bởi nó gọi anh ta nhớ tới quê hương mình.

- A! Tôi biết cái cây này - Anh ta nói, và gọi nó bằng cái tên bản địa.

- Xin lỗi - ông giám đốc lúc đó đang chăm chú dùng dao cạo cắt một cái cuống nào đó trong buồng của mình liền kêu lên với anh ta - ngài nhầm rồi. Cái cây mà ngài vừa nói đó, không tồn tại. Đây là cây Attalea princeps, sinh ở Brazil.

- Ô vâng - anh chàng Brazil kia nói - tôi hoàn toàn tin ngài, đó là tên các nhà sinh vật học đặt cho nó - Attalea. Nhưng nó có tên bản địa, tên thật của mình.

- Tên thật của nó là tên mà khoa học đặt cho - nhà sinh vật học nói, giọng khô khan, và đóng sập cửa buồng để không bị làm phiền bởi những người chẳng hiểu điều đơn giản là khi người của khoa học nói gì đó thì phải im lặng và nghe lời.

Còn anh chàng người Brazil đứng ngấm nhìn rất lâu cái cây, cảm thấy càng lúc càng buồn hơn. Anh nhớ quê hương mình, nhớ ánh nắng và bầu trời nơi đó, nhớ những cánh rừng rậm đầy chim thú kỳ lạ, nhớ những hoang mạc, những đêm huyền diệu. Anh còn nhớ rằng mình chưa từng được hạnh phúc ở bất cứ nơi đâu ngoại trừ ở quê hương, mà anh thì đã đi khắp thế gian rồi.

Anh chạm tay vào cây cọ, như chia tay với nó, rồi rời khu vườn, và ngày hôm sau lên tàu thủy về nhà.

Còn cây cọ thì ở lại. Giờ đây nó càng cảm thấy nặng nề hơn, mặc dù trước chuyện này đã rất nặng nề rồi. Nó hoàn toàn một mình. Tán lá của nó vươn cao hơn những loài cây khác đến năm xagien, và những cây khác kia không ưa nó, ghen tị và cho nó kiêu ngạo. Độ cao chỉ đem lại cho nó toàn khổ đau. Ngoài ra, tất cả bọn kia đều cùng nhau, còn nó thì một mình, nó nhớ bầu trời quê hương mình rõ hơn, buồn thương về bầu trời đó nhiều hơn, bởi so với mọi cây khác, nó gần hơn cái thay thế cho bầu trời là cái mái bằng kính góm guốc kia. Xuyên qua cái mái đó đôi lúc có thể thấy cái gì đó xanh xanh: đó là bầu trời, dẫu xa lạ và nhợt nhạt, nhưng vẫn là một bầu trời xanh thực sự. Khi lũ cây cối tán chuyện với nhau, Attalea luôn im lặng, sâu muộn và chỉ nghĩ về một điều, giá như được đứng dưới bầu trời dẫu nhợt nhạt đó thì tuyệt biết bao.

- Làm ơn cho biết người ta sắp tưới chúng ta chưa? - một cây thiên tuế rất ưa ẩm ướt hỏi - Hôm nay tôi có lẽ sẽ chết khô mất.

- Tôi ngạc nhiên vì những lời của chị đấy, chị hàng xóm ạ - cây xương rồng béo phệ nói - Chẳng lẽ lượng nước lớn người ta tưới cho chị hàng ngày như thế vẫn còn ít hay sao? Nhìn tôi này: người ta cho tôi rất ít nước, mà tôi vẫn tươi mọng đây.

Chúng tôi quen được chăm sóc nâng niu - cây thiên tuế đáp lời - Chúng tôi không thể lớn trên thứ đất khô cằn của mấy thứ xương rồng nào đó. Chúng tôi không quen sống qua quít. Và ngoài ra, tôi xin nói thêm, không ai yêu cầu anh phải nhận xét cả.

Nói xong điều đó, cây thiên tuế tự ái im bật.

Còn tôi - cây nhục quế xen vào - tôi hoàn toàn hài lòng với tình trạng của

mình. Đúng là ở đây hơi buồn, nhưng tôi ít nhất tin rằng sẽ không ai bóc vỏ tôi.

- Nhưng có phải ai trong chúng ta cũng bị bóc vỏ đâu - Cây dương xỉ nói - Dĩ nhiên với nhiều kẻ, cái nhà tù này có thể là thiên đường so với sự tồn tại hèn kém của họ lúc tự do.

Tức thì cây quế quên mất việc mình bị bóc vỏ và hành hạ, bắt đầu tranh cãi. Một số cây ủng hộ nó, số khác ủng hộ cây dương xỉ, và bắt đầu một cuộc chửi rủa nhau gay gắt. Nếu như chúng có thể di chuyển được, chắc hẳn thế nào cũng đánh nhau.

- Cái bạn cãi cộ để làm gì? - Attalea nói - Chẳng lẽ như thế sẽ dễ chịu hơn sao? Các bạn chỉ làm tăng nỗi bất hạnh của mình vì giận dữ và cáu bẳn thôi. Tốt hơn hết là hãy ngưng cãi cộ và nghĩ ra biện pháp. Nghe tôi này: hãy vươn cao lên và rộng lên, xòe tán ra, đè lên các khung kính, cái nhà kính của chúng ta sẽ tung ra thành từng mảnh, và chúng ta sẽ được tự do. Nếu như một nhánh cây va vào kính, dĩ nhiên nó sẽ bị chặt đi, nhưng nếu như đó là hàng trăm thân cây mạnh mẽ và quả cảm thì sao? Cần phải hòa hợp với nhau, và chiến thắng sẽ thuộc về chúng ta.

Ban đầu không ai phản đối cây cọ: tất cả im lặng không biết phải nói gì. Cuối cùng cây thiên tuế quả quyết.

- Tất cả chỉ là vớ vẩn, - nó tuyên bố.

- Vớ vẩn! Vớ vẩn! - những cây khác lên tiếng, và tất cả đồng thanh chứng minh cho Attalea, rằng nó đưa ra một đề nghị vớ vẩn kinh khủng. - Đó là mơ ước hão huyền! - chúng kêu lên - Nhảm nhí! Điên rồ! Những cái khung rất chắc, ta không bao giờ bẻ gãy được chúng, mà nếu như làm gãy được, thì sao nào? Người ta sẽ mang dao và búa tới, chặt cành, hàn lại các khung, và mọi chuyện lại như cũ. Chỉ có khác là họ sẽ chặt mất của chúng ta cả khúc lớn...

- Thôi tùy các bạn thôi! - Attalea đáp - Bây giờ tôi biết mình phải làm gì. Tôi sẽ để các bạn yên: các bạn hãy sống như mình muốn, cấu chỉ lẫn nhau, cãi cọ vì từng gáo nước và mãi mãi ở lại dưới cái vòm kính này. Tôi sẽ một mình tìm đường cho mình. Tôi muốn được trông thấy bầu trời và mặt trời không phải qua những chấn song và những tấm kính như thế này. Và rồi tôi sẽ làm được!

Và cây cọ kiêu hãnh hướng ngọn cao xanh rờn nhìn cánh rừng bạn bè trải rộng bên dưới nó. Không ai dám nói gì với nó, chỉ cây thiên tuế khẽ rỉ tai cây mè bên cạnh:

- Để rồi xem, rồi người ta sẽ cắt cái ngọn lớn của cô ta, cho cô ta biết thân, đồ ngạo mạn!

Những cây khác mặc dù im lặng, nhưng cũng tức giận vì những lời lẽ kiêu hãnh của Attalea. Chỉ riêng một cây cỏ nhỏ khôngcáo giận với cây cọ và không tự ái vì những lời nó nói. Cây cỏ mảnh mai, nhợt nhạt, dặt dẹo với những chiếc lá dày rũ xuống. Khôngcó gì nổi bật ở nơi nó, nó được trồng trong nhà kính chỉ để che phủ đất. Nó lấy thân mình quán quanh chân cây cọ to lớn, lắng nghecây cọ và cảm thấy rằng Attalea đúng. Nó không biết thiên nhiên phương nam, nhưng nó cũng yêu không khí và tự do. Nhà kính đốivới nó là nhà tù. “Nếu như mình, một cây cỏ bé mọn èo uột, còn khổ đau vì thiếu một bầu trời xám, một mặt trời nhợt nhạt và mộtcon mưa lạnh lẽo, thì cái cây cường tráng tuyệt vời kia phải đau khổ chịu đựng sự mất tự do đến như thế nào! - nó nghĩ thế và dịudàng áp vào cây cọ, vuột ve. - Tại sao mình lại không là một cây lớn nhỉ? Mình sẽ nghe theo lời khuyên này. Mình sẽ cùng lớn lên vàcùng thoát ra ngoài tự do. Khi đó những kẻ khác sẽ thấy, rằng Attalea đúng!”

Nhưng nó không phải là một cây lớn, mà chỉ là một ngọn cỏ nhỏ bé èo uột. Nó chỉ có thể áp bên Attalea dịudàng hơn, thậmthì thổ lộ với cây cọ về tình yêu của nó và niềm khát khao hạnh phúc được thử thách.

- Dĩ nhiên, ở chỗ tôi không hẳn ẩm áp lắm, bầu trời không tươi sáng, những cơn mưa không tràn đầy như ở xứ sở của bạn, nhưng dù sao cũng vẫn có cả bầu trời, cả mặt trời, cả gió. Quê tôi không có những cây sum suê như bạn và bạn bè của bạn, vớinhững tán lá to và những bông hoa xinh đẹp, nhưng quê tôi lại có những cây rất tuyệt vời sinh trưởng là tùng, thông và bạch dương. Tôi chỉ là cây cỏ nhỏ, không bao giờ tới được tự do, nhưng bạn to lớn và mạnh mẽ thế kia! Thân của bạn chắc chắn, chẳng mấy chốc có thể vươn tới được mái nhà kính. Bạn sẽ phá vỡ nó và sẽ ra được với tự do. Khi đó bạn sẽ kể cho tôi rằng mọi thứ nơi đó vẫn tuyệt vời như từng có. Thế là tôi cũng sẽ vui sướng.

- Tại sao bạn, cây cỏ nhỏ ơi, lại không muốn thoát ra cùng với tôi? Thân tôi cứng và vững chãi, bạn hãy tựa vào nó, bò theo tôi. Với tôi, mang theo bạn nhẹ như không.

- Không được đâu, tôi đi đâu được! Bạn xem tôi èo uột và yếu ớt thế kia, tôi thậm chí không thể nhắc nổi một cái cành của mình. Không, tôi không phải là bạn đồng hành của bạn. Hãy lớn lên, hãy hạnh phúc. Chỉ xin bạn một điều, khi nào được tự do, thỉnh thoảng hãy nhớ tới người bạn bé nhỏ này của bạn!

Cây cọ bắt đầu lớn. Khách tham quan nhà kính ngạc nhiên vì độ cao của nó, nhưng mỗi tháng nó lại mỗi cao lên thêm. Ông giám đốc vườn thực vật ghi nhận việc lớn nhanh đó như sự tiến triển tốt, và tự hào về kiến thức mà ông đã sử dụng để xây dựng nhà kính và điều hành công việc.

- Quý vị nhìn cây *Attalea princeps* mà xem, - ông ta nói - Những phiên bản to lớn như thế này rất hiếm gặp ngay cả ở Brazil. Chúng tôi đã áp dụng các kiến thức để cho cây phát triển trong điều kiện hoàn toàn ẩm áp và tự do giống như ngoài tự nhiên, và có lẽ chúng tôi đã đạt được một số thành công.

Vừa nói ông vừa gõ cái can của mình vào thân cây với vẻ hài lòng, những

cú gõ vang to trong nhà kính. Những chiếc lá cọ rùng mình vì những cú gõ đó. Giả như mà nó có thể kêu lên, thì ông giám đốc có thể nghe thấy được tiếng gầm phẫn nộ như thế nào!

“Lão ta tưởng mình lớn để làm hài lòng lão đây - Attalea nghĩ - Cứ để lão tưởng thế!...”

Và nó cứ lớn, tiêu hết nhựa sống chỉ để có thể vươn lên cao, chẳng còn gì cho rễ và lá. Đôi khi nó có cảm giác rằng khoảng cách đến mái vòm không giảm đi, thế là lại căng hết sức lực. Những khung sắt càng lúc càng gần, rồi cuối cùng một chiếc lá non đã chạm vào mặt kính và sắt lạnh lẽo.

- Nhìn kìa, nhìn kìa - lũ cây cối thốt lên - cô ta đã đến tới nơi kìa! Chẳng lẽ cô ta làm thật?

- Cô ta cao lên kinh khủng làm sao, - cây dương xỉ nói.

- Cao lên thì sao! Thật chưa từng thấy! Nhưng giá mà cô ta biết cách mập ra như tôi! - cây nhục quế to béo, thân tròn như cái thùng, nói - Rồi sẽ đi đến đâu? Đàng nào cũng chẳng làm gì được đâu. Các chấn song rất chắc, và kính thì dày.

Một tháng nữa trôi qua, Attalea vươn lên. Cuối cùng nó đã tựa hẳn vào khung sắt, không còn lớn thêm vào đâu được nữa. Thân nó bắt đầu cong lại. Vòm lá bị dồn ép lại, những thanh sắt chọc vào những chiếc lá non tơ, cắt đứt và xé rách chúng, nhưng cái cây bướng bỉnh, không thương tiếc lá, bắt chấp mọi thứ, cứ ra sức ép vào các chấn song, và những chấn song bị bẻ cong cho dù được làm bằng sắt rất chắc.

Cây cỏ nhỏ theo dõi cuộc chiến, lặng người vì lo lắng.

- Hãy nói tôi biết đi, chẳng lẽ bạn không thấy đau sao? Nếu như những cái khung chắc thế kia, thì lùi lại chút chẳng hơn sao? - nó hỏi cây cọ.

- Đau ư? Đau có là gì khi tôi muốn được ra với tự do? Chẳng phải chính bạn đã tán thành tôi hay sao? - cây cọ đáp.

- Phải, tôi đã tán thành, nhưng tôi không biết rằng việc này khó như thế. Tôi thấy thương bạn. Bạn đau đớn như thế.

- Hãy im đi, anh bạn yếu đuối kia! Đừng thương xót tôi! Tôi hoặc chết, hoặc được tự do!

Đúng lúc đó rầm vang một tiếng đổ vỡ. Một thanh sắt to bị gãy, những tấm kính vỡ tung rơi âm âm. Một mảnh văng vào mũ của ông giám đốc đang bước ra khỏi nhà kính.

- Chuyện gì vậy? - ông ta kêu lên, rùng mình khi thấy những mảnh thủy tinh bay trong không trung. Ông ta chạy khỏi nhà kính và nhìn lên mái. Phía trên mái vòm, ngọn cọ đang vươn lên xanh rờn, kiêu hãnh nghễu nghện.

“Chỉ có thể thôi ư? - cây cọ nghĩ - Là tất cả cái, mà vì nó mình đã vất vả đau khổ bao lâu nay đây ư? Là cái mà việc đạt được nó đã trở thành mục đích cao nhất của mình đây ư?”

Đang vào lúc cuối thu khi Attalea vươn ngọn của mình qua lỗ hồng bị vỡ. Lắc rắc mưa phùn xen lẫn tuyết rơi, gió thổi những cuộn mây xám sà thấp xuống. Cây cọ cảm giác như chúng quán lấy nó. Các loài cây bên ngoài đã trút hết lá, trông như những con ma xấu xí. Chỉ trên những cây thông, cây tùng vẫn còn những chiếc lá kim xanh sẫm. Lũ cây cối rầu rĩ nhìn cây cọ: “Bạn sẽ chết công thôi! - chúng như nói với nó - Bạn không biết băng giá là thế nào đâu. Bạn không biết cách chống đỡ. Bạn ra khỏi nhà kính làm gì cơ chứ?”

Và Attalea hiểu ra, rằng với nó mọi thứ đã kết thúc. Nó lạnh cứng. Quay về lại dưới mái vòm ư? Nhưng nó đã không thể quay lại được nữa. Nó phải

đứng chịu trận trong gió lạnh, cảm nhận những cơn cuồng phong và những hạt tuyết sắc buốt, nhìn lên bầu trời nhem nhuốc, nhìn ra thiên nhiên thảm hại, ra cái sân sau của vườn thực vật, ra cái thành phố lớn buồn tẻ hiện ra trong sương mù, và chờ đợi, trong khi những con người ở dưới kia, trong nhà kính, còn chưa quyết được là nên làm gì với nó.

Ông giám đốc ra lệnh chặt cái cây.

- Có thể cho dựng một cái mái riêng lên trên nó, - ông ta nói - nhưng liệu được bao lâu? Nó sẽ lại lớn lên và làm gãy đổ hết. Hơn nữa như thế sẽ rất tốn kém. Thôi thưa nó đi!

Người ta lấy dây chèo buộc cây cọ, để khi nó ngã xuống không làm đổ tường nhà kính, rồi cưa nó ở phía dưới, ngay sát gốc. Cây cỏ nhỏ bám vào thân cây vì không muốn chia lìa bạn mình cũng không thoát khỏi lưỡi cưa. Khi người ta lôi cây cọ ra khỏi nhà kính, chỗ gốc cây bị cưa vương vãi những mảnh vụn và lá cây bị vò nhàu, xé nát.

- Nhỏ cái thứ đồ bỏ này vứt đi - ông giám đốc nói - Nó cũng đã vàng rồi và lưỡi cưa làm nó hỏng hẳn rồi. Đem một cây mới nào đó trồng vào chỗ này.

Một người thợ làm vườn khéo léo dùng thuổng xắn một phát xúc lên cả ôm cỏ. Anh ta ném nó vào trong giỏ, mang vứt ra sân sau, ngay trên thân cây cọ chết đang nằm trong bùn đất và đã bị tuyết phủ lên một nửa.

Bông hoa đỏ

Tưởng niệm Ivan Sergeevich Turgenev

I

- **THỪA LỆNH HOÀNG THUỢNG**, đức Hoàng đế Piotr đệ Nhất, tôi tuyên bố thanh tra trại tâm thần này!

Những lời này được phát ra bằng một giọng to, chói, vang rền. Người thu lại của bệnh viện ngồi sau chiếc bàn lâm đầy mực đang ghi tên bệnh nhân vào một cuốn sổ đăng ký to tướng không nén được nụ cười. Nhưng hai người trẻ tuổi áp tải bệnh nhân thì không cười. Họ đang cố gắng đứng vững sau hai ngày đêm không ngủ, vật lộn với người điên mà họ vừa đưa về bằng tàu hỏa. Ở ga áp cuối, con điên trở nặng, họ kiếm được đâu đó cái áo dành cho người điên, gọi những người soát vé và cảnh sát giúp để mặc vào cho bệnh nhân. Cứ thế dẫn anh ta vào thành phố và cứ thế đưa vào bệnh viện.

Anh ta trông rất kinh khủng. Phía trên là chiếc áo khoác bằng vải bố thô đã bị xé thành từng mảnh lúc lên cơn, phanh ra ôm lấy thân hình, hai tay áo dài thuôn bó tay anh ta bắt chéo trước ngực và được buộc lại ở đằng sau. Đôi mắt đỏ mọng mở to (anh ta không ngủ mười ngày rồi) cháy lên ánh sáng nóng bỏng bất động, cơn động kinh làm khóe môi dưới giật giật. Mái tóc xoắn rối bù xõa từng lọn trên trán. Anh ta đi qua đi lại trong văn phòng với những bước chân nhanh nhanh, nặng nề, tò mò xem xét những chiếc tủ giấy tờ cũ kỹ và những chiếc ghế bọc vải sơn, thỉnh thoảng lại liếc nhìn những người đồng hành của mình.

- Đưa anh ta về trại. Rẽ bên phải.

- Tôi biết rồi, biết rồi. Tôi đã ở đây với các ông năm ngoái. Chúng ta đã xem xét bệnh viện. Tôi biết hết rồi, đừng hòng mà lừa được tôi - Bệnh nhân nói.

Anh ta đi về phía cửa. Người gác mở cửa cho anh ta. Vẫn với dáng đi nhanh, nặng và quả quyết, mái đầu loạn trí ngẩng cao, anh ta bước ra khỏi văn phòng và gần như chạy về bên phải, vào khu bệnh tâm thần. Những người dẫn giải anh ta khó khăn lắm mới theo kịp.

- Nhân chuông đi. Tôi thì không thể. Các người trói tay tôi rồi.

Người gác mở cửa, và họ vào bên trong bệnh viện.

Đó là một tòa nhà lớn bằng đá xây theo kiểu cũ khuôn sáo. Hai gian lớn, một làm phòng ăn, một dành chung cho các bệnh nhân hiền lành, một hành lang rộng với cánh cửa bằng kính dẫn ra vườn hoa, và hai chục phòng bệnh nằm ở tầng dưới. Ở đây còn có hai buồng tối, một phòng lót đệm, phòng kia lót gỗ ván, là nơi để nhốt các bệnh nhân hung dữ, và một căn phòng u ám lớn có các cửa tò vò là nhà tắm. Tầng trên là của phụ nữ. Tiếng ồn ào đứt quãng bởi những tiếng rú rít, la khóc vang ra từ đó. Bệnh viện được xây dựng cho tám mươi người, nhưng bởi nó phục vụ cho mấy tỉnh lân cận, nên có đến ba trăm người bị nhét vào đây. Trong mỗi căn buồng nhỏ kê từ bốn đến năm giường. Vào mùa đông, khi bệnh nhân không được ra vườn và tất cả các cửa sổ có song sắt thường bị đóng chặt, trong bệnh viện ngột ngạt không chịu nổi.

Bệnh nhân mới được đưa vào phòng tắm. Đối với một người khỏe mạnh, căn phòng này có thể gây ấn tượng nặng nề, còn với một đầu óc điên loạn, kích động thì nó còn tác động nặng nề hơn nhiều. Đó là một căn phòng có các cửa tò vò, sàn trơn ướt, chỉ trở một ô cửa sổ duy nhất ở trong góc lấy ánh sáng. Những bức tường và các ô tò vò được sơn màu đỏ sẫm. Ở dưới thấp ngang với sàn nhà cấu bần đen thui là hai bồn tắm bằng đá, như hai cái hồ hình ô van chứa nước. Một lò lớn bằng đồng với chiếc thùng hình trụ để đun nước cùng một hệ thống ống và van bằng đồng chiếm một góc đối diện cửa sổ. Với người điên, mọi thứ đều mang vẻ âm đạm, ma quái. Và người

trông nom buông tằm - một anh chàng người Ukraina to béo, muôn thuở
lâm lì không nói, với bộ dạng u ám - lại càng làm tăng thêm ấn tượng này.

Khi bệnh nhân được đưa tới căn phòng khủng khiếp này để tằm và được đặt
một miếng cao dán lớn sau gáy theo quy trình điều trị của bác sĩ bệnh viện,
thì anh ta kinh hoảng và giận dữ. Những ý nghĩ cuồng dại, càng lúc càng
kinh khủng hơn, quay cuồng trong đầu anh ta. Cái gì đây? Pháp đình ư? Nơi
hành hình bí mật, nơi kẻ thù kết liễu cuộc đời anh ta sao? Hay có thể đây
chính là địa ngục? Cuối cùng thì anh ta đã hiểu cuộc tra tấn này là gì. Người
ta cởi bỏ quần áo anh ta, bất chấp sự chống đối tuyệt vọng. Bằng sức mạnh
tăng gấp đôi do cơn bệnh, anh ta dễ dàng vùng thoát khỏi tay của các hộ lý,
khiến họ ngã lăn ra sàn. Cuối cùng bốn người xông vào vật anh ta ra, túm
lấy chân tay và thả xuống nước ấm. Anh ta thấy nóng bỏng, và trong cái
đầu điên loạn thoáng ý tưởng rời rạc về cuộc hành hình bằng dầu sôi và sắt
nung. Bị sặc nước và giãy giụa tay chân đang bị các hộ lý giữ chặt, anh ta
vừa thở hổn hển vừa la hét những câu rời rạc không nghe ra cái gì, cả những
lời cầu nguyện lẫn những câu nguyên rủa. Anh ta la hét đến khi kiệt sức, và
cuối cùng, dàn dựa nước mắt nóng bỏng, khẽ nói một câu hoàn toàn chẳng
liên quan tới những lời trước đó:

- Lạy Thánh Georgy tuần tử! Con xin dâng mình con vào tay Người. Còn
linh hồn con thì... không, ôi không!

Những người hộ lý vẫn giữ anh ta cho đến lúc yên lại. Nước ấm và túi đá
chườm được đặt lên đầu đã có tác dụng. Nhưng trong lúc anh ta gần như đã
ngất xỉu được lôi lên khỏi mặt nước và đặt lên chiếc ghế dài để dán cao dán,
chút sức tàn và những ý tưởng rò dại lại bùng lên.

- Tại sao? Tại sao? - anh ta hét lên - Tôi đâu muốn hại ai. Tại sao lại giết
tôi? Ôi ôi ôi! Ôi Chúa ơi! Ôi, Người đã chịu khổ nạn trước con, con xin
Người hãy giải thoát cho con...

Miếng cao nóng rát chạm vào gáy khiến anh ta vùng vẫy ghê gớm. Những

hộ lý không thể giữ anh ta và không biết phải làm sao.

- Không thể làm gì được đâu - một người lính chỉ huy công việc bảo - Phải dẹp đi thôi!

Những lời đơn giản ấy lại làm bệnh nhân rùng mình. “Dẹp đi!.. Dẹp cái gì đi? Dẹp ai đi? Dẹp mình chứ ai!” - anh ta nghĩ, kinh hoàng nhắm tịt mắt. Người lính cầm hai đầu chiếc khăn vải thô ần mạnh, nhanh nhẹn túm lấy gáy anh, giật miếng cao dán cùng với lớp da bên ngoài, để lộ vết trọt đỏ. Con đau do thủ thuật đó đối với người khỏe mạnh bình thường còn không chịu nổi, thì đối với bệnh nhân dường như là tận thế. Anh ta tuyệt vọng gồng cả thân hình lên, tuột khỏi tay những người hộ lý, và thân thể lỏa lồ của anh ta lăn xuống những bệ đá. Anh tưởng rằng người ta chặt đầu anh. Anh muốn hét lên nhưng không thể. Người ta mang anh ta về giường trong trạng thái bất tỉnh, mà sau đó chuyển thành một giấc ngủ dài, sâu, mê mết như chết.

II

ANH TỈNH DẬY LÚC NỬA ĐÊM. Mọi thứ đều yên tĩnh, từ phòng lớn bên cạnh vang lên tiếng thở của những bệnh nhân đang ngủ. Xa xa đâu đó, một bệnh nhân ban đêm bị nhốt vào phòng tối đang tự nói chuyện với mình bằng một giọng đơn điệu, kỳ lạ. Còn ở khu trại nữ trên gác, một giọng trầm khàn khàn hát một bài ca hoang dại nào đó. Người bệnh lắng nghe những âm thanh đó. Anh cảm thấy tay chân yếu mệt rã rời kinh khủng, còn cổ thì rất đau đớn.

“Mình đang ở đâu đây? Chuyện gì xảy ra với mình vậy?” - ý nghĩ thoáng trong đầu. Bỗng nhiên, anh hình dung một cách rõ ràng kỳ lạ tháng cuối của cuộc đời mình, anh hiểu mình đang ốm, và ốm bệnh gì. Anh nhớ ra hàng loạt những ý tưởng, những lời nói và hành vi điên loạn của mình, và cảm thấy run rẩy cả người.

- Nhưng điều này đã kết thúc rồi, ơn Chúa, đã kết thúc rồi! - anh thì thầm và lại thiếp đi.

Ô cửa sổ có song sắt mở nhìn ra một ngõ hẻm nằm giữa những tòa nhà lớn và một bức tường rào bằng đá. Chẳng bao giờ có ai đi vào cái ngõ đó, nên nó mọc đầy những bụi cây dại và hoa tử đinh hương đang mùa nở rộ... Sau những bụi cây ngay đối diện cửa sổ là bức tường rào cao tối sẫm, những ngọn cây của khu vườn lớn thắm đẫm ánh trăng hiện ra phía sau nó. Phía bên phải nhô lên tòa nhà bệnh viện màu trắng với những ô cửa sổ chấn song sắt sáng đèn bên trong. Phía bên trái là bức tường nhà xác trắng lờ mờ, sáng lên nhờ ánh trăng. Ánh trăng xuyên qua song cửa vào trong phòng, đổ xuống sàn và soi sáng một góc giường cùng khuôn mặt mệt mỏi tái nhợt với đôi mắt nhắm nghiền của người bệnh, không mê ngủ, không chút động đậy

và gần như không tiếng thở. Trong vài khoảnh khắc anh ta hoàn toàn tỉnh trí như người khỏe mạnh, rồi đến sáng tinh dậy trên giường lại điên loạn như trước.

III

- **ANH CẢM THẤY TRONG NGƯỜI THẾ NÀO?** - ngày hôm sau, bác sĩ hỏi thăm.

Người bệnh vừa thức giấc, còn nằm trong chăn.

- Tuyệt lắm! - anh ta đáp lại, vùng dậy, xỏ dép và vớ lấy áo choàng. - Tuyệt lắm! Chỉ mỗi tội cái này!

Anh chỉ vào gáy mình.

- Tôi không thể quay cổ mà không bị đau. Nhưng không sao, mọi thứ đều ổn nếu như ông hiểu được nó, mà tôi thì hiểu.

- Thế anh có biết mình đang ở đâu không?

- Dĩ nhiên là biết chứ, bác sĩ! Tôi đang ở nhà thương điên. Nhưng nếu như hiểu được, thì điều này hoàn toàn bình thườngthôi, hoàn toàn bình thường.

Bác sĩ chăm chú nhìn vào mắt anh ta. Khuôn mặt điển trai của anh ta với bộ râu vàng óng được chải rất đẹp và đôi mắt xanhbiếc bình thản nhìn xuyên qua cặp kính gọng vàng trông bất động và kín như bưng. Ông bác sĩ thăm khám bệnh nhân.

- Sao ông nhìn tôi kỹ thế? Ông không đọc được điều trong đầu tôi đâu - người bệnh nói tiếp - còn tôi thì biết rõ cái trongđầu ông! Tại sao ông lại làm điều ác? Tại sao ông lại gom những người bất hạnh này và giam giữ họ ở đây? Với tôi thì sao cũngđược, tôi hiểu và bình tĩnh, nhưng còn họ? Hành

hạ họ để làm gì? Với người đã đạt được tư tưởng vĩ đại, tư tưởng chung nhất ở trong tâm hồn thì sống ở đâu, cảm thấy cái gì không còn quan trọng nữa. Thậm chí sống hay là không sống... Phải thế không nào?

- Có thể - bác sĩ đáp và ngồi xuống chiếc ghế trong góc phòng để có thể nhìn ngắm bệnh nhân đang nhanh nhẹn đi lại từ góc này sang góc kia, loẹt xoẹt đôi dép to bằng da ngựa và phanh hai vạt áo choàng với những sọc rộng màu đỏ và những bông hoa to. Người y sĩ và viên giám thị đi cùng bác sĩ vẫn đứng nghiêm bên cửa.

- Tôi có tư tưởng đấy! - người bệnh thốt lên - Khi tôi tìm ra nó, tôi cảm thấy mình như được tái sinh. Cảm xúc trở nên sắc sảo hơn, não hoạt động như chưa bao giờ được thế. Điều trước kia chỉ đạt được bằng con đường tư duy và suy luận, thì bây giờ tôi nhận thức được bằng trực giác. Tôi đã thực sự đạt tới cái mà triết học đã phải trau giồi mới có. Tôi sống với những tư tưởng lớn lao, rằng không gian và thời gian chỉ là những thứ hư ảo. Tôi sống ở mọi thế kỷ. Tôi vượt ra ngoài không gian, nếu muốn, tôi có thể ở mọi nơi và cũng không ở nơi nào. Bởi vậy các người giữ tôi ở đây hay thả tôi ra, để tôi tự do hay trói tôi lại, với tôi đều như nhau cả. Tôi để ý thấy ở đây có một số người cũng được như thế. Nhưng đối với đa số còn lại, tình trạng này thật kinh khủng. Tại sao các ông không thả họ ra? Ai cần...

- Anh nói rằng mình sống vượt ra ngoài thời gian và không gian, - vị bác sĩ ngắt lời - Tuy nhiên không thể không thừa nhận rằng tôi với anh hiện đang ở trong căn phòng này, và bây giờ - ông rút đồng hồ ra - là mười giờ rưỡi ngày sáu tháng năm năm 18**. Anh nghĩ sao về điều này?

- Không nghĩ gì cả, với tôi sống ở đâu và lúc nào đều như nhau. Nếu như với tôi mọi thứ đều như nhau như thế, chẳng phải tôi ở mọi nơi và mọi lúc hay sao?

Bác sĩ phì cười.

- Một logic hiểm có - ông nói và đứng dậy - Dù sao anh cũng có lý. Thôi chào anh nhé. Anh có muốn hút thuốc không?

- Cảm ơn ông. - Anh ta dừng lại, cầm điều xì gà và nóng nảy cắn vào đầu điều thuốc - Điều thuốc này cũng giúp suy nghĩ, - anh ta nói - Đó là thể giới, một tiểu vũ trụ: một đầu là chất kiềm, đầu kia là axít... Đó cũng là sự cân bằng của thể giới, trong đó mọi nguyên lý đối lập sẽ được trung hòa. Tạm biệt bác sĩ!

Vị bác sĩ đi tiếp. Phần lớn bệnh nhân chờ đợi ông, họ nhô người ra khỏi giường của mình. Không một vị thủ trưởng nào có được sự vị nể của thuộc cấp như ông bác sĩ thần kinh có được nơi các bệnh nhân điên của mình.

Người bệnh của chúng ta ở lại một mình, tiếp tục đi lại không ngừng trong buồng bệnh. Người ta mang trà tới, anh ta không ngồi xuống, tợp hai hớp hết một ca to và gần như trong khoảnh khắc ăn hết miếng bánh mì trắng to. Sau đó anh ra khỏi phòng và đi lại không nghỉ mấy tiếng đồng hồ từ đầu này đến đầu kia của cả tòa nhà, với những bước chân nhanh nhanh, nặng nề. Trời mưa, các bệnh nhân không được ra vườn. Khi người y sĩ đi tìm bệnh nhân mới, người ta chỉ vào cuối hành lang: anh ta đang đứng ở đó, áp mặt vào tấm cửa kính dẫn ra vườn và chăm chú nhìn bồn hoa. Thu hút sự chú ý của anh ta là một bông hoa đỏ thắm thuộc loài anh túc.

- Mời anh đi cân - người y sĩ nói, chạm vào vai anh ta.

Khi người bệnh quay mặt lại, viên y sĩ suýt bật lui vì kinh hãi: biết bao giận dữ, căm hờn cháy rục trong đôi mắt điên dại. Nhưng khi nhìn thấy y sĩ, anh ta lập tức thay đổi nét mặt và ngoan ngoãn đi theo ông, không nói năng gì, như đang chìm đắm trong suy tư. Họ đi đến phòng bác sĩ. Người bệnh tự mình đứng lên bàn cân: viên y sĩ cân cho anh ta, ghi vào sổ bên cạnh tên anh ta con số 109 phun-tơ[1]. Ngày hôm sau là 107, hôm thứ ba là 106.

[1] 1 phun-tơ (funt: cân Anh) = 453,6gam (ND).

- Nếu cứ tiếp tục như vậy, anh ta sẽ không sống được, - bác sĩ nói và ra lệnh cho anh ta ăn uống tốt hết mức.

Nhưng mặc dù thế và mặc dù người bệnh ăn ngon miệng khác thường, anh ta vẫn gầy đi mỗi ngày, và viên y sĩ mỗi ngày lại ghi những số phun-tơ nhỏ hơn, nhỏ hơn. Người bệnh hầu như không ngủ, suốt ngày đi lại không ngừng.

IV

ANH Ý THỨC ĐƯỢC MÌNH ĐANG ở trong nhà thương điên, anh thậm chí ý thức được rằng mình đang ốm. Đôi khi, như trong đêm đầu tiên, anh thức giấc giữa không gian tĩnh lặng sau một ngày vận động hùng hục, cảm thấy tay chân rã rời và đầu nặng trĩu khiếp, nhưng hoàn toàn tỉnh táo. Có thể, hoạt động yếu ớt của bộ não nơi con người vừa mới tỉnh thức đã làm cho anh trong những phút đó hiểu rất rõ tình trạng của mình và trở nên rất khỏe mạnh. Nhưng khi ngày tới, cùng với ánh sáng mặt trời và sự sôi động của cuộc sống trong bệnh viện, thì những cảm xúc lại như cơn sóng bao trùm lấy anh. Bộ não bệnh tật không thể xử lý được chúng, và anh lại thành thẳng điên. Tình trạng của anh là một sự hòa trộn kỳ lạ giữa những suy luận đúng đắn với những hoang tưởng. Anh hiểu rằng xung quanh anh tất cả đều là bệnh nhân, nhưng đồng thời nhìn thấy ở mỗi người trong số họ một khuôn mặt bí ẩn hay đang được che dấu, mà trước kia anh từng biết, hay từng đọc hay từng nghe nói. Cư trú trong bệnh viện là những con người của mọi thời đại và mọi xứ sở. Ở đây có cả người sống lẫn người chết. Ở đây có những thế lực mạnh mẽ và nổi tiếng, có những người lính bị giết trong cuộc chiến gần đây được phục sinh. Anh nhìn thấy mình ở trong thế giới thần tiên, ma thuật nào đó, tập hợp vào trong mình tất cả sức mạnh của thế gian, và trong cơn phấn khích cao ngạo, anh cho rằng mình là trung tâm của thế giới đó. Tất cả họ, những người đồng chí trong bệnh viện của anh, tập hợp tại đây để hoàn thành một sứ mệnh, mà anh hình dung lơ mơ là một việc làm vĩ đại nhằm tiêu diệt cái ác trên thế gian. Anh không biết việc đó sẽ diễn ra như thế nào, nhưng cảm thấy mình có đủ sức lực để thực hiện nó. Anh có thể đọc được ý nghĩ của người khác, nhìn thấy trong các sự vật tất cả lịch sử của chúng. Những cây du to lớn trong khu vườn của bệnh viện kể cho anh nghe bao huyền thoại về những điều đã qua. Tòa nhà, quả thực đã được xây từ khá lâu rồi, đối với anh là công trình của Piotr Đại đế, và anh

tin rằng hoàng đế đã sống ở nơi đây vào thời gian đánh trận Poltava[2]. Anh đọc thấy điều đó trên các bức tường, trên lớp vữa đã bong, trên những mẫu gạch thẻ và những viên gạch men mà anh tìm thấy trong vườn. Toàn bộ lịch sử tòa nhà được ghi lại trên chúng. Anh đưa hàng chục, hàng trăm người đã chết từ lâu vào trong căn nhà xác bé nhỏ. Anh chăm chú nhìn vào ô cửa trở từ tầng hầm nhà xác ra vườn và trông thấy dưới ánh sáng phản chiếu nhập nhoạng qua lớp kính cũ kỹ đầy bụi bẩn những gương mặt quen thuộc anh đã gặp đây đó trong đời hay trên những bức chân dung.

[2] Trận Poltava là trận đánh lớn diễn ra ngày 27/6 (tức 8/7 theo lịch hiện hành) năm 1709, giữa một bên là quân đội Nga dưới sự chỉ huy của hoàng đế Piotr I với bên kia là quân Thụy Điển của hoàng đế Charles XII, kết thúc với chiến thắng của phía Nga (ND).

Trong khi đó, trời nắng ấm lại, các bệnh nhân cả ngày được dạo chơi trong vườn. Khu vườn của họ không rộng, nhưng cây cối rậm rạp, và khắp nơi, chỗ nào có thể, đều được trồng hoa. Người giám thị bắt tất cả những ai còn khả năng lao động ra làm việc trong vườn. Cả ngày họ quét tước, rải cát trên lối đi, giẫy cỏ và tưới nước cho những luống hoa, luống dưa chuột, dưa hấu và dưa bở mà họ tự tay vun trồng. Góc vườn mọc đầy anh đào, dọc theo nó là hàng cây du, còn ở giữa vườn, trên một ngọn giả sơn là một bồn hoa đẹp nhất cả vườn: những bông hoa rực rỡ mọc ngoài rìa khoảng đất phía trên, còn ở chính giữa là một bông thược dược loại hiếm gặp, rất to với những cánh vàng chàm đỏ đang khoe sắc. Nó trở thành trung tâm của cả khu vườn, vượt trội hơn tất cả, và có thể nhận thấy nhiều bệnh nhân gán cho nó một ý nghĩa bí ẩn nào đó. Đối với bệnh nhân mới, nó cũng có vẻ gì đó không hoàn toàn bình thường, như một tượng đài thần linh của khu vườn và của tòa nhà. Ven mọi lối đi cũng đều được các bệnh nhân trồng hoa. Đủ mọi loại hoa có thể gặp ở các khu vườn Tiểu Nga: những cây hồng cao, những cây dã yên thảo rực rỡ, những bụi cây thuốc lá to với những bông hoa nhỏ màu hồng, những cây bạc hà, dền tía, sen cạn và anh túc. Cách hàng hiên không xa là ba bụi anh túc thuộc giống đặc biệt nào đó: hoa của nó nhỏ hơn bình thường và nổi bật bởi màu đỏ chói kỳ lạ. Bông hoa nhỏ đó đã làm người bệnh kinh ngạc vào ngày đầu tiên vào viện và nhìn ra khu vườn qua tấm kính cửa.

Lần đầu tiên bước ra vườn, chưa rời khỏi bậc hiên, anh lập tức nhìn về những bông hoa đỏ rực đó. Có hai bông cả thảy, tình cờ lại mọc tách rời khỏi những cây hoa khác, trên miếng đất chưa được giầy cỏ, thành ra bị đám rau muối rậm rạp và cỏ dại vây quanh.

Các bệnh nhân lần lượt ra bước khỏi cửa, cạnh đó có một người đứng canh và phát cho mỗi người một cái mũ to bằng vải bông có chữ thập màu đỏ trên trán. Những chiếc mũ đó từng ra chiến trận, rồi được mua đấu giá. Nhưng với người bệnh, dĩ nhiên chữ thập đỏ đó cũng mang ý nghĩa bí ẩn đặc biệt. Anh ta cởi mũ và ngấm nhìn chữ thập, sau đó nhìn sang những bông hoa anh túc. Những bông hoa càng đỏ rực hơn.

- Nó đang thẳng - người bệnh nói - nhưng để rồi xem.

Rồi anh rời hiên. Sau khi quan sát kỹ và không nhận ra người canh gác đang đứng sau lưng, anh bước qua luống hoa và chìa tay về phía bông hoa, nhưng không dám ngắt. Anh cảm thấy nóng bỏng và đau nhói trên cánh tay đang đưa ra, rồi sau đó là cả thân mình, dường như một luồng sức mạnh nào đó mà anh chưa biết đến xuất ra từ những cánh hoa đỏ và đâm xuyên vào toàn bộ cơ thể anh. Anh xích lại gần hơn rồi đưa tay vào chính bông hoa, nhưng cảm thấy như bông hoa nhỏ đang tự vệ, phả ra hơi độc chết người. Đầu anh quay cuông, anh cố gắng một cách tuyệt vọng lần cuối cùng và đã nắm được cuống hoa, thì bỗng nhiên một cánh tay nặng nề đặt lên vai anh. Đó là người gác đang túm lấy anh.

- Không được ngắt hoa - ông già người Ukraina nói - và không được đi trên luống hoa. Các anh ở đây rất đông, toàn người điên, nếu mỗi người ngắt một bông thì cả khu vườn tan hết - ông ta nói bằng giọng đầy thuyết phục, tay vẫn giữ lấy vai người bệnh.

Người bệnh nhìn vào mặt ông già, lẳng lặng thoát khỏi tay ông và đi trên lối đi trong trạng thái xúc động. “Ôi những kẻ bất hạnh! - anh nghĩ - Các người không thấy gì cả, các người mù đến độ còn bảo vệ cho nó. Bằng mọi giá mình sẽ tiêu diệt nó. Không hôm nay thì ngày mai ta sẽ đọ sức với nhau. Nếu như mình hy sinh, thì chẳng phải cũng thế thôi hay sao...”

Anh ta đi dạo trong vườn đến tận tối, làm quen với mọi người và nói những chuyện kỳ quặc, trong đó mỗi người đối thoại đều nghe thấy những câu trả lời cho những ý tưởng điên rồ của họ được diễn tả bằng những từ ngữ lộn xộn bí ẩn. Người bệnh lúc đi với người bạn này, lúc đi với người khác và đến cuối ngày thì càng tin chắc rằng “tất cả đã sẵn sàng”, như anh ta tự nói với chính mình. Sắp rồi, những song sắt sắp bị bẻ gãy rồi, tất cả những kẻ bị giam cầm sẽ thoát khỏi nơi đây và lao tới mọi nẻo thế gian, rồi cả thế giới sẽ rung chuyển, vứt bỏ khỏi mình cái vỏ già nua và hiện ra trong một vẻ đẹp mới mẻ tuyệt vời. Anh gần như quên khuấy bông hoa, nhưng vừa ra khỏi vườn và bước lên hiên, anh lại trông thấy trong đám cỏ rậm đã ngả tối và bắt đầu đọng sương hai hòn than đỏ rực. Anh bèn tụt lại sau người giám thị và chờ đợi thời khắc thích hợp. Không ai trông thấy anh ta nhảy qua luống hoa, túm lấy bông hoa và vội vã giấu nó vào ngực dưới vạt áo. Khi những cánh hoa mát lạnh đâm sương đọng vào cơ thể, anh ta tái mét như thần chết và kinh hoàng mở to mắt. Mồ hôi lạnh ngát tủa ra trên trán.

Người ta đã thấp đèn trong bệnh viện. Trong lúc chờ bữa tối, phần lớn bệnh nhân lên giường nằm, chỉ một số bất an, vội vã đi lại trong hành lang và các gian phòng lớn. Người bệnh có bông hoa đỏ nằm trong số họ. Anh ta đi lại, hai tay giật giật, bắt chéo áp chặt trên ngực: dường như anh muốn xé tan, đập nát bông hoa giấu trong mình. Anh tránh xa những người khác, sợ chạm phải vạt áo của họ. “Đừng lại gần tôi, đừng lại gần tôi!” - anh ta hét lên. Nhưng trong bệnh viện chẳng ai chú ý lắm đến những giọng điệu như thế. Và anh ta đi càng lúc càng nhanh hơn, sải bước chân càng lúc càng rộng hơn, cứ đi lại như thế một cách điên giận suốt một, hai tiếng đồng hồ.

- Ta sẽ dìm chết người. Ta sẽ bóp chết người! - anh ta gầm gừ giận dữ.

Thình thoảng anh lại nghiêng răng ken két.

Trong phòng ăn đã bày bữa tối. Trên những chiếc bàn lớn không trải khăn, người ta đặt những chiếc tô lớn bằng gỗ sơn son thếp vàng đựng cháo lúa mạch. Các bệnh nhân ngồi xuống các dãy ghế, được phát từng lát bánh mì đen. Tám người dùng thìa gỗ ăn chung một tô cháo. Một số người hưởng chế độ ăn tốt hơn thì được cho ngồi riêng. Bệnh nhân của chúng ta nhanh

chóng ăn hết phần ăn của mình mà người hộ lý mang tới, ông này gọi anh vào ngồi riêng trong phòng, nhưng anh ta không bằng lòng và đi ra phòng ăn chung.

- Cho phép tôi ngồi ở đây - anh ta nói với giám thị.

- Chẳng lẽ anh chưa ăn sao? - người giám thị hỏi, chia thêm cháo vào các tô.

- Tôi rất đói. Và tôi đang rất cần tắm bồn. Toàn bộ chỗ dựa của tôi là ở thức ăn, ông biết đấy, tôi hoàn toàn không ngủ.

- Ăn đi anh bạn thân mến, để có sức khỏe. Taras, đưa cho anh ấy thìa và bánh mì.

Anh ta ngồi xuống bên một cái bát và ăn thêm một lượng cháo lớn.

- Thôi, đủ rồi, đủ rồi - cuối cùng người giám thị bảo, khi tất cả mọi người đã ăn xong, còn bệnh nhân của chúng ta vẫn tiếp tục ngồi bên cái bát, một tay vét cháo trong bát, tay kia giữ chặt trên ngực. - Đi ra nào.

- Nếu như ông biết rằng tôi cần phải có bao nhiêu sức lực, bao nhiêu là sức lực! Xin từ biệt, Nikolai Nikolaich - người bệnh nói, đứng lên khỏi bàn và bắt tay người giám thị thật chặt - Xin từ biệt.

- Anh đi đâu vậy? - người giám thị hỏi với nụ cười trên môi.

- Tôi ư? Không đi đâu cả. Tôi sẽ ở lại. Nhưng có thể mai chúng ta không gặp nhau. Cảm ơn lòng tốt của ông.

Và anh ta lại bắt chặt tay người giám thị. Giọng anh run run, lệ ứa ra trong mắt.

- Bình tĩnh đi nào, anh bạn thân mến, bình tĩnh nào, - người giám thị đáp -

Sao lại nghĩ u ám như thế? Lại đây, nằm xuống và ngủ một giấc thật ngon. Anh phải ngủ nhiều hơn, nếu như ngủ tốt thì sẽ mau khỏe lại.

Người bệnh nức nở. Người giám thị quay lại để ra lệnh cho các hộ lý mau chóng dọn dẹp. Nửa giờ sau cả bệnh viện đã ngủ yên, trừ một người vẫn để nguyên quần áo nằm trên giường trong căn phòng ở góc. Anh ta run rẩy như lên cơn sốt, hai tay lập cập ôm chặt lấy ngực, anh ta cảm thấy nó đã ngấm đầy thứ chất độc chết người chưa từng ai biết.

V

SUỐT ĐÊM ANH KHÔNG NGỦ. Anh đã bút bông hoa đó, bởi vì thấy đó là một chiến công mà anh phải thực hiện. Ngay lần đầu nhìn qua khung cửa kính, những cánh hoa đỏ thắm đã thu hút anh, và anh cảm thấy rằng từ giây phút đó đã hiểu ra sứ mệnh nào anh phải hoàn tất trên thế gian này. Nơi bông hoa đỏ rực đó tập hợp tất cả cái ác của thế giới. Anh biết rằng từ hoa anh túc người ta làm ra á phiện. Có thể ý tưởng đang càng lúc càng lớn lên và mang những hình dáng kinh khủng đó buộc anh phải tạo ra một ảo ảnh dị thường thần kỳ. Trong mắt anh, bông hoa là tất cả cái ác, nó ngấm tất cả máu những người vô tội (bởi thế nó mới đỏ như vậy), tất cả nước mắt, tất cả đờn đau của nhân loại. Đó là một sinh thể bí ẩn, kinh khủng, đối lập với Chúa, là Ariman[3] mang vỏ bọc hiền lành vô tội. Cần phải ngắt và tiêu hủy nó. Nhưng thế cũng còn ít - không thể để nó lúc sắp chết còn kịp trút cái ác của nó vào thế giới. Bởi vậy anh giấu nó trong ngực mình. Anh hi vọng đến sáng bông hoa sẽ mất hết sức mạnh. Cái ác của nó sẽ chuyển vào ngực, vào hồn anh, và nơi đó nó sẽ bị đánh bại. Còn nếu nó thắng thì anh sẽ hi sinh, sẽ chết, nhưng sẽ chết như một chiến sĩ trung trực, như người chiến binh đầu tiên của nhân loại, bởi từ trước tới nay chưa ai dám tức khắc đấu tranh chống lại toàn bộ cái ác của thế giới.

[3] Thần hủy diệt trong tôn giáo cổ của người Ba Tư (ND).

- Họ không nhìn thấy nó. Còn ta thì nhìn thấy. Lẽ nào ta để cho nó sống? Tốt hơn là phải chết.

Anh nằm đó, mệt nhoài trong chận chiến ảo tưởng, không có thực nhưng vẫn kiệt sức. Buổi sáng người y sĩ thấy anh ta chỉ còn thoi thóp. Nhưng dù thế, chỉ một thời gian sau hừng khởi lại dâng trào, anh vùng dậy khỏi

giường và lại chạy khắp bệnh viện như trước, nói chuyện với các bệnh nhân khác và với bản thân to hơn, loạn xạ hơn mọi khi. Người ta không cho anh ta ra vườn. Bác sĩ thấy anh gầy đi mà không ngủ, cứ đi lại suốt nên ra lệnh tiêm dưới da anh một liều morphin. Anh không chống cự, may sao lúc đó đầu óc điên rồ của anh hình như lại chấp nhận việc tiêm này. Anh nhanh chóng thiếp đi, hoạt động điên rồ ngừng lại, và âm điệu ồn ào không dứt song hành với anh trong lúc bồn chồn đi đi lại lại đó biến mất. Anh mê man và lãng quên tất cả, thậm chí cả về bông hoa thứ hai cần phải ngắt.

Tuy nhiên, ba hôm sau anh đã ngắt nó, trước mắt ông già gác vườn lúc ông chưa kịp cảnh báo. Ông ta đuổi theo anh. Kêu to đắc thảng, người bệnh chạy vào bệnh viện, lao về phòng mình và dẫu bông hoa trong ngực.

- Sao anh lại ngắt hoa? - người gác chạy theo sau anh hỏi. Nhưng người bệnh đã nằm trên giường trong tư thế quen thuộc, hay tay bắt chéo, bắt đầu nói lảm nhảm, người gác đành lẳng lặng gỡ chiếc mũ có chữ thập đỏ anh ta quên trả lại lúc chạy, rồi bỏ đi. Cuộc chiến đấu hư ảo lại bắt đầu. Người bệnh cảm thấy cái ác vươn ra thành những dòng dài uốn lượn như rắn. Chúng quấn quanh người, siết chặt chân tay anh, ám mùi kinh khủng của chúng lên khắp mình anh. Anh khóc, vừa cầu nguyện Chúa vừa nguyện rửa kẻ thù. Đến tối bông hoa héo. Người bệnh giẫm nát bông hoa đã thâm đen, nhặt những mảnh vụn của nó vương trên sàn và đem vào nhà tắm. Vứt cục hoa đã biến dạng vào lò lửa đốt bằng than đá, anh nhìn thật lâu xem kẻ thù của mình cháy xèo xèo, co lại và cuối cùng biến thành một cục tro trắng mềm. Anh thổi phù và tất cả biến mất.

Ngày hôm sau, người bệnh trở nặng. Người tái nhợt, má hõm lại, hai tròng mắt sâu hoắm cháy rực, anh ta lao đảo, đôi lúc lại vấp ngã, nhưng vẫn tiếp tục đi lại như điên và nói không ngừng.

- Tôi rất không muốn dùng biện pháp mạnh - Bác sĩ trưởng nói với người trợ lý của mình.

- Nhưng cần phải dừng việc này lại. Hôm nay anh ta chỉ còn chín mươi ba

phun-tơ. Nếu tiếp tục đi lại như thế, anh ta sẽ chết sau hai ngày nữa.

Ông bác sĩ trầm tư.

- Đã dùng morphin chưa? Còn cloral hydrat?

- Hôm qua morphin đã không có tác dụng.

- Hãy cho trói anh ta lại. Nhưng tôi không tin anh ta có thể lành bệnh.

VI

VÀ NGƯỜI TA TRÓI NGƯỜI BỆNH LẠI. Anh ta nằm trên giường, mặc chiếc áo bệnh viện, bị buộc chặt bằng những dải vải gai khổ rộng vào các thang giường sắt. Nhưng cơn điên vẫn không giảm bớt, mà lại còn tăng nhanh hơn. Trong nhiều giờ anh ta ra sức thoát khỏi những dây trói. Cuối cùng, trong một lần vùng vẫy, anh bứt đứt được một dải, giải phóng đôi chân, rồi luồn ra khỏi những dải dây khác, anh bắt đầu đi lại trong phòng, hay tay vẫn bị trói, hét lên những câu hoang dại không ai hiểu.

- Ôi trời! - người gác bước vào kêu lên - Có quỷ nào giúp anh ta vậy! Grishka, Ivan, lại đây nhanh lên, anh ta tháo dây ra rồi.

Ba người cùng xông tới chỗ người bệnh, và bắt đầu một cuộc vật lộn rất lâu, mệt mỏi đối với những kẻ tấn công và đau đớn đối với con người đang dùng hết sức tàn để tự vệ kia. Cuối cùng họ vật anh ta ra giường và quấn dây chặt hơn trước.

- Các anh có biết mình đang làm gì không? - người bệnh hỗn hển hét lên - Các anh sẽ chết mất! Tôi đã thấy cái hoa thứ ba mọc lên rồi. Giờ nó đã sẵn sàng rồi. Hãy để tôi hoàn thành sứ mệnh! Phải giết nó, giết! giết! giết! Khi đó tất cả sẽ kết thúc, mọi người sẽ được cứu thoát. Giá tôi có thể cử các anh đi, nhưng điều này chỉ mình tôi làm được. Các anh sẽ chết nếu đụng phải nó.

- Im nào, ông tướng, im nào! - ông gác già nói, ông ta ở lại trực bên giường bệnh.

Người bệnh bỗng im thít. Anh quyết định đánh lừa những người gác. Người

ta trói anh suốt ngày, và giữ nguyên như thế ban đêm. Sau khi cho anh ăn bữa tối, người gác trái cái gì đó cạnh giường và nằm xuống. Một phút sau ông ta đã ngủ say, còn người bệnh bắt đầu hành động.

Anh ta gập cả thân mình để chạm tới thanh ngang bằng sắt của chiếc giường, khi bàn tay giấu trong ống tay áo dài lòng thòng sờ soạng tìm được nó, anh ta bắt đầu chà mạnh ống tay áo vào thanh sắt. Một lúc sau miếng vải dày bị rách, và anh ta rút được ngón tay trở ra. Lúc đó công việc tiến triển nhanh hơn. Với một sự khéo léo và linh hoạt mà người khỏe mạnh khó có thể có, anh tháo được nút buộc ở đằng sau, cởi nút áo, sau đó lắng nghe rất lâu tiếng ngáy của người gác. Ông già ngủ rất say. Người bệnh cởi áo và tháo dây buộc vào giường. Anh đã tự do. Anh thử mở cửa, nó bị khóa ở bên trong, chìa khóa có lẽ nằm trong túi người gác. Sợ đánh thức ông ta, anh không dám lục túi và quyết định ra khỏi phòng qua lối cửa sổ.

Đêm yên tĩnh, ấm áp và tối đen. Cửa sổ mở toang, những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời đen thẫm. Anh ngắm chúng, nhận ra những chòm sao quen thuộc và vui mừng cảm thấy chúng hiểu được anh, thông cảm với anh. Hấp háy mắt, anh nhìn thấy những tia sáng vô tận mà chúng gửi tới anh, và ý chí quyết tâm điên rồ càng tăng lên. Phải bẻ gãy những song sắt, bò qua khe hở chỗ lối đi mọc đầy những bụi cây, vượt qua lớp tường rào cao bằng đá. Nơi đó sẽ diễn ra trận đánh cuối cùng, rồi sau đó có thể là cái chết.

Anh thử dùng tay trần bẻ chấn song, nhưng sắt cứng không bẻ được. Anh bèn bện hai ống tay áo bệnh viện thành một sợi thừng, buộc vào một then chấn được hàn ở đầu chấn song và treo cả thân mình lên đó. Sau những cố gắng tuyệt vọng, gần như vắt hết sức lực còn lại của anh, cái then cong xuống mở ra một lối nhỏ. Anh lách qua nó, làm vai, khuỷu tay và hai đầu gối để trần trầy xước hết, sau đó len qua những bụi cây và dừng lại trước bức tường. Mọi thứ đều tĩnh lặng, những ngọn đèn đêm sáng yếu ớt bên trong các cửa sổ của tòa nhà lớn, không có một bóng người bên các ô cửa. Không ai phát hiện ra anh ta. Ông già trực bên giường anh có lẽ đang ngủ

như chết. Những vì sao dịu dàng nhấp nháy chiếu những tia sáng xuyên tới tim anh.

- Tôi đến với các bạn đây - anh thì thảo, ngược nhìn bầu trời.

Bị ngã sau lần thử đầu tiên, rách bươm, tay và đầu gói rướm máu, anh tìm một chỗ thuận tiện. Ở chỗ hàng rào gặp bức tường nhà xác có mấy viên gạch long ra. Anh leo lên tường rào, bám vào cành cây du mọc ở phía bên kia, và khễ khàng tụt theo thân cây xuống đất.

Anh lao tới chỗ quen thuộc gần bậc tam cấp. Bông hoa nổi rõ trên đám cỏ dẫm sương, đài hoa thâm đen, cánh cuộn lại.

- Bông cuối cùng! - người bệnh thềm thì - Trận cuối cùng! Hôm nay chiến thắng hay là chết. Nhưng với ta cũng thế cả thôi. Hãy đợi nhé, - anh nói, ngược nhìn bầu trời - tôi sắp ở bên các bạn đây.

Anh bứt bông hoa, xé tan, vò nát, rồi giữ nó trong tay, anh trở về phòng theo đường cũ. Ông già vẫn ngủ. Người bệnh khó khăn lắm mới đến được giường, gục xuống bất tỉnh.

Buổi sáng, người ta tìm thấy anh đã chết. Gương mặt anh bình thản và tươi sáng, vẻ kiệt quệ với đôi môi mỏng và đôi mắt nhắm nghiền thể hiện một niềm hạnh phúc kiêu hãnh nào đó. Khi đặt anh lên cáng, người ta định gỡ tay anh ra để lấy bông hoa. Nhưng bàn tay đã cứng lại, và anh mang theo xuống mộ chiến lợi phẩm của mình.

1883

Tín hiệu

SEMION IVANOV làm gác tàu trên đường sắt. Từ bắt gác của anh đến ga tiếp theo là mười hai dặm, đến ga phía bên kia là mười dặm. Cách đó bốn dặm, vào năm ngoái người ta khai trương một nhà xay lúa, ống khói của nó nhô lên đen thẫm sau cánh rừng, còn gần hơn, ngoài các bớt canh khác, gần đó không có nhà cửa gì cả.

Semion Ivanov là người ốm yếu quặt quẹo. Chín năm trước anh tham gia chiến tranh, làm cần vụ cho một sĩ quan và suốt đợt viễn chinh ở cùng ông ta. Anh từng bị đói khát, bị rét cồng, bị thiêu cháy dưới nắng mặt trời, từng hành quân bốn năm chục dặm trong nắng cháy hay trong băng giá, đôi khi đi cả dưới làn đạn, nhưng may mắn chưa bị dính viên đạn nào. Có lần trung đoàn lên tuyến đầu, cả tuần lễ bắn nhau với quân Thổ: phòng tuyến ta ở bên này, cách một quãng trũng là quân Thổ, bắn nhau từ sáng đến tối. Sĩ quan của Semion cũng ở đó, mỗi ngày ba bận Semion mang từ bếp ăn của trung đoàn ở trong khe núi ra cho ông ta ấm xamôva nóng và bữa trưa. Anh bê ấm xamôva chạy qua khu đất trống, đạn bay chiu chiu, va vào vách đá, Semion khiếp đảm, bật khóc, nhưng vẫn đi. Các ngài sĩ quan rất hài lòng về anh: luôn luôn có trà nóng cho họ. Semion từ mặt trận trở về lạnh lặn, chỉ có tay chân bị thấp khớp. Từ đó đến nay anh trải qua bao đau khổ. Lúc trở về nhà, người cha già qua đời, con trai nhỏ mới lên bốn cũng chết, vì đau họng, còn lại tro troi Semion cùng vợ. Chẳng làm ăn gì được, bởi tay chân sưng tấy khó mà cày cấy. Họ ở lại làng không lâu, rồi phải đến những nơi mới tìm hạnh phúc. Semion cùng vợ lúc ở khu phòng tuyến, lúc ở Kherson, lúc ở vùng sông Don, nhưng chẳng đâu may mắn. Rồi vợ đi làm giúp việc nhà, còn Semion vẫn lang thang như trước. Có lần anh phải đi bằng tàu hỏa, đến một ga thì gặp ông trưởng ga hình như là người quen. Semion nhìn ông ta, ông này cũng nhìn chăm chăm vào mặt Semion. Họ nhận ra nhau: hóa ra ông ấy là sĩ quan của trung đoàn anh.

- Cậu là Ivanov à? - ông ta hỏi

- Đúng thế ạ, thưa ngài, chính tôi đây ạ.

- Làm sao cậu lại tới đây?

Semion kể cho ông ta: chuyện như thế, như thế.

- Thế giờ cậu đi đâu?

- Tôi không thể biết được, thưa ngài.

- Sao thế đồ ngốc, sao lại không thể biết được?

- Đúng thế ạ, thưa ngài, bởi vì chẳng biết đi đâu. Phải tìm được một công việc, thưa ngài.

Ông trưởng ga nhìn anh, nghĩ một lúc rồi bảo:

- Thế này, người anh em ạ, cậu hãy ở lại ga này. Cậu hình như đã có vợ? Vợ cậu đâu?

- Dạ đúng, thưa ngài, tôi đã có vợ, cô ấy đang ở thành phố Kursk, đang làm cho nhà một ông thương gia.

- Thế thì viết thư cho vợ, bảo cô ấy đến đây. Tiền vé tàu tôi sẽ trả. Ở chỗ chúng tôi có một bột canh trống chỗ, tôi sẽ xin ông giám đốc cung đường bố trí cho cậu.

- Tôi đội ơn ngài nhiều lắm, thưa ngài - Semion đáp.

Thế là anh ở lại ga tàu. Anh giúp ông trưởng ga trong bếp ăn, bỏ củi, quét

dọn sân ga. Hai tuần sau vợ anh tới, và Semion đi xe goòng đến bốt canh của mình. Bốt canh còn mới, âm áp, tha hồ củi, một vườn rau nhỏ của những người gác trước để lại, và nửa mẫu đất cày ven đường sắt. Semion mừng rỡ, bắt đầu nghĩ chuyện trồng trọt, mua bò, mua ngựa.

Người ta trang bị cho anh những đồ vật cần thiết: cờ xanh, cờ đỏ, đèn pha, còi, búa, cờ lê, xà beng, xẻng, chổi, bulông, đai ốc, đinh tán; lại giao cho hai cuốn quy định và bảng giờ tàu. Thời gian đầu Semion đêm không ngủ, học thuộc bảng giờ tàu. Tàu cứ hai tiếng mới đi qua, nhưng anh đi vòng quanh khu vực của mình, rồi ngồi trên ván trong bốt canh, cứ nhìn và lắng nghe xem đường ray có rung không, tàu có kêu không. Thậm chí anh còn học thuộc cả các quy định, mặc dù đọc khó khăn, phải đánh vần từng chữ, nhưng vẫn học thuộc.

Vào mùa hè, công việc không nặng nhọc lắm, không phải quét tuyết, tàu lại ít chạy qua tuyến đường này. Semion đi tuần quanh khu vực của mình hai lần một ngày, hoặc vặn lại bulông, san đều lớp đá dăm, kiểm tra các ống nước, rồi về nhà lo chuyện vườn tược. Mỗi tội chuyện trồng cây của anh không thuận lợi: nếu định trồng cái gì đều phải báo cho người quản lý, rồi ông này báo lên ông giám đốc cung đường, trong khi lời thỉnh cầu được đáp lại thì thời vụ qua mất rồi. Thành ra Semion và vợ đâm buồn. Hai tháng trôi qua, Semion làm quen với những người gác lân cận. Một ông già cú khú đế, lúc nào cũng sẵn sàng bị thay thế, hầu như không ra khỏi bốt canh, vợ ông ta tuần tra hộ. Người thứ hai ở gần ga hơn là một người còn trẻ, nhỏ con nhưng gân guốc. Semion gặp anh ta lần đầu tiên trên đường ray ở giữa hai bốt canh, lúc đang đi tuần. Semion bỏ mũ nghiêng mình.

- Xin chào, chúc sức khỏe anh bạn láng giềng.

Anh bạn láng giềng liếc xéo.

- Chào. - anh ta nói.

Rồi quay người bỏ đi. Các bà vợ sau đó cũng gặp nhau. Vợ Semion là Arina chào hỏi chị vợ hàng xóm, chị này cũng chẳng nói năng gì, đi thẳng. Có lần Semion gặp chị ta, bèn hỏi:

- Tại sao chồng cô không thích nói chuyện vậy hả cô em?

Người đàn bà im lặng, rồi sau đó nói:

- Nói chuyện với anh để làm gì? Mỗi người mỗi việc... Đi lo việc của anh đi.

Tuy nhiên thêm khoảng một tháng nữa thì họ làm quen với nhau. Semion và Vasily gặp nhau trên đường ray, ngồi xuống mép đường, hút thuốc và kể về cuộc sống của mình. Vasily vẫn im lặng, nhưng Semion thì kể về ngôi làng của mình và về chiến dịch mà anh tham gia.

- Trong đời tôi đã phải chịu không ít đau khổ - anh nói - mà chỉ có Chúa biết tôi còn sống được bao lâu. Chúa chẳng cho tôi may mắn. Chúa cho ai số may thì người đó được hưởng mà thôi. Thế đấy, người anh em Vasily Stepanych ạ.

Vasily Stepanych gõ gõ đầu thuốc vào thanh ray, đứng dậy nói:

- Chẳng phải số phận gì cả, mà là con người. Trên đời này không con thú nào ác hơn con người. Chó sói không ăn thịt chó sói, còn con người thì giết chóc lẫn nhau.

- Chó sói không ăn thịt chó sói, anh bạn ơi, đừng nói như vậy.

- Có sao thì tôi nói thôi. Nhưng dù sao vẫn không có giống súc sinh nào ác nghiệt hơn. Nếu như đừng có sự ác độc và tham lam của con người thì còn có thể sống được. Ai cũng cố túm lấy anh, xâu xé và ăn thịt.

Semion ngẫm nghĩ.

- Tôi không biết, người anh em ạ. - anh nói - Có thể là như thế, nhưng đâu có là như thế, thì cũng là do ý Chúa.

- Nếu như thế - Vasily nói - thì tôi với anh chẳng cần phải nói chuyện gì với nhau. Nếu như mọi thứ tòi tộ đều đổ cho Chúa, còn bản thân thì ngồi chịu đựng, thì anh bạn ạ, không còn là con người, mà là súc sinh. Tôi nói như thế đấy.

Anh ta quay người bỏ đi, chẳng thèm chào từ biệt. Semion cũng đứng dậy.

- Bạn hàng xóm ơi - anh kêu lên - tại sao anh lại cáu gắt như vậy?

Hàng xóm không quay lại, vẫn đi tiếp. Semion nhìn theo rất lâu, cho đến khi Vasily khuất sau chỗ rẽ. Anh về nhà và nói với vợ:

- Arina ạ, cái anh hàng xóm của bọn mình là con thú chứ không phải là người.

Tuy nhiên họ không cãi cọ, vẫn gặp gỡ và nói với nhau vẫn những chuyện như thế.

- Chao, người anh em ạ, nếu không có bọn người kia... thì tôi với anh đã chẳng phải ngồi trong mấy cái bột canh này, -Vasily nói.

- Ngồi trong bột... có sao đâu, vẫn sống được mà.

- Sống được, sống được... Ôi cái anh này! Anh sống lâu mà học được ít, nhìn nhiều mà thấy ít. Một người nghèo khổ trong cái bột canh, sao gọi là sống! Những kẻ ăn thịt người kia đang róc rĩa anh, vắt hết sức của anh, đến

khi anh già thì vứt bỏ, như vứt đồng bã dầu cho lợn ăn. Anh nhận lương bao nhiêu?

- Ít thôi, Vasily Stepanych ạ. Mười hai rúp.

- Còn tôi thì được mười ba rúp rưỡi. Tôi hỏi anh, tại sao? Theo quy định, mọi người đều nhận từ ban quản lý số tiền như sau: mười lăm rúp một tháng bao gồm cả chi phí sưởi ấm và đèn thấp. Ai quy định cho tôi với anh là mười hai hay mười ba rúp rưỡi? Ai chấm mút ở đây, ba rúp hay ba rúp rưỡi kia chui vào túi ai? Tôi hỏi anh thế?... Thế mà anh bảo có thể sống được! Anh hiểu cho, vấn đề không phải là về chuyện rúp rưỡi hay ba rúp kia đâu. Dầu cho họ có trả đủ mười lăm rúp đi nữa. Tháng trước tôi ra ga, ông giám đốc đi qua và tôi trông thấy ông ta, tôi có vinh dự thế đấy. Ông ta ở toa riêng, bước xuống sân ga, dây xích bằng vàng lủng lẳng trên bụng, má đỏ hồng bóng mỡ... Uống no máu của chúng ta mà. Chao, sức mạnh quyền lực đấy!.. Tôi không ở lại đây lâu đâu, tôi sẽ ra đi, đến đâu thì đến.

- Anh đi đâu hả Stepanych? Đứng núi này trông núi nọ thôi. Ở đây anh có nhà, có củi sưởi, và có chút đất. Vợ anh thì chăm chỉ...

- Đất với đai! Anh cứ nhìn thử mảnh đất của tôi mà xem. Không một thứ cây nào trên đó. Mùa xuân trước tôi trồng bắp cải, thì quản lý đường tới. “Cái gì đây, lão ta nói, tại sao không báo cáo? Tại sao trồng không phép? Nhổ hết lên cho tôi”. Lão lúc đó đang say. Lần khác thì chẳng nói chẳng rằng, gườm gườm... “Nộp phạt ba rúp!..”

Vasily ngừng lời, kéo tẩu thuốc và nói nhỏ:

- Chỉ tí nữa thôi tôi đã bóp chết lão ta.

- Không, anh bạn ạ, anh nóng quá.

- Tôi không nóng, mà chỉ nói và nghĩ thực lòng thôi. Lão mà còn vác mặt

đến chỗ tôi đi! Tôi sẽ thưa lên tận giám đốc cung đường. Để rồi xem!

Rồi anh ta đi thưa thật.

Giám đốc cung đường tới kiểm tra, vì ba ngày sau đó sẽ có những quý ông quan trọng từ Petersburg đến tuyến này: phải thanh tra, mọi chuyện phải đầu vào đầy trước khi họ tới. Người ta rải đá dăm, san nền ụ đường tàu, xem xét các thanh tà vẹt, vặchặt bù long, đình ốc, sơn các cột mốc, ra lệnh rải cát vàng trên các đường ngang. Bà gác bột bên kia xua cả ông lão ra giấy cỏ. Semion làm việc cả tuần, sắp đặt mọi thứ đầu vào đầy, sửa lại cái áo kaftan của mình và chải sạch, còn tấm biển bằng đồng thì lấy gạch chà đến sáng loáng. Cả Vasily cũng chú vào làm. Giám đốc cung đường đi xe goòng tới, bốn công nhân quay tay cầm, bánh răng cưa kêu vo vo, chiếc xe phóng tốc độ hai mươi dặm một giờ, bánh xe rít lên. Ông ta phóng tới bột của Semion, Semion chạy tới, báo cáo theo kiểu lính. Mọi thứ đều đầu vào đầy.

- Anh làm ở đây lâu chưa? - giám đốc hỏi.

- Từ mùng hai tháng năm, thưa ngài.

- Được rồi. Cảm ơn anh. Còn ở bột một trăm sáu mươi tư là ai?

Viên quản lý (cùng đi với ông giám đốc trên xe goòng) đáp:

- Vasily Spiridov

- Spiridov, Spiridov... À, đó là cái cậu năm ngoái anh viết nhận xét phải không?

- Chính anh ta ạ.

- Thôi được rồi, đến chỗ Vasily Spidirov xem sao. Đi nào. Các công nhân

rạp người quay tay xe, chiếc xe goòng lại chạy. Semion nhìn theo chiếc xe và nghĩ: “Thế nào bên đó cũng có trò gì cho xem”.

Hai tiếng sau anh đi tuần tra. Nhìn thấy phía dưới chỗ trống bên dưới đường tàu có ai đó đang đi, trên đầu thấp thoáng cái gì màu trắng. Semion nhìn kỹ - đó là Vasily, tay cầm gậy, vai đeo tay nải nhỏ, má quấn khăn.

- Bạn hàng xóm, anh đi đâu đây? - Semion kêu lên.

Vasily đã đến gần, mặt anh ta thất sắc, trắng bệch như phấn, đôi mắt hoang dại. Anh ta cất lời, giọng đứt quãng.

- Lên thành phố - anh nói - lên Moskva... đến tổng hành dinh.

- Đến tổng hành dinh... Anh đi thưa kiện hay sao? Thôi bỏ qua đi, Vasily Stepanych, hãy quên đi...

- Không, người anh em ạ, tôi không quên. Quá muộn để quên rồi. Anh thấy đấy, hắn đánh vào mặt tôi, chảy cả máu. Trong khi tôi còn sống, tôi sẽ không quên, tôi sẽ không để yên như vậy. Phải dạy cho chúng một bài học, quân hút máu...

Semion nắm lấy tay anh ta:

- Hãy khoan, Stepanych, tôi khuyên anh đấy: tốt hơn đừng làm thế.

- Cái gì là tốt hơn! Tự tôi biết điều gì không nên làm. Anh nói đúng về chuyện số phận. Nếu vì bản thân mình thì tốt hơn không làm, nhưng cần phải đấu tranh vì chân lý, người anh em ạ.

- Nhưng nói tôi nghe, sao đến nông nỗi này?

- Là thế này... Lão ta kiểm tra mọi thứ, xuống xe goòng, vào bắt xem xét.

Tôi biết lão sẽ xét gắt, nên mọi thứ đã làm đầu vào đấy. Lão đã định đi, nhưng tôi khiếu nại. Lão lập tức hét lên. “Đang thanh tra nhà nước, quan trọng như vậy, mà mày lại khiếu nại chuyện vườn rau nhà mày! Các cố vấn cơ mật sắp tới, mà mày lại lôi bắp cải ra!” Tôi không nhịn được, nói lại, không có gì quá lắm, nhưng chắc làm lão tự ái. Thế là lão đánh tôi... Quỷ tha sự nhẫn nhịn của chúng ta! Lẽ ra phải cho lão ta... thế mà tôi lại chỉ đứng đực ra, cứ như lão đúng lý. Bọn họ đi khỏi, tôi mới tỉnh ra, bèn rửa mặt và ra đi.

- Thế còn bột canh thì sao?

- Vợ tôi ở lại - anh ta thờ ơ - mà đó là việc của họ, đường cũng của họ mà!

Vasily đứng dậy, dọn chân đi.

- Tạm biệt, Ivanych, không biết tôi có tìm được công lý hay không.

- Không lẽ anh đi bộ sao?

- Tôi ra ga, lên tàu chở hàng, đến mai là tới Moskva.

Những người láng giềng tạm biệt nhau, Vasily ra đi, anh ta đi rất lâu. Chị vợ làm việc thay cho anh ta, đêm ngày không ngủ, ngóng chờ chồng hốc hác cả người. Đến ngày thứ ba đoàn thanh tra tới: đầu máy hơi nước, rồi đến toa hàng và hai toa hạng nhất. Vasily vẫn chẳng thấy đâu. Sang ngày thứ tư, Semion gặp chị vợ: mặt chị sung húp vì khóc, mắt đỏ hoe.

- Chồng cô về chưa? - anh hỏi.

Người đàn bà khoát tay, bỏ đi chẳng nói chẳng rằng.

Semion thuở nhỏ đã học được cách làm sáo từ ông sậy. Anh đốt tâm cọng sậy, đục lỗ những vị trí cần thiết, làm lỗ thổi ở cuối và chỉnh cho thật khéo để có thể thổi được. Anh làm rất nhiều sáo vào những lúc rỗi rãi và cùng người nhân viên quen trên tàu hàng mang đến chợ trên thành phố, ở đó người ta trả anh mỗi cây sáo hai cô pếch. Ngày thứ ba sau đợt thanh tra, anh để vợ ở nhà đón chuyến tàu sáu giờ chiều, còn mình cầm dao vào rừng cắt sậy. Anh tới cuối khu vực của mình, chỗ khúc quanh đường tàu, rồi rời khỏi ụ đường tàu, đi qua khu rừng phía dưới núi. Đi khoảng nửa dặm là đến một cái đầm rộng, cạnh đó mọc lên những bụi sậy dùng làm sáo cực tốt. Semion cắt cả bó sậy rồi đi về. Anh đi qua rừng. Mặt trời đã xuống thấp, yên lặng như tờ, chỉ nghe tiếng chim chiêm chiếp và tiếng gõ mục dưới chân kêu rảng rặc. Đi thêm một đoạn nữa, sắp đến chỗ đường tàu, chợt anh nghe như có tiếng gì đó, như tiếng sắt đập vào nhau keng keng. Semion bước nhanh hơn. Thời gian này không có vụ sửa chữa nào trong khu vực của anh. “Chuyện gì vậy nhỉ? - anh nghĩ. Anh ra khỏi rừng, trước mặt anh là ụ đường sắt nhô cao, phía trên đường tàu có một người đang ngồi xỏm làm gì đó. Semion rón rén lại gần, nghĩ chắc kẻ nào đang định ăn cắp các đai ốc. Người đàn ông kia đứng dậy, tay cầm xà beng: anh ta đã dùng xà beng nói lỏng đường ray, dịch chuyển nó sang bên. Mắt Semion tối sầm, anh muốn kêu lên nhưng không thể. Anh nhìn thấy đó là Vasily, bèn chạy lao tới, nhưng anh ta đã cầm xà beng và ecu khóa hấp tấp tụt xuống phía bên kia ụ đường tàu.

- Vasily Stepanych! Ôi trời ơi, anh bạn ơi, quay lại đi! Đưa xà beng đây! Ta đặt lại đường ray, sẽ không ai biết đâu. Quay lại đi, Chúa tha tội cho anh.

Vasily không quay lại, đi thẳng vào trong rừng.

Semion đứng trên đường ray bị xô lệch, buông rơi cả bó ống sậy. Chuyến tàu đang tới không phải tàu hàng, mà là tàu hành khách. Không thể dừng nó lại được, không có cờ hiệu. Cũng không đặt lại thanh ray về chỗ cũ được, không thể dùng tay không vặn đinh. Phải chạy thôi, chạy ngay về bất canh lầy đồ nghề. Chúa ơi, giúp con!

Semion chạy dứt cả hơi về hướng bột của mình, vừa chạy vừa vấp ngã. Anh đã qua khỏi cánh rừng, cách bột canh chỉ còn không hơn một dặm, phía nhà máy đã nghe tiếng còi hụ. Sáu giờ rồi. Hai phút nữa chuyến tàu bảy giờ sẽ chạy qua. Ôi Chúa ơi! Hãy cứu những linh hồn vô tội! Semion như thấy trước mắt chiếc đầu máy xe lửa trật bánh trái khỏi đường ray, rung chuyển, lật nghiêng, giật những thanh tà vẹt gãy tung, chỗ đó là khúc đường quanh co, con tàu sẽ lăn từ ụ đường tàu cao mười một xagien xuống, còn ở kia, trong khoang tàu hạng ba chật cứng người, những đứa trẻ con... Chúng giờ đang ngồi trên tàu, vô tư chẳng biết gì. Chúa ơi, cho con biết phải làm gì đây!.. Không, chạy đến bột rồi quay trở lại thì không kịp nữa rồi...

Semion không chạy về bột nữa mà quay ngược lại, chạy nhanh hơn trước. Chạy như điên, không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Anh chạy về phía chỗ thanh ray bị lệch, những ống sậy nằm lẫn lóc. Anh thấy tàu đang tới. Nghe thấy tiếng còi hụ xa xa, nghe thấy tiếng các thanh ray bắt đầu rung lên nhịp nhàng, nhẹ nhẹ. Không còn sức chạy thêm nữa, anh dừng lại cách chỗ khủng khiếp kia khoảng một trăm xagien, trong đầu bỗng loé sáng. Anh bỏ mũ, giật lớp khăn vải lót bên trong, rút con dao dắt trong ủng, làm dấu thánh, lạy Chúa ban phước cho con!

Semion đâm dao vào cánh tay trái phía trên khuỷu, máu phọt ra thành dòng nóng hổi. Anh lấy chiếc khăn thấm máu, vuốt phẳng, trải ra, buộc vào cây gậy và dựng thành một cây cờ đỏ.

Semion đứng vẫy lá cờ, đoàn tàu đã hiện ra. Nếu người lái tàu không nhìn thấy anh, vẫn tiến lại gần, cách một trăm xagien thì không ngăn được con tàu nặng nề đó!

Máu vẫn cứ chảy, anh áp chặt vết thương vào cạnh sườn, nhưng máu không cầm lại. Hẳn là anh đã đâm quá sâu vào tay. Đầu anh choáng váng, trong mắt đầy ruồi bay, rồi sau đó hoàn toàn tối sầm, tai kêu ong ong. Anh không nhìn thấy đoàn tàu, cũng không nghe thấy tiếng ồn, chỉ một ý nghĩ trong đầu: Mình sẽ không trụ được, mình sẽ ngã xuống, đánh rơi cờ hiệu, tàu sẽ chạy qua chỗ mình... Chúa ơi cứu với, cho ai tới thay con...

Rồi anh thấy tối đen, đầu trống rỗng, tay buông cờ. Nhưng lá cờ đầm máu không rơi xuống đất. Một bàn tay ai đó đã chộp lấy nó và vung lên trước đoàn tàu đang lao tới. Người lái tàu nhìn thấy, đóng van điều hòa và hãm phanh. Đoàn tàu dừng lại.

Mọi người nhảy khỏi các toa tàu, xúm đông lại. Họ trông thấy một người nằm bất tỉnh, đầm đìa máu, người kia đứng cạnh với miếng giẻ đầm máu buộc vào đầu cây gậy.

Vasily đảo mắt nhìn mọi người, rồi cúi đầu:

- Hãy trời tôi lại, - anh ta nói - chính tôi đã làm lệch đường ray.

1887

Con ếch du hành

NGÀY XƯA NGÀY XƯA có một con ếch ộp sống ở trên thế gian. Nó ngồi trong đầm, bắt muỗi mòng, mùa đông kêu ồm ộp cùng với lũ bạn. Và nó có thể sống yên ổn cả thế kỷ nếu như không bị một con cò ăn thịt. Nhưng rồi xảy ra một sự cố.

Một lần nó ngồi trên khúc rễ cây nhô lên khỏi mặt nước và thưởng thức cơn mưa nhỏ ấm áp.

“Ôi chao, hôm nay thời tiết ẩm ướt tuyệt vời làm sao! - nó nghĩ - Được sống trên đời thật sung sướng làm sao!”

Cơn mưa rắc nước xuống tấm lưng bóng nhẫy sặc sỡ của nó, những giọt mưa chảy xuống bụng và chân nó, và điều này thật dễ chịu kinh khủng, dễ chịu đến nỗi nó suýt nữa kêu lên ồm ộp, nhưng may quá nhớ ra, rằng đã sang mùa thu, mà mùa thu thì ếch không ộp oạp, chỉ vào mùa xuân thôi, và nếu ồm ộp thì nó có thể hạ thấp phẩm giá ếch của nó. Bởi vậy nó im lặng và tiếp tục khoan khoái hưởng thụ.

Bỗng nhiên một âm thanh rin rít, rì rạc vang lên trong không khí. Có giống vịt như thế: khi chúng bay, cánh của chúng đập trong không khí nghe như đang hát, hay nói đúng hơn là như đang huýt gió. Phu-phu-phu-phu - vang lên trong không gian khi một đàn vịt như thế bay qua phía trên cao, mà chẳng trông thấy chúng đâu vì chúng bay cao quá. Lần này thì lũ vịt vẽ thành nửa vòng tròn rất rộng, hạ cánh và đậu xuống chính cái đầm nơi con ếch sinh sống.

- Cạc, cạc! - một con vịt nói - Còn phải bay xa lắm, phải kiếm ăn một chút.

Con ếch tức thì ẩn trốn. Mặc dù nó biết lũ vịt sẽ không ăn một con ếch ộp to béo như nó, nhưng vẫn đề phòng bất trắc, nó rúc xuống dưới cái rễ cây. Tuy nhiên, nghĩ lại, nó quyết định ló cái đầu với đôi mắt lồi lên khỏi mặt nước: nó rất muốn biết lũ vịt bay đi đâu.

- Cạc, cạc! - một con vịt khác nói - trời đã lạnh rồi! Nhanh nhanh bay về miền nam thôi! Nhanh nhanh về miền nam thôi!

Và cả lũ vịt ồn ào cạc cạc tỏ ý đồng tình.

- Các bạn vịt ơi! - con ếch mạnh dạn cất lời - miền nam nơi các bạn bay tới là gì vậy? Xin thứ lỗi vì tôi đã làm phiền.

Lũ vịt quây quanh con ếch. Ban đầu chúng khao khát ăn nó, nhưng rồi con nào cũng nghĩ con ếch to quá không thể nuốt qua cổ được. Chúng bắt đầu kêu lên, cánh đập phành phạch:

- Ở miền nam thích lắm! Ở đó bây giờ ấm áp! Ở đó có những cái đầm ấm áp tuyệt vời! Sâu bọ ở đó nhiều làm sao! Ở miền nam thích lắm!

Chúng kêu to đến độ con ếch điếc cả tai. Khó khăn lắm nó mới làm chúng im lặng và yêu cầu một con vịt mà nó nghĩ có lẽ béo nhất và thông minh nhất trong lũ vịt giải thích cho nó miền nam là gì. Khi con vịt kể về miền nam, con ếch trở nên hào hứng, nhưng cuối cùng vẫn hỏi, bởi nó vốn rất thận trọng:

- Ở đó có nhiều mòng và muỗi không?

- Ôi, cả đống! - con vịt trả lời.

- Ộp ộp! - con ếch nói và lập tức nhìn quanh xem có cô bạn ếch nào ở đó có

thể phê phán nó vì đã ộp oạp vào mùa thu không. Nó đã không thể tìm được tiếng ộp, dẫu chỉ một lần.

- Hãy cho tôi theo cùng với!

- Bạn làm tôi ngạc nhiên đấy! - con vịt kêu lên - Làm sao chúng tôi cho bạn theo được? Bạn làm gì có cánh.

- Thế khi nào các bạn đi?

- Sắp rồi, sắp rồi! - cả lũ vịt đồng thanh - Cạc, cạc, cạc, cạc! Ở đây lạnh lắm! Về miền nam thôi! Về miền nam thôi!

- Làm ơn cho tôi suy nghĩ năm phút thôi, - con ếch nói - tôi quay lại ngay đây, có lẽ tôi sẽ nghĩ ra cái gì đó hay ho.

Và nó từ khúc rễ cây nơi mới trèo lên lần nữa, nhảy bộp xuống nước, hụp xuống bùn và rúc cả mình vào trong đó để những kẻ bên ngoài không cản trở nó suy nghĩ. Năm phút trôi qua, lũ vịt đã sửa soạn bay, thì bỗng từ dưới nước, gần khúc cây nơi con ếch đã ngồi, nhô lên cái mõm của nó, với một vẻ bừng sáng mà chỉ có một con ếch mới thể hiện được.

- Tôi nghĩ ra rồi! Tìm ra rồi! - nó nói - Hai bạn vịt hãy ngậm hai đầu một cành cây trong mỏ, còn tôi sẽ bám vào giữa cành cây đó. Các bạn sẽ bay, còn tôi thì đi! Chỉ cần các các bạn không cạc cạc, còn tôi thì không ộp ộp, thì mọi chuyện sẽ tuyệt vời!

Mặc dù phải im lặng và mang theo con ếch dẫu rất nhẹ bay hàng ngàn dặm chẳng phải là vui thú gì, nhưng sự thông minh của con ếch đã làm lũ vịt phẫn chán, đến nỗi chúng đồng lòng chịu mang nó theo. Chúng quyết định cứ hai tiếng lại đổi phiên một lần, và bởi số con vịt, như trong câu đố, rất đông, gấp hai lần, rồi lại hai lần nữa, rồi lại thêm một nửa, rồi lại thêm phần tư, trong khi con ếch chỉ có một, nghĩa là mỗi con không phải mang con ếch

bao nhiêu. Chúng tìm thấy một nhánh cây chắc chắn, hai con vịt lấy mỏngậm hai đầu, con ếch ngậm vào khúc giữa, và cả đàn bay lên không trung. Con ếch hết hồn vì độ cao nó được nhắc lên, ngoài ra, lũ vịt bay không đều và co kéo nhánh cây. Con ếch tội nghiệp đang đưa trong không gian như chú hề bằng giấy, rúng hết sức nghiến chặt hàm để không bị tuột ra và rơi xuống đất. Tuy nhiên, nó nhanh chóng quen với tình trạng của mình và thậm chí bắt đầu ngónghiêng ngắm nghía. Lướt nhanh bên dưới nó là những cánh đồng, thảo nguyên, những dòng sông và những dãy núi. Rất khó ngắm chúng bởi đang bị treo trên nhánh cây, nó chỉ có thể nhìn ra sau và lên phía trên một chút, nhưng dù sao vẫn thấy được một ít và cảm thấy rất sung sướng, tự hào.

“Mình đã nghĩ ra cách hay như thế đây” - nó nghĩ về bản thân.

Còn lũ vịt bay theo sau cặp vịt đang mang con ếch, kêu âm ỉ khen ngợi nó.

- Con ếch của chúng ta có cái đầu thông minh đến ngạc nhiên - chúng nói - thậm chí giữa loài vịt chúng ta cũng hiếm có ai được như thế.

Con ếch cố gắng kiềm chế không cảm ơn lũ vịt, bởi nhớ rằng nếu mở miệng thì nó sẽ bị rơi từ trên độ cao khủng khiếp. Nó nghiến hàm chặt hơn và quyết chịu đựng. Nó cứ đứng đưa như thế suốt cả ngày. Những con vịt đổi ca trong lúc bay, khéo léo đóplây nhánh cây. Việc này rất sợ, không chỉ một lần con ếch suýt kêu òm ộp vì kinh hãi, nhưng rất cần phải giữ được tinh thần, mà nó thì giữ được.

Chiều tối, cả đàn dừng lại trên một cái đầm nào đó, lúc bình minh lên, bày vịt cùng con ếch lại lên đường, nhưng lần này vịt khách du hành để có thể nhìn ngắm dễ hơn những thứ trên đường đi đã ngậm vào nhánh cây với tư thế lưng và đầu ở phía trước, còn bụng ở sau. Bầy vịt bay trên những cánh đồng đã gặt, trên những khu rừng lá đã chuyển vàng, trên những ngôi làng đầy lúa mì chát thành đồng, vọng tới từ đó tiếng người trò chuyện và tiếng đập lúa. Mọi người nhìn lên đàn vịt và nhận thấy có gì là lạ trên đó bèn

lấy tay chỉ trỏ. Con ếch hết sức mong muốn được bay gần xuống đất để cho họ trông thấy nó và nghe được xem họ nói gì về nó. Lần nghỉ tiếp theo, nó bảo:

- Ta có thể bay không cao quá như vậy được không? Độ cao làm tôi bị chóng mặt, tôi sợ sẽ ngã xuống nếu bỗng nhiên bị khó chịu.

Những con vịt tốt bụng hứa sẽ bay thấp hơn. Ngày hôm sau, chúng bay thấp đến nỗi có thể nghe thấy những tiếng nói:

- Trông kia, trông kia! - bọn trẻ con ở một làng kêu lên - lũ vịt mang theo con ếch!

Con ếch nghe thấy, tim nó nhảy lên vì sung sướng.

- Trông kia, trông kia! - những người lớn ở một làng khác kêu lên - thật kỳ diệu làm sao!

“Không biết họ có biết đây là do mình nghĩ ra, chứ không phải do lũ vịt không nhỉ? - ếch ộp nghĩ.

- Trông kia, trông kia! - người ta kêu lên ở làng thứ ba - Kỳ diệu làm sao! Ai mà nghĩ ra cái trò khôn ngoan thế nhỉ?

Con ếch không kiềm chế được nữa, quên cả cẩn trọng, ra sức hét vang:

Đó là tôi! Là tôi!

Cùng với tiếng kêu đó, nó bay lộn tùng phèo xuống đất. Bầy vịt kêu toáng lên, một con định vừa bay vừa tóm lấy người bạn đồng hành tội nghiệp, nhưng bị trượt mắt. Con ếch tung cả bốn cẳng lao nhanh xuống đất, nhưng bởi đàn vịt bay nhanh quá nên nó không rơi xuống vị trí bên dưới chỗ nó mở mồm kêu là một con đường đất cứng, mà ở xa hơn rất nhiều, và điều đó thật là may cho nó, vì nó đã rơi tồm xuống một cái hồ bần thiu ở bìa làng.

Con ếch nhanh chóng nhô lên khỏi mặt nước và lập tức lại nóng nảy hết to hết sức :

- Đó là tôi! Là tôi nghĩ ra đó!

Nhưng xung quanh nó chẳng có ai cả. Lũ ếch địa phương sợ hãi bởi bị xáo động bất ngờ trốn cả xuống nước. Khi bắt đầu nhô lên lại, chúng nhìn kẻ mới tới đầy ngạc nhiên.

Và con ếch kể cho chúng câu chuyện kỳ diệu, rằng nó đã suy nghĩ cả đời, cuối cùng phát minh ra một phương thức du hành mới rất đặc biệt bằng vọt, rằng nó có những con vọt của riêng mình, chúng đưa nó đi bất cứ nơi đâu nó thích, rằng nó đã ở miền nam, nơi rất tuyệt vời, nơi có những cái đầm ấm áp và có rất nhiều muỗi mòng và đủ các loại côn trùng ngon lành khác.

- Tôi ghé thăm xem các bạn sống ra sao, - nó nói - Tôi sẽ ở đây với các bạn đến mùa xuân, cho tới khi lũ vọt của tôi, lũ vọt mà tôi đã thả đi, quay trở lại.

Nhưng lũ vọt không bao giờ trở lại. Chúng tưởng rằng con ếch ộp đã chết tan xác khi rơi xuống đất, và rất thương xót nó.

1887

HẾT



